

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PHẠM THỊ HƯƠNG LAN

CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO
ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HÒA,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

MÃ SỐ: 8760101

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

PHẠM THỊ HƯƠNG LAN

CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO
ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HÒA,
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI

MÃ SỐ: 8760101

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. HUỖNH VĂN CHẨN

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng, luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội về “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Huỳnh Văn Chấn.

Các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là hoàn toàn trung thực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

Phạm Thị Hương Lan

LỜI CẢM ƠN

Đề tài “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương” là sản phẩm của tôi để làm luận văn tốt nghiệp sau hai năm theo học chương trình Cao học chuyên ngành Công tác xã hội tại trường Đại học Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.

Để có thể hoàn thành quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn này, lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn sâu sắc đến Thầy TS. Huỳnh Văn Chấn, Trưởng Khoa Công tác xã hội – Trường ĐH Khoa học Xã hội Nhân văn. Thầy đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn tôi một cách nghiêm túc và khoa học trong suốt quá trình nghiên cứu để tôi hoàn thiện luận văn này.

Ngoài ra, tôi cũng xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô trong Khoa CTXH đã đóng góp những ý kiến quý báu cho luận văn và tạo điều kiện và thời gian cho tôi trong suốt quá trình học tập nghiên cứu để có thành quả như ngày hôm nay.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

	PHẦN MỞ	1
ĐẦU.....		
1.	Lý do chọn đề tài	1
2.	Mục tiêu nghiên cứu	3
	3. Tổng quan nghiên cứu đề tài	3
3.1.	Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài	3
	3.2. Nghiên cứu trong nước	5
4.	Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	7
5.	Phương pháp nghiên cứu	7
5.1.	Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu:	7
5.2.	Phương pháp khảo sát thực tiễn:	8
	5.2.1. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi:	8
	5.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu:	9
	5.2.3. Phương pháp thảo luận nhóm:	9
	5.2.4. Phương pháp chuyên gia:	9
	5.2.5. Phương pháp thống kê toán học:	9
6. Đóng góp của đề tài		1
6.1. Ý nghĩa về lý luận		1
6.2. Ý nghĩa về thực tiễn		1
7. Cấu trúc của đề tài		1
		0
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA		
NGHIÊN CỨU.....		1
		2

1.1. Cơ sở lý luận	12
1.1.1 Các lý thuyết ứng dụng trong nghiên cứu	12
1.1.1.1. Thuyết hệ thống – sinh thái	12
1.1.1.2. Thuyết nhu cầu	13
1.1.1.3. Lý thuyết nhận thức hành vi	15
1.1.1.4. Lý thuyết về quyền con người	17
1.1.2. Các khái niệm liên quan	18
1.1.2.1. Khái niệm về CTXH	18
1.1.2.2. Khái niệm CTXH nhóm	19
1.1.2.3. Khái niệm công nhân	20
1.1.2.4. Khái niệm di dân	20
1.1.2.5. Khái niệm dân di cư	21
1.1.2.6. Khái niệm nhập cư	21
1.1.2.7. Khái niệm công cụ:	22
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CTXH VỚI NỮ LAO ĐỘNG	23
2.1. Thực trạng nhân khẩu xã hội của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một	23
1.1. Trình độ học vấn	24
1.2. Nghề nghiệp trước khi đến nhập cư	28
1.3. Quê quán trước khi nhập cư	29
1.4. Độ tuổi	30
1.5. Tình trạng hôn nhân	33
2.2. Đặc điểm việc làm của nữ lao động nhập cư	34

2.3. Thực trạng về đời sống của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một	39
2.3.1. Đời sống vật chất	40
2.3.1.1. Thu nhập	40
2.3.1.2. Nhà ở	44
2.3.1.3. Các khoản chi tiêu	46
2.3.1.4. Về tài sản	49
2.3.2. Đời sống sức khỏe tinh thần	50
2.3.2.1. Các hoạt động giải trí	50
2.3.2.2. Những bệnh thường gặp	52
2.3.2.3. Đánh giá mức sống hiện tại so với trước kia	58
2.3.2.4. Mức độ hài lòng khi nhập cư	59
2.4. Những khó khăn với nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một	60
2.5. Nhu cầu của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một	62
2.6. Nguyên vọng của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một	65
CHƯƠNG 3; ỨNG DỤNG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HÒA THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG	68
3.1. Phương pháp công tác xã hội nhóm	68
3.2. Công cụ kỹ thuật sử dụng	69
3.3. Tiến trình công tác xã hội nhóm	69
3.3.1. Giai đoạn: lên kế hoạch và thành lập nhóm	69

3.3.1.1. Tóm tắt, tóm lược những điểm chính về nhóm	69
3.3.1.2. Thành phần nhóm	69
3.3.1.3. Cam kết	70
3.3.2. Giai đoạn: BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG	71
4.2.1. Giới thiệu các thành viên trong nhóm	71
3.3.2.2. Thông tin chi tiết về các thành viên	76
3.3.2.3. Mục đích chung của nhóm hướng đến	78
3.3.2.4. Mục tiêu của nhóm	78
3.3.2.5. Phương pháp hoạt động và mô tả công việc của nhóm	78
3.3.3. Giai đoạn: GIỮA	79
3.3.4. Giai đoạn: LƯỢNG GIÁ	90
3.3.4.1. Lượng giá	90
3.3.4.2. Kết luận	95
4.4.3. Bài học rút ra khi làm công tác xã hội nhóm	96
PHỤ LỤC	98
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	110
A. KẾT LUẬN	110
B. KIẾN NGHỊ	111
TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	TỪ VIẾT TẮT
1	CTXH	Công tác xã hội
2	NV.CTXH	Nhân viên Công tác xã hội
3	CTXHN	Công tác xã hội nhóm
4	ĐTB	Điểm trung bình
5	ĐLC	Độ lệch chuẩn

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1</i>	<i>Trình độ học vấn của nữ lao động nhập cư</i>
<i>Bảng 2.2</i>	<i>Nghề nghiệp trước khi đến nhập cư</i>
<i>Bảng 2.3</i>	<i>Quê quán gốc trước khi nhập cư</i>
<i>Bảng 2.4</i>	<i>Về độ tuổi của nữ lao động nhập cư</i>
<i>Bảng 2.5</i>	<i>Trình trạng hôn nhân</i>
<i>Bảng 2.6</i>	<i>Việc làm hiện tại của nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.7</i>	<i>Thu nhập củ nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.8</i>	<i>Về nhà ở của nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.9</i>	<i>Các khoản chi tiêu của nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.10</i>	<i>Các loại hình giải trí</i>
<i>Bảng 2.11</i>	<i>Những bệnh thường gặp</i>
<i>Bảng 2.12</i>	<i>Tình trạng tiếp cận nữ y tế của nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.13</i>	<i>Đánh giá mức độ hài lòng của nữ công nhân nhập cư</i>
<i>Bảng 2.14</i>	<i>Khó khăn của nữ công nhân lao động nhập cư</i>
<i>Bảng 2.15</i>	<i>Nhu cầu của nữ lao động nhập cư</i>

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<i>Biểu đồ.1</i>	<i>Nhu cầu tuyển dụng theo trình độ, bậc học trong quý 2/2021 tỉnh Bình Dương</i>
<i>Biểu đồ.2</i>	<i>Nhu cầu tuyển dụng chia theo vị trí công việc</i>
<i>Biểu đồ.3</i>	<i>Vị trí công việc có nhu cầu tuyển dụng thu nhập cao</i>
<i>Biểu đồ.4</i>	<i>Vị trí công việc có nhu cầu tuyển dụng thu nhập thấp</i>
<i>Biểu đồ 5</i>	<i>Các vật dụng sở hữu</i>
<i>Biểu đồ .6</i>	<i>Đánh giá mức sống hiện nay</i>
<i>Biểu đồ .7</i>	<i>Nguyện vọng của nữ công nhân lao động nhập cư</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Vấn đề di dân và nhập cư được xem như là một quy luật xã hội tất yếu của xã hội loài người. Điều này đã được các nước trên thế giới và ngay cả Việt Nam chứng minh qua chiều dài của lịch sử. Khi một khu vực, một địa phương phát triển về kinh tế thì tất yếu xuất hiện sự nhập cư của người dân từ khắp nơi chuyển về để làm ăn, sinh sống.

Ở Việt Nam, tỉnh Bình Dương được xem là một trong những tỉnh ở phía Nam có các khu công nghiệp lớn nhất, chứa đựng rất nhiều người công nhân sản xuất tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội. Lượng công nhân này xuất phát từ người dân địa phương rồi dần dần do nhu cầu phát triển doanh nghiệp nên đòi hỏi cần số lượng công nhân nhiều, dẫn đến sự nhập cư số lượng công nhân ở các tỉnh nhập cư về đây là không nhỏ.

Thành phố Thủ Dầu Một là nội ô của Tỉnh dù không có khu công nghiệp lớn nhưng cũng có khu công nghiệp nhỏ, cùng các công ty nước ngoài. Thủ Dầu Một cũng đón một lượng lớn dân nhập cư đến sinh sống vì những thuận tiện về đường, về an ninh trật tự, về sự văn minh của một đô thị.

Có thể hiểu, Nhập cư là hoạt động di chuyển từ đơn vị hành chính này sang đơn vị hành chính khác và có sự gia nhập chỗ ở theo thủ tục đăng ký tạm trú hiện thời tại đơn vị hành chính mới [Theo Cao Ngọc Thành Viện nghiên cứu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh]. Và lao động nhập cư là những người lao động di chuyển từ nơi này đến một nơi khác có cơ hội việc làm và thu nhập tốt hơn để làm ăn, sinh sống. Lực lượng lao động nhập cư có những đặc trưng riêng, nhưng tất cả đều có một điểm chung là vì kinh tế. Lao động nữ có xu hướng di cư ngày càng nhiều hình thành nên một lực lượng quan trọng.

Nhưng trên bước đường mưu sinh họ cũng gặp phải rất nhiều những khó khăn, trong cuộc sống của mình, họ phải đối mặt với mức sống thấp và vấn đề họ rất khó tiếp cận hoặc bị hạn chế tiếp cận với các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, nhà ở... Biết bao khó khăn của những người phải sống xa gia đình, sống cuộc đời xa quê, xa nhà, thiếu hụt tình cảm, cố gắng mưu sinh vì cuộc sống của bản thân, của gia đình

Đa số họ với bản chất chịu thương chịu khó, hầu hết họ làm nhiều nghề, hoặc với những công việc nặng nhọc, độc hại có thể trong những điều kiện tồi tệ, họ cố gắng kiếm tiền bằng sức lao động của mình cho dù bằng những việc làm đơn giản nhất như: bán hàng rong, mua ve chai, giúp việc gia đình... Sống trong những khu nhà trọ rẻ tiền, xập xệ, không đảm bảo vệ sinh với những điều kiện tạm bợ. Vì mưu sinh họ cũng không có thời gian tham gia vào các hội, đoàn thể của địa phương cùng các tổ chức xã hội khác.

Nhất là đối với những người phụ nữ, phần lớn họ có cuộc sống đặc trưng của người phụ nữ Việt Nam, ít giao tiếp, chịu thương chịu khó. Chính vì những điều này đã làm cho cuộc sống của họ trở nên tẻ nhạt nơi đất khách, sau những giờ làm việc mệt mỏi, họ về phòng trọ và nhốt mình vào 4 bức tường. Từ đó, làm nảy sinh nhiều vấn đề, nhiều cạm bẫy cho họ. Khi thiếu thốn tình cảm họ rất dễ sa ngã vào những lời ngon ngọt đường mật của một số đàn ông chuyên đi lừa đảo tình cảm, dẫn đến việc nạo phá thai và sinh con ngoài ý muốn của một số nữ công nhân nhà trọ.

Đời sống của đại bộ phận nữ lao động nhập cư vẫn còn rất nhiều khó khăn, gặp nhiều vấn đề bức xúc, cấp bách của giai cấp công nhân như về: nhà ở gần nơi làm việc, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, nơi vui chơi giải trí, cơ sở nuôi dạy trẻ đảm bảo chất lượng... những điều này vẫn chưa được giải quyết một cách kịp thời.

Qua rà soát một số đề tài về cuộc sống của lao động nhập cư, chúng tôi thấy rằng, các nghiên cứu trước đây đều tập trung vào những nội dung về đời sống của lực lượng lao động nhập cư nói chung, về lực lượng lao động đang sống tại các khu nhà trọ, về những chế độ, chính sách cho những lực lượng lao động này. Nhưng chưa có đề tài nào đề cập đến đời sống lực lượng nữ lao động nhập cư dưới góc nhìn của CTXH; đây là một lực lượng lao động rất lớn, góp phần vào thành quả chung của doanh nghiệp cũng như của thành phố Thủ Dầu Một. Và nếu có CTXH hỗ trợ tốt về công việc, nơi ở, sẽ cải thiện được đời sống công nhân lao động nhập cư này đáng kể

Chính vì vậy tôi chọn đề tài “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương” nhằm tìm hiểu về cuộc sống hiện tại của những người lao động nữ nhập cư đang sinh sống trên địa bàn. Từ đó, tạo thành những nhóm có thể cùng vui chơi, giải trí, hỗ trợ nhau khi đau yếu,

hữu sự, khó khăn trong cuộc sống, có thể tìm được biện pháp hỗ trợ thiết thực nhất từ thực tiễn thành phố Thủ Dầu Một.

2. Mục tiêu nghiên

cứu a. Mục tiêu chung

Trên cơ sở lý luận, đề tài khảo sát thực trạng về học sinh bị bạo lực học đường để từ đó ứng dụng phương pháp công tác xã hội nhóm đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn Phường Phú An Hòa, thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.

b. Mục tiêu cụ thể

Đề tài sẽ thực hiện những mục tiêu cụ thể sau:

- Xác định những vấn đề lý luận cơ bản của đề tài và các khái niệm cơ bản (CTXH nhóm, nữ công nhân; Nhập cư..)
- Điều tra thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại Phường Phú An Hòa thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để chỉ ra nguyên nhân, hậu quả, các yếu tố ảnh hưởng đến đời sống của họ.
- Thông qua thực hành CTXH nhóm sẽ đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn Phường Phú An Hòa, ở thành phố Thủ Dầu Một; tỉnh Bình Dương.

3. Tổng quan nghiên cứu đề tài

3.1. Nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Nhóm tác giả Veronique Marx và Katherine Fleischer với nghiên cứu “***Di cư trong nước- Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam***” đề cập đến vấn đề di cư, các phân tích trong tài liệu bao gồm các xu hướng nổi trội của di cư trong nước, tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội và những khó khăn thách thức mà người di cư gặp phải trong quá trình di cư. Đây cũng chính là công trình của nhóm nghiên cứu của nhóm Điều phối về chính sách kinh tế và xã hội của các tổ chức Liên hợp quốc tại Việt Nam biên soạn tháng 7/ 2010.

Tổ chức di cư Quốc tế (International Organization for Migration) với công trình “Nghiên cứu về Bạo lực Giới đối với các Phụ nữ di cư là Công nhân nhà máy”. Nghiên cứu này thực hiện tại các khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực xung quanh, thời gian nghiên cứu từ tháng 10/2006 đến tháng 6/2007.

Thực chất của nghiên cứu này là nhằm cải thiện hiểu biết về tình trạng bạo lực đối với nữ công nhân di cư ở Việt Nam và cung cấp thông tin chính xác về nhận thức, trải nghiệm và phản ứng của phụ nữ di cư đối với bạo lực giới mà có thể được sử dụng để hỗ trợ các nỗ lực vận động thông qua xây dựng chính sách và chương trình.

Tổ chức Action Aid tổ chức hội thảo công bố kết quả đề tài nghiên cứu “Thực trạng mức sống của lao động nữ nhập cư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN

- KCX) hiện nay”. Nghiên cứu này đã chỉ ra được những hạn chế trong thu nhập của đa số công nhân, trong đó có nữ công nhân nhập cư. Họ đã bị doanh nghiệp chèn ép, sẵn sàng cắt tiền lương khi doanh nghiệp khó khăn và thông thường chỉ trả lương bằng mức lương tối thiểu. Do vậy nữ công nhân đã phải đi kiếm các công việc làm thêm khác để tăng thêm thu nhập và cải thiện cuộc sống.

Trung tâm hợp tác phát triển nguồn nhân lực và Actionaid, “Tác động của khủng hoảng kinh tế tới đời sống, việc làm của công nhân nữ nhập cư và nguy cơ

buôn bán người” Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng có 28% nữ công nhân nhập cư có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và 36% số nữ công nhân nhập cư chuyển chỗ làm từ 1 đến 5 lần trong 5 năm qua.. Họ được xem là đối tượng chịu sự tác động lớn của khủng hoảng kinh tế nên vấn đề mất việc, thiếu việc, không tìm được việc làm, dẫn tới nguy cơ là nạn nhân của tệ nạn mua bán người là điều khó tránh khỏi. Từ đó nghiên cứu cũng đưa ra một số đề xuất cho việc triển khai mô hình hỗ trợ cho nữ công nhân khi đang làm việc lẫn khi về quê.

Nghiên cứu cũng chỉ ra nữ công nhân lao động nhập cư đã và đang chịu nhiều tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế. Nhiều công nhân nữ không có hợp đồng lao động, nên khi có khủng hoảng kinh tế xảy ra, doanh nghiệp sẵn sàng cắt giảm lao động và nghiêm nhiên họ sẽ mất việc làm. Đứng trước vấn đề mất việc buộc họ phải đi tìm những công việc khác có thu nhập để trang trải cho cuộc sống hàng ngày, ít người lựa chọn về quê. Chính vì vậy, việc chấp nhận một công việc nhiều rủi ro, bất chấp hậu quả là điều dễ xảy ra, nhiều chị em dễ bị lợi dụng, dụ dỗ, lừa gạt vào con đường mại dâm, lấy chồng nước ngoài.

Leslie T. Chang “Gái công xưởng”. Cuốn sách viết về các cô gái rời quê nhà, hòa mình vào thế giới công xưởng khắc nghiệt, nơi bạn thậm chí sẽ đánh mất bạn trai chỉ vì đánh mất cái điện thoại, hoặc một chút kỹ năng sử dụng máy tính sẽ đưa bạn

lên một tầng lớp mới trong xã hội. Trong cuộc vật lộn mưa sinh họ đã nếm trải đủ thành công cũng như thất bại cay đắng. Đây là cuốn sách viết về nữ lao động Trung Quốc nhưng cũng đã phản ánh được những hiện thực tồn tại mà có lẽ các “thân phận: công nhân đều phải trải qua.

3.2. Nghiên cứu trong nước

Tác giả Hoàng Văn Chức với “*Di cư tự do đến Hà Nội- Thực trạng và giải pháp*” đề cập đến tính hình di cư của người lao động trong những năm 1980– 1990. Chỉ ra những nguyên nhân của di cư xuất phát từ sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Nghiên cứu đề cập đến thực trạng di dân tự do đến Hà Nội và những ảnh hưởng của di dân tự do đến môi trường, đến cơ sở hạ tầng của thành phố, đến việc quản lý nhân khẩu, các tệ nạn xã hội, trật tự an toàn xã hội ...- những vấn đề đang ngày càng trở nên nan giải hơn khi dòng người đổ xô về đô thị ngày càng nhiều.

Đặng Nguyên Anh với bài viết “*Chiều cạnh giới của di cư lao động thời kỳ CNH, HĐH đất nước*”. Bài viết cho thấy sự gia tăng về quy mô, tỷ trọng cũng như các loại hình di cư nữ, đặc biệt đến khu vực thành thị, các khu công nghiệp là một thực tế khách quan phản ánh quy luật phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh đó là những bất cập, những khó khăn trở ngại mà phụ nữ phải đối diện trong quá trình di cư khi mà các chính sách, môi trường xã hội và pháp lý chưa tạo điều kiện để đảm bảo quyền lợi cho họ.

Chuyên khảo “*Di cư trong nước và mối liên hệ với các điều kiện sống*” do Tổng cục thống kê thực hiện cũng trong năm 2006 nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc hoạch định chính sách và kế hoạch hoá phát triển các lĩnh vực khác nhau có tính đến sự khác biệt giữa các nhóm di cư. Mục tiêu chính của chuyên khảo này là miêu tả mối quan hệ giữa di cư và các sự kiện cuộc sống. Các sự kiện được phân tích xem xét bao gồm: việc làm, thay đổi nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân, học vấn, sinh đẻ. Tập trung phân tích các mô hình di cư theo chu trình cuộc sống, gắn với các nguyên nhân và hậu quả chính của di cư.

Kim Anh, Nguyễn Tập và Quốc Linh với nghiên cứu “Chuyện dài nhiều tập của công nhân nhập cư”. Nhóm tác giả đã nói lên được thực trạng đời sống của công nhân nhập cư mà đáng chú ý hơn cả là nữ công nhân. Các nữ công nhân đều gặp các vấn đề từ nhà trọ đến ăn uống hàng ngày, thu nhập, tình cảm, sức khỏe... Họ phải

sống trong các khu nhà trọ ẩm thấp, dột nát, chật hẹp, ăn uống thì tằn tiện vì đồng lương quá ít ỏi. Tình trạng sống thử xảy ra đầy rẫy, không nhận được sự quan tâm về mặt sức khỏe từ phía công ty nên nữ công nhân dễ mắc các bệnh: Đau bao tử, viêm xoang, viêm phụ khoa...

Phan Thị Mai Hương Viện Tâm lý học làm chủ nhiệm (2011), “Báo cáo kết quả nghiên cứu về công nhân”. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng người công nhân có sự quan tâm đối với các vấn đề lớn của đất nước nhưng nhận thức còn chưa thực sự đầy đủ, còn có những hạn chế, do phần lớn thời gian người công nhân dành để làm việc, làm tăng ca..., do người công nhân còn đang phải lo cho cuộc sống hàng ngày, lo kiếm sống. Vì vậy, thông tin thu được cũng không phải là nhiều.

Lê Trọng và Nguyễn Minh Ngọc với “Lao động nữ ra thành phố cư trú tự do tìm việc làm: thực trạng và giải pháp”. Tác giả đã đưa ra các nguyên nhân của vấn đề lao động nữ ra thành phố cư trú tự do, bên cạnh nguyên nhân là do kinh tế khó khăn thì còn bao gồm cả nguyên nhân về tinh thần. Trong bài viết, tác giả cũng nói tới những khó khăn mà nữ công nhân phải đối mặt trong quá trình di cư đi tìm việc làm.

Nguyễn Văn Tài và CTV, “Di dân tự do nông thôn – thành thị ở Thành phố Hồ Chí Minh”. Tác giả đã giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về vấn đề di dân tự do từ nông thôn ra thành thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, những tích cực và tiêu cực của việc di dân tự do đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra những biện pháp vừa mang tính chất dài hạn và ngắn hạn đối với hiện tượng di dân tự do.

Nguyễn Thị Chiến với “Nghiên cứu đời sống văn hóa của công nhân các khu công nghiệp vùng tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh”. Nghiên cứu khảo sát đánh giá thực trạng đời sống văn hóa của công nhân các KCN trong đó bao gồm: đời sống văn hóa vật chất, đời sống văn hóa tinh thần của công nhân. Trên cơ sở những nhận định về nguyên nhân chủ quan và khách quan tác động đến đời sống văn hóa của công nhân, đề tài đề xuất các giải pháp và kiến nghị về nâng cao đời sống văn hóa cho công nhân các KCN ở Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh.

Bùi Thị Thanh Hà, có công trình “Đời sống và việc làm của công nhân xuất thân từ nông thôn” thực hiện từ tháng 10/2008. Nghiên cứu này đã đề cập đến những khó khăn trong công việc cũng như trong việc tìm kiếm bạn đời của các công nhân

nhập cư. Họ có thể thích nghi được với cuộc sống nhưng vấn đề tìm được bạn đời là điều khó khăn đối với họ, do điều kiện kinh tế chưa ổn định, tính chất công việc và các mối quan hệ giáo lưu hạn chế. Vì vậy nhiều các công nhân đã chọn con đường trở về quê để tìm việc khác và lập gia đình. Bên cạnh đó nghiên cứu cũng đã nêu ra được những kiến nghị đến các cấp như: Điều chỉnh tăng lương, thiết kế các khu nhà ở cho công nhân...

Nguyễn Tín Nhiệm với “Điều kiện lao động của nữ công nhân: Thực trạng và giải pháp”. Nghiên cứu này khảo sát các doanh nghiệp trên cả nước, về vấn đề môi trường lao động. Nghiên cứu này phản ánh được tình hình chung về điều kiện lao động của nữ công nhân và từ đó đã nêu ra được một số giải pháp để khắc phục tình trạng này.

Phạm Thanh Thôi có nghiên cứu “Đời sống xã hội của thanh niên nhập cư lao động phổ thông tại các cơ sở sản xuất nhỏ ở Tp.HCM”. Nghiên cứu này chủ yếu tập trung về các khía cạnh đời sống xã hội của thanh niên nhập cư lao động phổ thông tại các cơ sở sản xuất nhỏ ở TP. Hồ Chí Minh. Các khía cạnh của đời sống xã hội như mạng lưới xã hội, quan hệ xã hội, các điều kiện sống, làm việc, thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội đô thị được mô tả và phân tích trong nghiên cứu này. Đời sống xã hội của thanh niên nhập cư xét trên quan hệ với chủ cơ sở, với các đồng nghiệp tại nơi sống và làm việc được xây dựng chủ yếu trên nền tảng các quan hệ “tình cảm”, “thân thuộc”, “đồng tộc”, “đồng hương”.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài chúng tôi nghiên cứu về CTXH nhóm với nâng cao đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn Phường Phú An Hòa.
- Phạm vi nghiên cứu: Chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn Phường Phú An Hòa, tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sẽ sử dụng một hệ thống các phương pháp nghiên cứu sau:

5.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu:

- Mục đích nghiên cứu văn bản tài liệu:

Trên cơ sở nghiên cứu các văn bản tài liệu có liên quan đến nội dung đề tài xây dựng cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu thực tiễn.

- *Nội dung nghiên cứu tài liệu:*

+ Nghiên cứu các tác phẩm kinh điển có liên quan đến vấn đề đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư

+ Nghiên cứu các công trình của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư và các vấn đề khác có liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài.

+ Nghiên cứu các văn kiện, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước liên quan đến vấn đề đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư ở nước ta hiện nay.

+ Nghiên cứu các tài liệu về việc thực hiện công ước quốc tế về vấn đề đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền con người và đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư.

+ Nghiên cứu các số liệu thống kê của các công trình nghiên cứu và các cuộc điều tra vấn đề đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư ở Việt Nam trong 10 năm qua.

5.2. Phương pháp khảo sát thực tiễn:

Các phương pháp cụ thể được sử dụng trong khảo thực tiễn gồm:

5.2.1. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi:

+ Khảo sát bằng bảng hỏi chủ yếu nhằm thu được những số liệu định lượng liên quan đến các nội dung nghiên cứu.

+ Trong bảng hỏi sẽ có những phần nội dung chính chung cho khách thể và những phần riêng liên quan đến những khác biệt của các khách thể:

* Nội dung số 1: Thực trạng nhân khẩu xã hội của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố TDM

* Nội dung số 2: Thực trạng nhân khẩu xã hội của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố TDM

* Nội dung số 3: Thực trạng về đời sống của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố TDM

* Nội dung số 4: Những khó khăn với nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố TDM

* Nội dung số 5: Nhu cầu của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố TDM

* Nội dung số 6: Nguyên vọng của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố TDM

* Nội dung số 7: CTXH với nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố TDM

Tổng số khách thể điều tra bằng bảng hỏi dự kiến sẽ là: 200 học sinh.

5.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu:

+ Phỏng vấn sâu được thực hiện chủ yếu để thu thập các thông tin định tính mà khảo sát bằng bảng hỏi không đáp ứng được, giúp lý giải sâu hơn các vấn đề được quan tâm nghiên cứu.

+ Phỏng vấn sâu được tiến hành chủ yếu theo kiểu phỏng vấn bán cấu trúc.

Đề tài sẽ tiến hành phỏng vấn sâu các đối tượng sau:

* Phỏng vấn sâu nữ công nhân lao động nhập cư: 5 người.

* Phỏng vấn sâu cán bộ quản lý khu công nghiệp: 10 người.

* Phỏng vấn sâu UBND phường: 5 người.

Tổng số khách thể phỏng vấn sâu là: 20 người.

Tổng số khách thể điều tra định lượng và định tính là: 220 người

5.2.3. Phương pháp thảo luận nhóm:

+ Các cuộc thảo luận nhóm được tiến hành dựa trên các đối tượng nghiên cứu của đề tài, nhằm trao đổi, đánh giá về các nội dung nghiên cứu, đặc biệt là tìm hiểu

sâu hơn các nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT và tìm hiểu các kiến nghị của các đối tượng nghiên cứu nhằm tìm giải pháp nâng cao đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT

+ Dự kiến sẽ tổ chức 03 buổi thảo luận nhóm (mỗi nhóm khách thể là 5 người cho một buổi thảo luận nhóm).

5.2.4. Phương pháp chuyên gia:

+ Phương pháp chuyên gia được sử dụng với mục đích tham khảo ý kiến nhằm tăng độ chính xác và tính khoa học trong đánh giá những vấn đề nghiên cứu.

+ Các chuyên gia được lựa chọn là những người có chuyên môn sâu về lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

5.2.5. Phương pháp thống kê toán học:

Các kết quả khảo sát sẽ được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 17.0 dành cho các nghiên cứu khoa học xã hội để đảm bảo được tính khách quan.

Việc sử dụng này cho phép chúng ta lập được các bảng số liệu thực trạng, các bảng số liệu về sự liên quan giữa các biến số về độ tin cậy của các số liệu điều tra.

6. Đóng góp của đề tài

Đây là một trong những đề tài nghiên cứu về nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một từ góc độ của Công tác xã hội nhóm một cách hệ thống và sâu sắc. Với cách tiếp cận liên ngành, trong đó nghiên cứu sâu từ góc độ CTXH đề tài sẽ cung cấp một bức tranh khá toàn diện về thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT; tỉnh Bình Dương hiện nay.

6.1. Ý nghĩa về lý luận

Đề tài sẽ hệ thống hóa, xây dựng những vấn đề lý luận cơ bản về nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT dưới góc độ CTXH nhóm. Kết quả nghiên cứu này sẽ bổ sung những vấn đề lý luận mới về CTXH - những vấn đề lý luận về nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT sẽ làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo có liên quan đến nữ lao động nhập cư.

6.2. Ý nghĩa về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng góp phần khẳng định thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố THỦ DẦU MỘT và phương hướng vận dụng CTXH nhóm nhằm nâng cao đời sống của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một; tỉnh Bình Dương.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho địa phương cũng như các cán bộ làm công tác xã hội có những giải pháp hoàn thiện hơn, các mô hình phù hợp hơn, giúp cho cơ quan quản lý hoạch định những chính sách hiệu quả có thể giải quyết vấn đề cho lực lượng này trên địa bàn phường Phú Hòa nói riêng thành phố Thủ Dầu Một nói chung.

7. Cấu trúc của đề tài

Đề tài gồm 03 phần cơ bản:

- Phần mở đầu

- Phần nội dung

+ *Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu*

+ *Chương 2: Thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại ở thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình dương*

+ *Chương 3: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.*

- Phân kết luận và kiến nghị

- Tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1 Các lý thuyết ứng dụng trong nghiên cứu

1.1.1.1. Thuyết hệ thống – sinh thái

Mô hình đời sống về thực hành công tác xã hội của Germain và Gitterman (1980) là một mô hình chính trong hệ thống sinh thái. Mô hình cuộc đời nhìn nhận cá nhân như việc họ thích ứng thường xuyên trong một sự trao đổi lẫn nhau với nhiều khía cạnh khác nhau về môi trường sống của họ. Tất cả chúng đều biến đổi thông qua môi trường. Ở đâu chúng ta có thể trao đổi và phát triển thông qua cách này qua môi trường thì sự thích ứng qua lại qua môi trường cũng tồn tại. Những vấn đề xã hội (nghèo đói, bệnh tật, bất bình đẳng, bạo lực) đều làm giảm khả năng thích ứng tương hỗ. Do vậy sự tương tác giữa các cá nhân, giữa cá nhân với môi trường sẽ giảm đi. Các hệ thống của cuộc sống cũng phải duy trì một sự phù hợp tốt với môi trường. Chúng ta đều cần một đầu vào phù hợp nhằm duy trì chúng ta và đảm bảo sự phát triển. Vấn đề của công tác xã hội xảy ra khi các hệ thống cá nhân sống trong đó không thích ứng được với môi trường sống của họ.

Ở đâu sự trao đổi thiết lập được sự cân bằng thích ứng thì ở đó xuất hiện những áp lực. Điều này cũng tạo ra các vấn đề theo một hình thức phù hợp giữa những nhu cầu của chúng ta và khả năng về môi trường. Áp lực có thể xuất hiện từ:

- Sự chuyển đổi cuộc sống (biên đổi về vị thế vị trí vai trò xã hội, không gian sống. VD: những người lần đầu tiên làm cha làm mẹ, được thăng chức hay giáng cấp, những đứa trẻ lần đầu tiên đến trường hay tiếp xúc với những điều mới lạ...đều tạo

nhưng áp lực mà chúng ta cần phải cân bằng nếu không muốn rơi vào khủng hoảng).

- Những áp lực về môi trường (những cơ hội bất bình đẳng, những điều khắc khe và những tổ chức không phản hồi)

- Các tiến trình liên cá nhân (khám phá, kỳ vọng trái ngược nhau)

Thực chất trong cuộc sống mọi vấn đề chúng ta gặp phải đều có thể tạo ra những áp lực, nhưng quan trọng là sự ảnh hưởng và tính chất của nó ra sao. Không phải những tình huống nào cũng hướng đến những áp lực thực tế. Những áp lực chỉ

xuất hiện trong những tình huống cá nhân không thích ứng được trong sự trao đổi với môi trường. Cốt lõi của thuyết này nhấn mạnh đến tầm quan trọng về khả năng thích ứng, kiểm soát, nhận thức môi trường bên ngoài của mỗi cá nhân.

Trong mỗi quan hệ giữa cán sự và thân chủ, xuất hiện những vấn đề cần trao đổi (vấn đề gây cản trở khả năng thích ứng của thân chủ với môi trường):

- Quan niệm của xã hội về vị trí, vai trò (như nỗi sợ của thân chủ về giai cấp, vị trí chính thức của cán sự)
- Các chức năng và cấu trúc cơ sở xã hội (giống như các chính sách)
- Các luận điểm về mặt chuyên môn (như đạo đức)

Theo Germain và Gitterman mục đích của CTXH là nhằm tăng cường khả năng thích ứng và tạo ảnh hưởng đến môi trường của các cá nhân do đó nhiều hình thức trao đổi và mang tính thích ứng nhiều hơn.

Ứng dụng lý thuyết

Trong nghiên cứu này, chúng ta thấy cộng đồng nữ công nhân lao động nhập cư là một hệ thống, tất cả các hộ nữ công nhân lao động nhập cư là một hệ thống con, chịu ảnh hưởng và chi phối của hệ thống lớn. Vì vậy CTXH nhóm hỗ trợ thay đổi đời sống cho từng hộ dân cũng có nghĩa là làm thay đổi cả hệ thống của địa phương. Nhận thức được như vậy muốn hỗ trợ thay đổi đời sống thành công cho từng hộ của nữ lao động nhập cư thì việc ứng dụng CTXH nhóm phải xem xét hệ thống sinh kế của cả địa phương sao cho phù hợp nhất và hiệu quả nhất

1.1.1.2. Thuyết nhu cầu

Abraham Maslow (1908-1970) khi đưa ra lý thuyết liên quan đến nhu cầu con người vào những năm 50 của thế kỷ XX đã đề cập đến hệ thống gồm năm loại nhu cầu của con người được xếp thành thứ bậc, nhu cầu bậc thấp xếp phía dưới, các nhu cầu phát triển xếp ở các bậc thang cao hơn. Các nhu cầu này được xếp thành hình tháp bao gồm:

- Nhu cầu sinh lý cơ bản: ăn, ở, vệ sinh, tình dục...
- Nhu cầu bảo toàn tính mạng.
- Nhu cầu văn hóa xã hội.

- Nhu cầu được kính trọng.

- Nhu cầu tự thể hiện, tự khẳng định, nói theo ngôn ngữ của Mỹ ngày nay là nhu cầu "bùng nổ cá nhân". (The personality broke out)

Theo Maslow các nhu cầu của con người sắp xếp theo một thứ bậc. Các nhu cầu càng thấp trong thứ bậc, chúng càng cơ bản và càng giống với các nhu cầu của loài vật. Các nhu cầu càng cao trong thứ bậc, chúng càng đặc trưng cho con người. Chỉ khi nào ta thỏa mãn được các nhu cầu bậc thấp mới có thể xử lý được các nhu cầu ở bậc cao.

Nhu cầu cơ bản (basic needs)

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu của cơ thể (body needs) hoặc nhu cầu sinh lý (physiological needs), bao gồm các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, uống, ngủ, không khí để thở, tình dục, các nhu cầu làm cho con người thoải mái,...đây là những nhu cầu cơ bản nhất và mạnh nhất của con người. Trong hình kim tự tháp, chúng ta thấy những nhu cầu này được xếp vào bậc thấp nhất: bậc cơ bản nhất. Maslow cho rằng, những nhu cầu ở mức độ cao hơn sẽ không xuất hiện trừ khi những nhu cầu cơ bản này được thỏa mãn và những nhu cầu cơ bản này sẽ chế ngự, hồi thúc, giục giã một người hành động khi nhu cầu cơ bản này chưa đạt được.

Nhu cầu về an toàn, an ninh (safety, security needs):

Khi con người đã được đáp ứng các nhu cầu cơ bản, tức các nhu cầu này không còn điều khiển suy nghĩ và hành động của họ nữa, khi đó các nhu cầu về an toàn, an ninh sẽ bắt đầu được kích hoạt. Nhu cầu an toàn và an ninh này thể hiện trong cả thể chất lẫn tinh thần. Con người mong muốn có sự bảo vệ cho sự sống còn của mình khỏi các nguy hiểm. Nhu cầu này sẽ trở thành động cơ hoạt động trong các trường hợp khẩn cấp, nguy khốn đến tính mạng như chiến tranh, thiên tai, gặp thú dữ,...Các chế độ bảo hiểm xã hội, các chế độ khi về hưu, các kế hoạch để dành tiết kiệm, ...cũng chính là thể hiện sự đáp ứng nhu cầu an toàn này.

Nhu cầu về xã hội (social needs):

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu mong muốn thuộc về một bộ phận, một tổ chức nào đó (belonging needs) hoặc nhu cầu về tình cảm, tình thương (needs of love). Nhu cầu này thể hiện qua quá trình giao tiếp như việc tìm kiếm, kết bạn, tìm người yêu, lập gia đình, tham gia một cộng đồng nào đó, đi làm việc, đi chơi picnic, tham gia các câu lạc bộ, làm việc nhóm, ...Mặc dù, Maslow xếp nhu cầu này sau 2

nhu cầu phía trên, nhưng ông nhấn mạnh rằng nếu nhu cầu này không được thỏa mãn, đáp ứng, nó có thể gây ra các bệnh trầm trọng về tinh thần, thần kinh.

Nhu cầu được quý trọng

Nhu cầu này còn được gọi là nhu cầu tự trọng (self esteem needs) vì nó thể hiện 2 cấp độ: nhu cầu được người khác quý mến, nể trọng thông qua các thành quả của bản thân, và nhu cầu cảm nhận, quý trọng chính bản thân, danh tiếng của mình, có lòng tự trọng, sự tự tin vào khả năng của bản thân. Sự đáp ứng và đạt được nhu cầu này có thể khiến cho một đứa trẻ học tập tích cực hơn, một người trưởng thành cảm thấy tự do hơn.

Nhu cầu được thể hiện mình (self-actualizing needs):

Maslow mô tả nhu cầu này như sau: “self-actualization as a person’s need to be and do that which the person was “born to do” (nhu cầu của một cá nhân mong muốn được là chính mình, được làm những cái mà mình “sinh ra để làm”). Nói một cách đơn giản hơn, đây chính là nhu cầu được sử dụng hết khả năng, tiềm năng của mình để tự khẳng định mình, để làm việc, đạt các thành quả trong xã hội.

Ứng dụng của lý thuyết trong nghiên cứu

Trong đề tài này, Lý thuyết Nhu cầu của Maslow sẽ được sử dụng nhằm đánh giá nhu cầu sinh hoạt nhóm của các nữ lao động nhập cư, từ đó nghiên cứu đề xuất các khuyến nghị, giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết thực về đời sống của họ. Điều này sẽ giúp cải thiện chất lượng do ứng dụng CTXH nhóm tạo ra

Khi ứng dụng CTXH nhóm với nữ lao động nhập cư thì cần chú ý đáp ứng nhu cầu của họ trong quá trình thành lập nhóm, sinh hoạt nhóm một cách đồng bộ, có như thế mới giải quyết được tất cả nguyên nhân cội nguồn và có phương án phát triển nhóm đạt được mục đích đề ra khi các thành viên đều thỏa mãn nhu cầu của họ

1.1.1.3. Lý thuyết nhận thức hành vi

Các quan điểm về hành vi và nhận thức xuất phát từ hai dòng tác phẩm tâm lý học (TLH) có liên quan. Về mặt lịch sử, lý thuyết học hỏi xuất hiện đầu tiên và phát triển trong TLH lâm sàng sử dụng trị liệu hành vi dựa trên nghiên cứu của TLH. Sheldon (1995) biểu đạt bản chất của lý thuyết này là việc tách biệt ý thức và hành

vi. Các quan điểm tâm động học và quan điểm truyền thống lại cho rằng hành vi xuất phát từ một quá trình thực hiện theo ý thức của chúng ta, điều này có nghĩa là hành

vi của con người xuất hiện dựa trên ý thức của họ. Nhưng lý thuyết học hỏi cho rằng chúng ta không thể biết được điều gì đang xảy ra trong ý thức của ai đó. Do đó, chúng

ta chỉ có thể trị liệu tập trung đến việc giải quyết các vấn đề làm thay đổi hành vi mà không quan tâm đến những vấn đề biến đổi nào có thể xảy ra trong ý thức của chúng ta trong quá trình này.

- Nội dung của thuyết: thuyết này cho rằng: chính tư duy quyết định phản ứng chứ không phải do tác nhân kích thích quyết định. Sở dĩ chúng ta có những hành vi hay tình cảm lệch chuẩn vì chúng ta có những suy nghĩ không phù hợp. Do đó để làm thay đổi những hành vi lệch chuẩn chúng ta cần phải thay đổi chính những suy nghĩ không thích nghi.

- Mô hình: $S \rightarrow C \rightarrow R \rightarrow B$

Trong đó: S là tác nhân kích thích, C là nhận thức, R là phản ứng, B là kết quả hành vi.

Giai thích mô hình: Theo sơ đồ thì S không phải là nguyên nhân trực tiếp của hành vi mà thay vào đó chính nhận thức C về tác nhân kích thích và về kết quả hành vi mới dẫn đến phản ứng R.

- Quan điểm về nhận thức và hành vi: 2 quan điểm

+ Theo các nhà lý thuyết gia nhận thức- hành vi thì các vấn đề nhân cách hành vi của con người được tạo tác bởi những suy nghĩ sai lệch trong mối quan hệ tương tác với môi trường bên ngoài. (Aron T. Beck và David Burns có lý thuyết về tư duy méo mó). Con người nhận thức lầm và gán nhãn nhầm cả từ tâm trạng ở trong ra đến hành vi bên ngoài, do đó gây nên những niềm tin, hình tượng, đối thoại nội tâm tiêu cực. Suy nghĩ không thích nghi tốt đưa đến các hành vi của một cái tôi thất bại. (ví dụ, đứa trẻ suy nghĩ và chắc chắn rằng mẹ mình không yêu thương mình bằng em mình, từ đó đứa trẻ xa lánh mẹ và tỏ thái độ khó chịu với mẹ, không gần gũi...)

+ Hầu hết hành vi là do con người học tập (trừ những hành vi bẩm sinh), đều bắt nguồn từ những tương tác với thế giới bên ngoài, do đó con người có thể học tập

các hành vi mới, học hỏi để tập trung nghĩ về việc nâng cao cái tôi, điều này sẽ sản sinh các hành vi, thái độ thích nghi và củng cố nhận thức.

=> Như vậy, lý thuyết này cho ta thấy rằng cảm xúc, hành vi của con người không phải được tạo ra bởi môi trường, hoàn cảnh mà bởi cách nhìn nhận vấn đề.

Con người học tập bằng cách quan sát, ghi nhớ và được thực hiện bằng suy nghĩ và quan niệm của mỗi người về những gì họ đã trải nghiệm.

*** Ứng dụng lý thuyết trong nghiên cứu:**

Trong ứng dụng CTXH nhóm chúng ta hết sức chú trọng đến hành vi của nữ công nhân lao động nhập cư trong sinh hoạt đời sống hằng ngày, từ đó chúng ta mới điều chỉnh các hoạt động trong nhóm theo một hành vi chuẩn mực, có như thế thì mọi hoạt động sẽ nâng lên và phát triển bền vững trong giao tiếp của nhóm hằng ngày cũng như hiệu quả trong lao động sản xuất. Lý thuyết này giúp cho các NVCTXH vận dụng hiệu quả vào thực hành CTXH nhóm nhằm điều chỉnh hành vi của nhóm cho tương đồng

1.1.1.4. Lý thuyết về quyền con người

*** Nội dung lý thuyết**

Tiếp cận dựa trên quyền con người trong công tác xã hội là một khung lý thuyết có chứa đựng các nguyên tắc, tiêu chuẩn và mục tiêu của hệ thống quyền con người trong quá trình lập kế hoạch và tiến trình thực hiện các hoạt động công tác xã hội. Cách tiếp cận dựa trên quyền lấy nền tảng cơ bản chính là hệ thống quyền con người đã được luật pháp quốc tế bảo vệ. Nhân viên xã hội cần dựa theo hệ thống quyền đó để xây dựng các phương pháp hoạt động của những mô hình phát triển xã hội.

Cách tiếp cận theo quyền con người luôn đưa ra đối tượng tác động cụ thể, đó chính là con người và quyền cơ bản của mình. Nhân viên xã hội thực hiện việc trao quyền cho con người thực hiện các quyền của mình, đồng thời đảm bảo những bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ của họ.

Trên phương diện vĩ mô, cách tiếp cận dựa trên quyền con người bàn đến tầm quan trọng của nhà nước và chính phủ trong mối tương quan với công dân của họ về mặt quyền và nghĩa vụ.

+ Cách tiếp cận này nhằm vận động sự quan tâm của nhà nước về mặt chăm lo đời sống của những người dân dễ tổn thương cả những dân không tự mình đứng lên đòi quyền lợi cho mình.

+ Cách tiếp cận này hướng đến việc cải thiện hoàn cảnh của con người, tập trung vào nhu cầu, vấn đề và tiềm năng của họ. Các vấn đề luôn được coi trọng đối

với sự phát triển con người như là thực phẩm, nước sạch, nhà ở, y tế, giáo dục, an toàn, tự do không chỉ đơn thuần là nhu cầu của con người mà chính là quyền con người được hưởng.

Vì vậy, quyền con người vượt lên ý niệm về nhu cầu cơ bản mà chứa đựng cái nhìn nhân đạo hơn về con người, về khía cạnh công dân, chính trị, xã hội, kinh tế và vai trò văn hóa. Đồng thời nhắc đến quyền con người là nói đến nghĩa vụ và trách nhiệm, trong khi đó cách tiếp cận theo nhu cầu không đề cập đến. Sẽ không thể tiếp cận dựa trên quyền nếu không đề ra câu hỏi “Ai sẽ là người chịu trách nhiệm tương ứng với quyền của người/ nhóm người này?”.

Tiếp cận dựa trên quyền mang tính nhân văn. Coi trọng con người với những quyền mà họ được hưởng, đó là quan điểm hướng tới giá trị nhân văn cao đẹp về con người. Với cách tiếp cận này, đối tượng dù đang gặp phải vấn đề khó khăn cũng được tôn trọng như là một người với đầy đủ các giá trị phù hợp với từng đối tượng khó khăn, yếu thế trong công tác xã hội.

Ứng dụng của lý thuyết trong nghiên cứu

Trong quá trình ứng dụng lý thuyết, NVCTXH phải chú ý đến quyền con người trong suốt quá trình hoạt động nhóm. Điều đó giúp hội viên trở nên tự tin, thoải mái khi cung cấp thông tin và chia sẻ quan điểm. Ngoài ra, việc áp dụng các nguyên tắc này cũng giúp đảm bảo tính tôn trọng các thành viên của nhóm, cụ thể chính trong từng thành viên của nhóm cũng phải biết tôn trọng quyền con người của nhau

1.1.2. Các khái niệm liên quan

1.1.2.1. Khái niệm về CTXH

Theo Đề án 32 về phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020, công tác xã hội được định nghĩa “CTXH góp phần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người và con người, hạn chế phát sinh các vấn đề xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của thân chủ xã hội, hướng tới một xã hội lành mạnh, công bằng, hạnh phúc cho người dân và xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến” [21].

Trong khái niệm mới nhất của Liên đoàn Nhân viên Công tác xã hội Quốc tế (International Federation of Social Workers (IFSW) năm 2014 thì: CTXH là nghề nghiệp dựa trên thực hành nhằm khuyến khích những thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội, trao quyền và giải phóng con người. Các nguyên tắc về công bằng xã

hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng là trung tâm của nghề CTXH. Được củng cố bởi các lý thuyết về công tác xã hội, khoa học xã hội nhân văn và kiến thức địa phương, CTXH thực hành với con người và các thể chế để giải quyết những thách thức cuộc sống và nâng cao sức khỏe của cộng đồng. (<http://ifsw.org/policies/definition-of-social-work>) [40].

Dưới góc nhìn của nhà nghiên cứu, tác giả Lê Hải Thanh cho rằng “Công tác xã hội là hoạt động mang tính chuyên môn nhằm giúp đỡ các cá nhân, các nhóm hoặc cộng đồng tăng cường hoặc khôi phục năng lực thực hiện chức năng xã hội của họ và tạo ra những điều kiện thích hợp nhằm đạt được mục tiêu ấy” [18].

Như vậy, *CTXH là một hoạt động chuyên nghiệp, được thực hiện theo các nguyên tắc đã được định sẵn và hướng tới đảm bảo quyền lợi và an sinh xã hội của con người. CTXH giúp cho đất nước có được Công bằng xã hội, mọi người đều được hưởng quyền lợi và sự trợ giúp.*

1.1.2.2. Khái niệm CTXH nhóm

Theo tác giả Konopka (1963): “Công tác xã hội nhóm là phương pháp công tác xã hội giúp cá nhân nâng cao chức năng xã hội thông qua việc trải nghiệm và đương đầu để giải quyết một cách hiệu quả những vấn đề của cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng”.

Toseland (1998) định nghĩa “Công tác xã hội nhóm là hoạt động có mục đích với các nhóm trị liệu và các nhóm hành động nhằm giúp nhóm đáp ứng nhu cầu xúc cảm xã hội và hoàn thành các nhiệm vụ. Hoạt động này được tổ chức cho từng thành viên của nhóm và cho toàn thể nhóm trong hệ thống phân phối dịch vụ”.

Theo cách diễn đạt đơn giản thì công tác xã hội nhóm là quá trình nhân viên xã hội sử dụng tiến trình sinh hoạt với nhóm nhằm giúp các cá nhân tương tác lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm, suy nghĩ với nhau, tạo sự thay đổi trong thái độ, hành vi, tăng cường khả năng giải quyết vấn đề, thỏa mãn nhu cầu của các thành viên trong nhóm. Điểm cần nhấn mạnh trong công tác xã hội với nhóm là giúp đỡ cá nhân có vấn đề

➔ CTXH nhóm là một phương pháp CTXH, được áp dụng với một nhóm người có cùng một vấn đề. Họ cùng nhau trao đổi, chia sẻ và giúp đỡ nhau để giải quyết vấn đề của mình. Các thành viên tạo động lực để cổ vũ và hỗ trợ lẫn nhau để

họ có thể vượt qua những trở ngại của bản thân giúp họ thoát khỏi những bức tường vô hình đang vây xung quanh họ. Bên cạnh đó, CTXH nhóm cũng là một tiến trình được thiết kế rõ ràng và dễ hiểu.

Chẳng hạn như áp dụng vào đề tài này, CTXH nhóm là sẽ làm việc với một nhóm học sinh THCS có hành vi bạo lực. Thông qua tiến trình CTXH nhóm giúp các em học sinh có thể bộc bạch bản thân với nhau, chia sẻ các khó khăn, bức xúc hay các nguyên nhân dẫn tới hành vi bạo lực của mình. Từ đó tìm ra hướng giải quyết vấn đề cho các em học sinh và làm giảm tình trạng bạo lực học đường ở học sinh THCS hiện nay.

Một số đặc điểm của CTXH nhóm:

- Có sự hỗ trợ và chỉ dẫn của nhân viên CTXH từ giai đoạn đầu
- Có những quy định riêng cho hoạt động từ giai đoạn đầu thành lập
- Các thành viên trong nhóm đoàn kết, cởi mở chia sẻ và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau.

1.1.2.3. Khái niệm công nhân

1.1.2.4. Khái niệm di dân

Di dân là di chuyển dân cư trong nước (từ nông thôn ra thành thị và ngược lại, hoặc từ vùng này sang vùng khác) và từ nước này sang nước khác. Việc di dân từ nông thôn ra thành thị có thể là biểu hiện trình độ công nghiệp hoá đất nước, mặt khác, cũng có khi phản ánh sự phát triển chậm chạp hơn hoặc sự lạc hậu về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội của nông thôn so với thành thị. Đây là một xu hướng ít nhiều có tính phổ biến ở các nước. Để khắc phục tình hình này, biện pháp tích cực là coi trọng việc xây dựng nông thôn, cải thiện cơ sở hạ tầng, phát triển sinh hoạt văn hoá, tinh thần, phát triển công nghiệp, chủ yếu là công nghiệp nhỏ ở nông thôn. Việc di dân đến những vùng có nhiều đất hoang hay có nhiều đất đai nhưng thiếu lao động, lập nên những vùng kinh tế mới là một chính sách và biện pháp có ý nghĩa chiến lược quan trọng để phân bố lại dân cư, sức lao động giải quyết vấn đề thiếu việc làm, khai thác tài nguyên, đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế [36, tr.24] “Di dân” trong đề tài này sẽ được nhắc đến khi nói tới việc một bộ phận lớn thanh niên nông thôn đang có xu hướng lên thành phố tìm việc. Từ đó chứng minh cho việc tại sao một lực lượng lớn công nhân tại các thành phố lớn chủ yếu là người từ nơi khác đến. Qua đó thể

hiện vấn đề trình độ học vấn của họ thấp, khả năng kiếm việc khó khăn nên buộc họ phải đi làm công nhân.

1.1.2.5. Khái niệm dân di cư

Dân di cư là những người, vì các lí do khác nhau, đã rời bỏ nơi họ thường trú hoặc nước mà họ mang quốc tịch sang thường trú ở một nước khác. Khoản 2, điều 12, Công ước Quốc tế năm 1966 về các quyền dân sự và chính trị thừa nhận quyền của mỗi người rời bỏ nước mình hoặc nơi mình đã thường trú để sang thường trú ở một nước khác. Theo Công ước, quyền này có thể bị giới hạn vì lí do bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự xã hội, sức khỏe, đạo đức của dân cư hoặc các quyền và tự do của những người khác. Nhà nước Việt Nam cho phép những người dân Việt Nam rời Tổ quốc để định cư ở nước ngoài vì lí do đoàn tụ gia đình [36, tr.25]

Khái niệm dân di cư được nhắc đến trong đề tài như một công cụ để chứng minh lý do các nữ công nhân lên thành phố làm. Do điều kiện kinh tế của nơi họ sống gặp nhiều khó khăn, để có thu nhập, để có tiền họ đã chấp nhận rời quê lên thành phố kiếm cơ hội việc làm.

1.1.2.6. Khái niệm nhập cư

Theo Đại từ điển tiếng Việt của nhà xuất bản Văn hóa-Thông tin: Nhập cư là đến định cư ở một nơi khác.

Với đề tài này, “nhập cư” muốn nói đến việc một lực lượng lớn người dân nông thôn lên thành phố làm việc lâu dài. Như thế buộc họ phải cư trú tại nơi họ đang làm và từ đó sẽ hình thành việc họ sẽ ở lại làm và sống ở đây lâu dài.

Nhập cư là hoạt động di chuyển chỗ ở đến một vùng hay quốc gia mới. Dân nhập cư là người dân di chuyển từ một vùng đến một vùng khác để định cư hoặc tạm trú. Nhập cư ngược với xuất cư. Tuy nhiên, cả nhập cư và xuất cư đều là di cư.

Mỗi cá nhân khi quyết định nhập cư đều tính đến lợi ích của bản thân và những người thân quanh mình. Lý do nhập cư gồm có những nguyên nhân ở cả nơi đi và nơi đến.

Phân loại nhập cư:

Phân loại theo mục đích nhập cư: nhập cư để học tập, nhập cư để làm việc và nhập cư với mục đích khác.

Phân loại theo khu vực: nhập cư từ các địa phương trong nước và nhập cư giữa các nước khác nhau.

1.1.2.7. Khái niệm công cụ:

Trên cơ sở khoa học của các lý luận nêu trên chúng đưa ra khái niệm: “CTXH nhóm với nữ lao động nhập cư là việc ứng dụng tiến trình nhóm vào đời sống của nữ lao động nhập cư nhằm tổ chức cho họ có cuộc sống cải thiện hơn trong cuộc sống”

Từ khái niệm chúng ta thấy có đặc điểm sau:

- Thứ nhất, đời sống của nữ công nhân lao động nhập cư có nhiều vấn đề cần phải được hỗ trợ bằng CTXH nhóm
- Thứ hai, để cải thiện đời sống của nữ công nhân lao động nhập cư thì phải tổ chức đời sống cho họ một cách hợp lý hay nói khác hơn là phải vận dụng CTXH nhóm để hỗ trợ can thiệp và nâng cao đời sống của họ trong cộng đồng thông qua nhiều nhóm chuyên biệt phù hợp trong hoạt động sống của họ
- Thứ ba, Mục đích của CTXH nhóm với nữ công nhân nhập cư là cải thiện đời sống cho họ một cách thiết thực trên cơ sở khoa học

*** Tiểu kết chương 1**

Trong chương này, chúng tôi đã xây dựng được khung lý thuyết làm cơ sở cho việc nghiên cứu, Chúng tôi hệ thống được các lý thuyết nghiên cứu như: Thuyết hệ thống sinh thái; Thuyết nhu cầu; Thuyết nhận thức hành vi; Thuyết quyền con người. Mỗi lý thuyết chúng tôi chỉ ra được các nội dung cơ bản của thuyết và cách vận dụng mỗi lý thuyết vào cho việc nghiên cứu của luận văn.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đưa ra một hệ thống các khái niệm liên quan đề tài như: Công tác xã hội; Công tác xã hội nhóm; Di dân; Di dân nhập cư;..... Từ

đó chúng tôi xác định được khái niệm công cụ của đề tài là: “CTXH nhóm với nữ lao động nhập cư là việc ứng dụng tiến trình nhóm vào đời sống của nữ lao động nhập cư nhằm tổ chức cho họ có cuộc sống cải thiện hơn trong cuộc sống” và xác định các chỉ báo khoa học để làm cơ sở cho việc xây dựng bảng hỏi để làm công cụ cho việc khảo sát một cách khoa học cho đề tài.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CTXH VỚI NỮ LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

2.1. Thực trạng nhân khẩu xã hội của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một

Việc phác thảo một số đặc điểm về nhân khẩu – xã hội của nữ lao động nhập cư trong mẫu nghiên cứu được xem là cơ sở cho việc phân tổ những nội dung chính cũng như nắm bắt được các đặc điểm của đối tượng và khách thể nghiên cứu trong đề tài.

Theo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Dương, tính đến tháng 7 năm 2021, Bình Dương có 50.000 doanh nghiệp với hơn 1,2 triệu lao động nhập cư đến từ khắp các tỉnh, thành trong cả nước. Bên cạnh đó, Bình Dương có 29 khu công nghiệp với trên 2.000 doanh nghiệp, 485.670 lao động Việt Nam và 14.900 lao động nước ngoài; 12 cụm công nghiệp với 40.000 lao động (Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. 2021). Bình Dương hiện là tỉnh đứng thứ 2 cả nước (sau Thành phố Hồ Chí Minh) về thu hút FDI. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đón nhận trên 34 tỷ USD vốn đầu tư từ 64 quốc gia và vùng lãnh thổ. Do đó, nhu cầu về nguồn lao động nhập cư luôn luôn rất lớn.

Do tác động của dịch Covid-19 qua 4 đợt (từ tháng 1/2020 tới nay), tình trạng thất nghiệp cũng như làn sóng di cư của công nhân từ Bình Dương về các tỉnh tăng cao (trái ngược với làn sóng di cư trước đây là từ các tỉnh lên Bình Dương). Điều này dẫn đến tình trạng các công ty, xí nghiệp và các khu công nghiệp bị thiếu nguồn lao động. Theo thống kê của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, tính tới đầu quý II/2021, thị trường lao động tại Bình Dương vẫn trong tình trạng thiếu lao động, các doanh nghiệp gấp rút triển khai nhiều biện pháp, hình thức tuyển lao động phổ thông để đáp ứng nhu cầu sản xuất. Nguồn cầu trong quý II là 23.337 lao động, trong đó nhu cầu về lao động có chuyên môn kỹ thuật là 4.271 lao động, nhu cầu lao động phổ thông là 19.066 lao động. So với quý I/2021, số lượng cầu lao động có chiều hướng giảm trong khi số lượng doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lại tăng; lũy kế 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 nguồn cầu tăng 14.874 lao động, tương ứng tỷ lệ 22,7% về nhu cầu lao động và lượng doanh nghiệp tăng 340 doanh nghiệp, tương ứng

tỷ lệ 9,7%. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tích cực của thị trường lao động trước ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 trong đợt thứ 4 này (Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, 2021).

Thủ Dầu Một là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội của tỉnh Bình Dương. Thủ Dầu Một đã và đang trở thành điểm sáng về phát triển khu công nghiệp, là thị trường thu hút một lượng lớn lao động từ các nơi với sự đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực việc làm và trình độ chuyên môn. Do đó, số lượng người nhập cư tập trung về đây rất đông để làm việc và sinh sống. Nhu cầu về nguồn lao động đa dạng về tay nghề, trình độ, chuyên môn,... để cung ứng cho các doanh nghiệp.

1.1. Trình độ học vấn

Trình độ học vấn là biến quan trọng trong nghiên cứu về lao động nữ nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một. Đây là biến độc lập có mối tương quan trong ảnh hưởng đến các biến phụ thuộc như nghề nghiệp, thu nhập, tài sản, nhà ở, mức độ hài lòng về cuộc sống,...

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên 200 nữ lao động nhập cư hiện đang làm việc và sinh sống tại Thủ Dầu Một. Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy, chiếm hơn một nửa (105 người trả lời với 52.5%) có trình độ học vấn ở mức trung học cơ sở. Tiếp theo là trình độ trung học phổ thông với 60 người lựa chọn, chiếm 30%. Đáng chú ý có 10 nữ lao động có trình độ tiểu học (5%). Như vậy có thể thấy trình độ học vấn của lao động nữ nhập cư ở mức độ trung bình thấp. Điều này có ảnh hưởng nhất định tới mức thu nhập cũng như việc ổn định cuộc sống, nhất là trong giai đoạn dịch Covid-

19 bùng phát và tác động mạnh mẽ tới đời sống của toàn bộ người dân trên địa bàn tỉnh Bình Dương hiện nay. Một nữ công nhân chia sẻ:

“Tụi em ở miền Tây lên đây làm công nhân trong xưởng may. Hầu hết bạn bè em cũng như em đâu có học hành gì nhiều. Nhà nghèo, học xong lớp 5 là ở nhà phụ cha mẹ làm ruộng (ruộng). Lớn lên xíu thì thấy các anh/chị, bạn bè lên đây làm công nhân, cũng có tiền gửi về quê cho cha mẹ thì em cũng lên theo để mong có cuộc sống tốt hơn” (H., 19 tuổi, Bến Tre).

“Em ở miền Trung vô đây làm công nhân ở nhà máy làm da. Nói chung là em chỉ làm lao động tay chân thôi vì em không có được học hành chi nhiều. Học vừa tới

lớp 9 nghỉ học đi làm công nhân, kiếm tiền nuôi em luôn anh ơi. Nhà đông anh em, ba má lại nghèo lấy đâu tiền đi học” (HA., 20 tuổi, Nghệ An).

Bảng 2.1: Trình độ học vấn của nữ lao động nhập cư

STT	Trình độ học vấn	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Tiểu học	10	5.0
2	Trung học cơ sở	105	52.5
3	Trung học phổ thông	60	30.0
4	Trung cấp nghề	25	12.5
5	Khác	0	0.0
Tổng		200	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

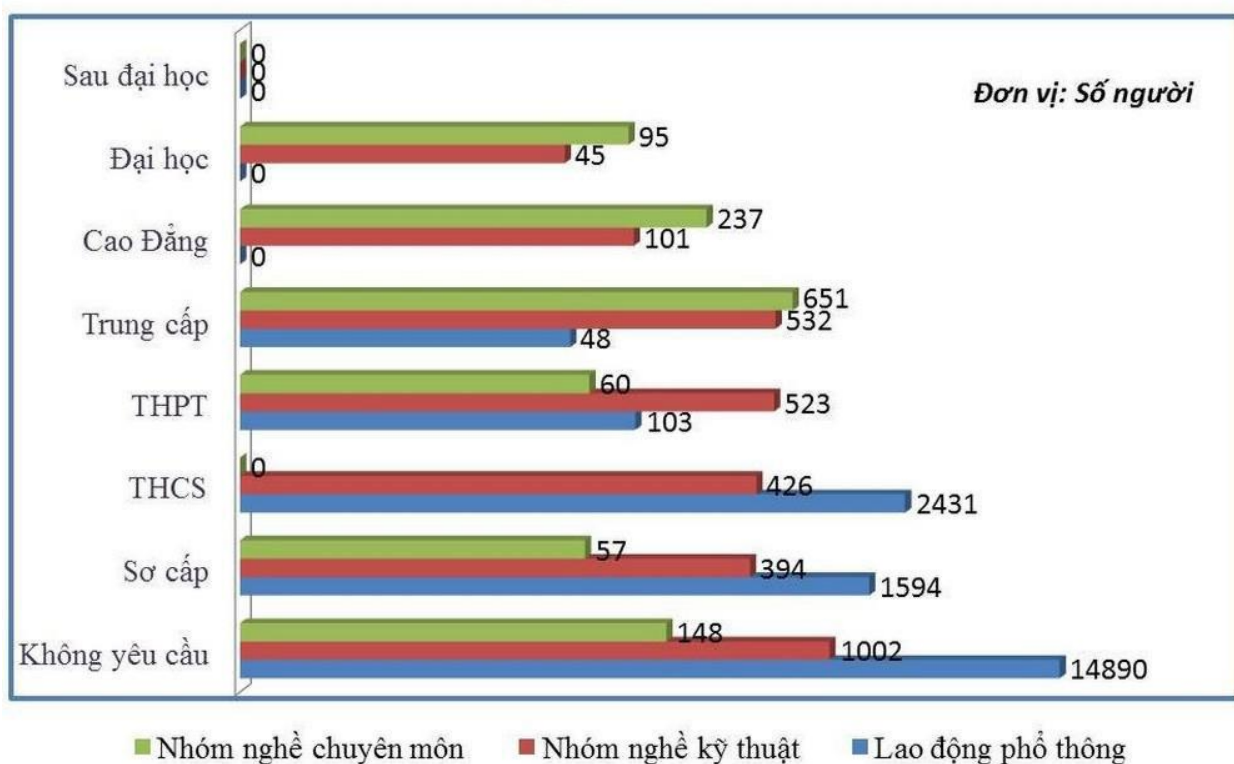
Trình độ học vấn cao nhất của 200 nữ công nhân trong khảo sát của đề tài là trung cấp nghề (25 người lựa chọn, chiếm 12.5%). Trình độ học vấn cao hơn (đại học và sau đại học) không có. Có thể nói, với yêu cầu của các doanh nghiệp về lao động có tay nghề chất lượng cao trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay thì trình độ học vấn thấp là rào cản quan trọng đối với nữ công nhân trong tìm kiếm công việc làm ổn định, có định hướng phát triển, được đào tạo sâu, có thu nhập cao.

Kết quả thống kê năm 2019 chỉ ra, sau 10 năm, trình độ học vấn của lực lượng lao động đã được nâng cao; phân bố lực lượng lao động theo trình độ học vấn cao nhất đạt được tăng mạnh ở các nhóm trình độ cao và giảm mạnh ở các nhóm trình độ thấp: lực lượng lao động đã tốt nghiệp THPT trở lên tăng 13,5 điểm phần trăm so với năm 2009 (năm 2019 là 39,1%; năm 2009 là 25,6%); không thay đổi đối với nhóm THCS và giảm mạnh ở 3 nhóm trình độ thấp hơn (chưa bao giờ đi học giảm 1,7 điểm phần trăm; chưa tốt nghiệp tiểu học giảm 5,7 điểm phần trăm; tốt nghiệp tiểu học

giảm 6,1 điểm phần trăm) (Tổng cục thống kê. 2019). Đây là nhu cầu tất yếu của nền kinh tế trong thời điểm hiện nay và tương lai.

Tuy nhiên, ngược lại, các khảo sát nhu cầu tuyển dụng cho thấy với thị trường lao động hiện nay ở nước ta nói chung và tại Bình Dương nói riêng, loại việc làm yêu cầu chuyên môn tay nghề trung bình chiếm đa số và loại việc làm yêu cầu chuyên môn cao chiếm tỷ lệ khá thấp; mặt khác thị trường đang thiếu hụt lao động nhất là lao động phổ thông, vì vậy trong quý II/2021 nhu cầu tuyển lao động phổ thông là 19.066 nhưng không yêu cầu trình độ chiếm 78.10% và trình độ trung học cơ sở chiếm 12,75%. Đối với nhóm nghề kỹ thuật cũng vậy, doanh nghiệp không quá chú trọng đến yêu cầu về trình độ chỉ cần lao động có kinh nghiệm và đáp ứng được yêu cầu công việc, chỉ trừ một số vị trí bắt buộc phải có trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học. Với nhóm nghề có chuyên môn, đòi hỏi phải có vốn kiến thức lớn để đảm nhiệm công việc thì thị trường yêu cầu tối thiểu phải đạt trình độ trung cấp và không giới hạn trình độ tối đa; trình độ cao, đáp ứng công việc tốt sẽ được hưởng mức lương tương xứng (UBND tỉnh Bình Dương. 2021). Đây cũng có thể là lý do giải thích cho trình độ học vấn của nữ công nhân trong khảo sát ở mức độ trung bình thấp.

NHU CẦU TUYỂN DỤNG THEO TRÌNH ĐỘ, BẬC HỌC QUÝ II/2021



***Biểu đồ 1: Nhu cầu tuyển dụng theo trình độ, bậc học quý II/2021
tỉnh Bình Dương***

1.2. Nghề nghiệp trước khi đến nhập cư

Đa số các nữ công nhân trước khi tới Bình Dương đều chưa có việc làm (118 người trả lời, chiếm 59%). Số nữ công nhân còn lại rải rác ở các ngành nghề khác, không đòi hỏi tay nghề cao như bán hàng (25 người, 12.5%), nông nghiệp (18 người, 9%), công nhân (12 người, 6%), nhân viên công ty (9 người, 4%),... Nhìn vào kết quả khảo sát có thể thấy nghề nghiệp trước đây mà các nữ công nhân chủ yếu làm là các công việc tay chân, không cần trình độ hay tay nghề cao hoặc thất nghiệp. Điều này cho thấy có mối tương quan giữa biến trình độ học vấn và biến nghề nghiệp trước khi đến nhập cư của họ. Trình độ học vấn thấp có thể là yếu tố cản trở quan trọng trong việc tìm kiếm một công việc phù hợp ngay tại quê nhà của nữ công nhân. Đây cũng có thể là lý do cho việc di cư của họ.

“Em nghỉ học xong là ở nhà phụ mẹ làm nông nghiệp và lo chuyện cơm nước trong gia đình. Mới học xong lớp 7 thì làm sao mà xin được việc ở quê hả chị? Ở quê muốn có công việc ổn định chỉ có làm Nhà nước. Mà muốn xin vào Nhà nước thì phải học đại học ra chớ” (Th., 22 tuổi, Đồng Tháp).

“Trước đây thì em cũng có làm công nhân may mặc cho một công ty ở chỗ huyện em ở. Nhưng tiền lương thấp quá, tháng nào tiêu hết tháng đó, không để dành được đồng nào. Thế nên em theo chị em xuống đây làm để kiếm ít tiền gửi về quê cho má nuôi em, với cũng giành giùm ít để lấy chồng (cười)” (M., 25 tuổi, Tây Ninh).

Bảng 2.2: Nghề nghiệp trước khi đến nhập cư

STT	Nghề nghiệp trước khi đến nhập cư	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Chưa có việc làm	118	59.0
2	Nghề bán hàng	25	12,5
3	Làm công nhân	12	6
4	Hướng dẫn viên du lịch	2	1.0
5	Nghề kế toán	1	0.5
6	Quản lý khách sạn - du lịch	4	2.0
7	Làm nhân viên công ty	9	4.0
8	Làm nghề nông nghiệp	18	9.0
9	Nhân viên phục vụ	5	2.5
10	Nghề thợ may	6	3.0
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

1.3. Quê quán trước khi nhập cư

Nữ lao động nhập cư tới Thủ Dầu Một làm việc có sự đa dạng về nguồn gốc xuất cư. Không chỉ ở các thị xã, huyện lỵ khác tại tỉnh Bình Dương (96 người, chiếm 48%) mà còn khắp các tỉnh thành trong cả nước, từ khu vực Tây Nam Bộ (Long An

– 15 người, chiếm 7.5%, Tiền Giang – 9 người, chiếm 4.5%, Đồng Tháp – 11 người, chiếm 5.5%,...) tới Trung Bộ (Thanh Hóa – 18 người, chiếm 9%), Tây Nguyên (Lâm

Đồng – 12 người, chiếm 6%), Đông Nam Bộ (Bình Phước – 14 người, chiếm 7%, Đồng Nai – 12 người, chiếm 6%). Tuy nhiên, có thể nhận thấy, phần lớn quê quán các nữ lao động nhập cư trong đề tài là từ Bình Dương và các tỉnh Tây Nam Bộ. Phải chăng có sự di cư theo nhóm dựa trên các mối quan hệ gia đình, họ hàng và đồng hương.

“Em theo chị em lên Thủ Dầu Một làm công nhân. Chị làm công ty rồi chỉ em nộp hồ sơ vào làm cùng với chị. Nói chung ở đây mọi người cũng giới thiệu cho nhau vào làm chung đó anh” (Nh., 20 tuổi, Tiền Giang).

“Hiện tại em đang phụ bán quán cafe. Công việc của em là do anh chủ là người quen dưới quê nên rủ em lên đây làm. Anh í về quê chơi, thấy em ở nhà phụ mẹ nấu ăn nên nói cha mẹ em cho lên đây bán quán với anh í để kiếm chút tiền gửi về cho cha mẹ” (H., 19 tuổi, Bến Tre).

Bảng 2. 3: Quê quán gốc trước khi nhập cư

STT	Quê quán	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Bình Dương	96	48.0
2	Bình Phước	14	7.0
3	Đồng Nai	12	6.0
4	Thanh Hóa	18	9.0
5	Lâm Đồng	12	6.0
6	Long An	15	7.5
7	Tây Ninh	5	2.5
8	Tiền Giang	9	4.5
9	Bến Tre	8	4.0
10	Đồng Tháp	11	5.5
Tổng		200	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

1.4. Độ tuổi

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Việt Nam đang ở trong giai đoạn cơ cấu “dân số vàng” khi có 68% dân số trong tuổi lao động (15 – 64 tuổi), tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên chiếm lần lượt là 24,3% và 7,7%. Như vậy, một người phụ thuộc thì có hai người trong độ tuổi lao động. Đây được xem là cơ hội thuận lợi để nâng cao hiệu quả lao động, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế cho đất nước.

Một điểm đáng chú ý là gần một nửa dân số từ 15 tuổi trở lên tham gia thị trường lao động là phụ nữ với tỷ trọng tương đối cân bằng (52,7% nam giới và 47,3% nữ giới). Nhóm dân số tham gia lực lượng lao động nhiều nhất là từ 25-54 tuổi. Nhóm tuổi có lực lượng lao động tham gia chiếm đa số, gần 88% dân số là nhóm tuổi từ 25-

59; trong đó tỷ trọng dân số tham gia lực lượng lao động đạt cực đại ở nhóm tuổi
25-30

29 (14,3%) và giảm nhẹ ở nhóm 30-34 (14,2%). Dân số ở nhóm tuổi trẻ (nhóm 15-19 tuổi và nhóm 20-24 tuổi) và nhóm tuổi già (từ 60 tuổi trở lên) đều chiếm tỷ trọng tham gia lực lượng lao động thấp (dưới 10%). Đặc trưng này của Việt Nam cũng

giống các nước đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, khi cơ cấu tuổi của dân số trong lực lượng lao động gấp đôi các nhóm dân số còn lại (Tổng cục thống kê. 2019).

Đặc điểm độ tuổi tham gia lực lượng lao động của nhóm nữ lao động nhập cư tại Thủ Dầu Một trong mẫu khảo sát cũng có những đặc điểm tương đồng với độ tuổi tham gia lực lượng lao động trong cả nước. Đa số (163 người, chiếm 83%) nữ lao động nhập cư nằm trong độ tuổi từ 20-30, trong đó độ tuổi từ 20-25 là 93 người, chiếm 46.7%; độ tuổi từ 25-30 là 41 người, chiếm 20.5% và độ tuổi 30-35 là 32 người, chiếm 16%. Số lượng nữ lao động nhập cư ở các độ tuổi khác tương đối thấp như từ 35-40 là 28 người, chiếm 14% và từ 18-20 là 6 người, chiếm 3%. Đặc biệt không có nữ lao động nào nằm trong độ tuổi trên 40. Thiết nghĩ độ tuổi của nữ lao động nhập cư có liên quan tới nhu cầu của các doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đòi hỏi của ngành nghề mà nữ lao động đang làm việc. Điều này cũng đã được phản ánh trong các nghiên cứu trước đây. Trong một điều tra của Viện Công nhân và Công đoàn (Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam) chỉ ra rằng, độ tuổi bình quân của công nhân trong các doanh nghiệp chỉ là 31,2 tuổi. Thời gian trung bình của công nhân làm cho doanh nghiệp chỉ 6 - 7 năm. Theo Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, tình trạng thải loại lao động sau tuổi 35 đã được phát hiện từ vài năm trước. Đối tượng lao động trên

35 tuổi, đặc biệt là lao động nữ, bị thải loại chủ yếu là công nhân lao động làm các công việc đơn giản, làm việc trong các ngành sử dụng đông lao động, thường gọi là thâm dụng lao động, như dệt may, da giày, chế biến thủy sản.... Họ là người lao động trực tiếp, làm những công việc đơn giản trong môi trường, điều kiện lao động khắc nghiệt. Cùng với tuổi tác, ở lứa tuổi này, độ nhanh nhạy trong công việc giảm sút, sức khỏe đi xuống, nên rất khó để yêu cầu họ tăng ca, kíp, tăng năng suất lao động.

Trong khi đó, doanh nghiệp phải trả cho nhóm đối tượng này chi phí bảo hiểm xã hội, tiền lương cao hơn do chính sách thâm niên, đặc biệt là chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Vì thế, nhiều chủ sử dụng lao động tìm cách lách luật để thải loại những lao động này ra khỏi doanh nghiệp (Duy Linh. 2018). Như vậy, chúng ta nhận thấy

có mối tương quan giữa trình độ học vấn, công việc và độ tuổi của nhóm lao động nữ nhập cư.

“Công việc tại em đang làm đòi hỏi sức khỏe vì phải đứng theo băng chuyền theo ca cả ngày. Ngoài ra cũng đòi hỏi sự nhanh nhẹn và tinh mắt nữa. Nếu lớn tuổi, sức khỏe yếu thì không theo kịp đâu chị à. Thế nên chỗ tại em làm việc, tuổi cao nhất cũng khoảng chỉ 32-33 thôi. Có những cô mà trên 40 tuổi, nhiều khi nộp hồ sơ 4, 5 chỗ mà cũng không có chỗ nào nhận” (Nh., 25 tuổi, Thanh Hóa).

Một doanh nghiệp dệt may cũng chia sẻ:

“Dù ngành dệt may rất phù hợp với đặc thù của lao động nữ, song chúng tôi rất ngại tuyển lao động nữ ngoài 35 tuổi. Phụ nữ độ tuổi 28-32 thường phải nghỉ thai sản, gây gián đoạn trong công việc. Khi họ sinh con thì sức khỏe giảm sút, kéo theo đó là năng suất kém. Do đó dù rất muốn chúng tôi cũng không thể. Biểu ghi tuyển công nhân cũng ghi rất rõ là từ 18-35 tuổi” (Nam, 40 tuổi, quản lý công ty dệt may).

Bảng 2.4: Về độ tuổi của nữ lao động nhập cư

STT	Phân bố độ tuổi	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Từ 18-20	6	3.0
2	Trên 20-25	93	46.5
3	Trên 25-30	41	20.5
4	Trên 30-35	32	16.0
5	Trên 35-40	28	14.0
6	Trên 40	0	0.0
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

1.5. Tình trạng hôn nhân

Bảng 2.5: Tình trạng hôn nhân

STT	Tình trạng hôn nhân	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Đã lập gia đình	39	19.5
2	Đã lập gia đình và có con	30	15.0
3	Sống độc thân	95	47.5
4	Đã ly hôn	36	18
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Đặc điểm của nữ lao động nhập cư trong mẫu khảo sát chiếm đa số trong độ tuổi 20-25, do đó tình trạng hôn nhân của họ cũng tương ứng khi tỷ lệ nữ sống độc thân cao nhất với gần một nửa số người trả lời (95 lựa chọn, chiếm 47.5%). Tiếp đến là đã lập gia đình nhưng chưa có con (39 lựa chọn, chiếm 19.5%). Chia sẻ về lý do đã kết hôn nhưng chưa có kế hoạch có con, một nữ công nhân chia sẻ:

“Làm công nhân ở đây thu nhập cũng bấp bênh lắm chị à. Vợ chồng em là người cùng quê, lên đây gặp nhau, thương nhau rồi lấy nhau. Nhưng hai bên cha mẹ đều nghèo, vẫn phải gửi tiền về giúp cha mẹ. Tụi em thì đang ở trọ. Thế nên dù cưới nhau gần 2 năm, tụi em vẫn quyết định chưa có con để tiết kiệm ít vốn về quê mưu ăn. Giờ để con ra rồi tiền đâu nuôi hả chị?” (M., 28 tuổi, Tiền Giang).

Tỷ lệ nữ **lao động** đã lập gia đình và có con ít hơn với 30 người, chiếm 15%. Đáng chú ý có 36 người (chiếm 18%) đã ly hôn. Tình trạng hôn nhân này cũng phần nào phản ánh xu thế chung của xã hội, như là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển xã hội, nhất là ở các khu vực đô thị. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và Nhà ở năm 2019, tỷ lệ ly hôn tại Việt Nam đang có xu hướng tăng nhanh. Trong 10 năm (từ 2009-2019), tỷ lệ này đã tăng từ 1,0%-1,8%. Tỷ lệ ly hôn có sự khác biệt theo giới tính và khu vực thành thị, nông thôn. Theo đó, tỷ lệ ly hôn của nữ giới cao hơn nam giới (2,1% so với 1,4%), khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn (2,1% so với 1,6%) (Tổng cục thống kê. 2019).

“Hiện tại con em 3 tuổi thì gửi về cho ông bà ngoại nuôi giúp. Hằng tháng em gửi tiền về để lo sữa cho con. Còn nói về chồng cũ của em thì... buồn lắm. Em ở miền

Tây lên đây làm công nhân, ở trọ thì gặp anh. Anh quê Bình Phước. Mới đầu lấy nhau sống cũng được. Nhưng sau đó thì bắt đầu ham cá độ bóng đá, không bỏ được. Về còn đòi tiền em. Em không đưa thì chửi, đánh em. Em chịu hết nổi nên dù đang có bầu em cũng bỏ luôn.... Mới đầu cũng sợ mọi người bàn tán, nói ra nói vào. Nhưng giờ em thấy chuyện phụ nữ bỏ chồng cũng bình thường mà chị. Mà ba má em cũng ủng hộ chuyện này nên em cũng được an tâm” (Ng., 28 tuổi, Đồng Tháp).

Như vậy, có thể đưa ra một số nhận xét về đặc điểm nhân khẩu – xã hội của nữ lao động nhập cư trên địa bàn Thủ Dầu Một trong mẫu khảo sát như sau:

Đa số nữ lao động nhập cư có trình độ học vấn ở mức trung bình thấp với số lượng nhiều nhất tập trung ở trình độ học vấn trung học cơ sở. Trình độ học vấn cao đẳng, đại học và sau đại học không có. Điều này sẽ ảnh hưởng tới việc lựa chọn công việc phù hợp, có thu nhập cao cũng như cuộc sống hiện tại và tương lai của họ.

Do trình độ học vấn thấp, nên nghề nghiệp của họ trước khi tới Thủ Dầu Một nhập cư chủ yếu không có việc làm hoặc làm các công việc tay chân như nông nghiệp, công việc không đòi hỏi trình độ chuyên môn như giúp việc, bán hàng, thợ may, công nhân,...

Nơi xuất cư của lao động nữ trong mẫu khảo sát chủ yếu ở các vùng khác nhau trong tỉnh Bình Dương và sau đó là các tỉnh miền Tây. Tỷ lệ nữ lao động xuất cư từ các tỉnh Trung bộ, Tây Nguyên tương đối thấp và không có các tỉnh miền Bắc. Việc lao động nhập cư tới đây thiết nghĩ dựa trên sự giới thiệu của gia đình, bạn bè, người quen.

Độ tuổi của nữ lao động nhập cư tập trung chủ yếu trong nhóm 20-35, độ tuổi ngoài 40 hoàn toàn không có. Đặc điểm độ tuổi hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của các doanh nghiệp về lao động trình độ thấp, đòi hỏi sức khỏe, ít ràng buộc về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Chính vì độ tuổi lao động tập trung trong nhóm 20-35 và cao nhất ở nhóm 20-25 nên đa phần các nữ **lao động** chưa lập gia đình. Một số các nữ **lao động** lập gia đình nhưng chưa có con vì do ảnh hưởng bởi yếu tố thu nhập và sự ổn định. Đáng chú ý không ít nữ **lao động** trong mẫu khảo sát có tình trạng hôn nhân đã ly hôn.

2.2. Đặc điểm việc làm của nữ lao động nhập cư

Các kết quả nghiên cứu trước đây về đặc điểm việc làm của nữ lao động nhập cư tại Việt Nam đều chỉ ra đa số lao động nữ nhập cư đang làm việc trong các khu vực kinh tế phi chính thức và chưa được đào tạo kỹ năng nghề, hoặc chỉ học nghề thông qua vừa học vừa làm, không biết ngoại ngữ, thiếu kỹ năng tin học, kỹ năng giải quyết vấn đề, cũng như giao tiếp còn hạn chế. Một bộ phận lao động nữ di cư đã có kinh nghiệm làm việc và trình độ tay nghề nhất định, nhưng do chưa có bằng cấp hay chứng chỉ nên những kỹ năng đó đã không được công nhận chính thức trên thị trường lao động. Họ gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và trả lương (Anh Xuân. 2018). Do đó các công việc họ đang làm chủ yếu là lao động phổ thông, có thu nhập thấp, ít hoặc không có cơ hội thăng tiến. Kết quả khảo sát đặc điểm việc làm của lao động nữ nhập cư tại Thủ Dầu Một trong nghiên cứu của chúng tôi cũng cho ra những con số tương tự.

Nhìn vào bảng số liệu, chúng ta có thể thấy 100% công việc mà nữ lao động nhập cư đang đảm nhận không đòi hỏi trình độ cao, tay nghề cũng như các kỹ năng mềm cần thiết khác như ngoại ngữ hay tin học. Chiếm số lượng nhiều nhất với trên một nửa số người trả lời là làm nhà máy, xí nghiệp (135 người, 67.5%). Có thể nói làm công nhân trong các khu công nghiệp là công việc phổ biến nhất của các nữ lao động nhập cư hiện nay tại Bình Dương nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng.

“Nhà em có 4 anh chị em, trừ đứa em út ở quê đang học lớp 10 thì 3 anh em em đều vào Bình Dương làm công nhân. Mới đầu có anh cả và chị hai đi làm. Sau đó em nghỉ học lớp 9, anh chị về đưa em vào đây làm công nhân luôn. Nói chung em thấy hầu như mọi người ở quê em đều vào đây làm công nhân hết chị ạ” (H., 22 tuổi, Thanh Hóa).

“Ngoài làm công nhân thì biết làm gì nữa chị ơi. Các công ty giờ cũng để bảng tuyển công nhận nhiều lắm mà cũng không đòi hỏi tui em phải học cao, nên cũng dễ xin việc hơn những chỗ khác. Hơn nữa, làm công nhân cũng an toàn và cũng có chế độ này nọ đó chị” (Nh., 25 tuổi, Tây Ninh).

Bên cạnh, các nữ lao động trong mẫu khảo sát của chúng tôi cũng làm các công việc khác nhau trong khu vực phi chính thức, mang tính không ổn định, thiếu sự bảo đảm về an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) như làm thuê cho các công ty tư nhân phạm vi nhỏ hoặc các nhà hàng, quán ăn, quán cà phê (35 người,

chiếm 17%), đẩy xe buôn trái cây, rau củ, đồ ăn (20 người, 10%), giữ trẻ em, làm công cho các gia đình (6 người, 3%). Một số ít mở các quán ăn vỉa hè vào ban đêm (4 người, 2%).

“Để tìm một công việc phù hợp, kiếm tiền được ở đây dễ mà khó. Đơn giản nhất là xin vào các công ty, xí nghiệp làm công nhân nhưng phải tăng ca thì mới có nhiều tiền được. Chị có con nhỏ, nên làm công ty cũng khó cho việc đưa đón con đi học. Hơn nữa mình cũng lớn tuổi rồi, muốn có việc gì đó vừa có thời gian lo cho con cái, vừa có chút tiền. Vì vậy chị mở quán nhậu buổi tối. Nói là quán chứ cũng có mấy cái ghế để bán ốc, trứng lộn này nọ cho công nhân quanh khu trọ ở đây... Nói chung cũng được” (Ng., 32 tuổi, Bình Dương).

“Thu nhập cũng không bấp bênh lắm em ơi. Chịu cực, chịu khổ, chịu nắng, đẩy xe ngày ngày bán trái cây. Hôm nào bán được thì đủ tiền mua đồ ăn trong ngày. Sắp tới qua mùa mưa thì phải tìm kiểu khác” (H., 35 tuổi, Tiền Giang).

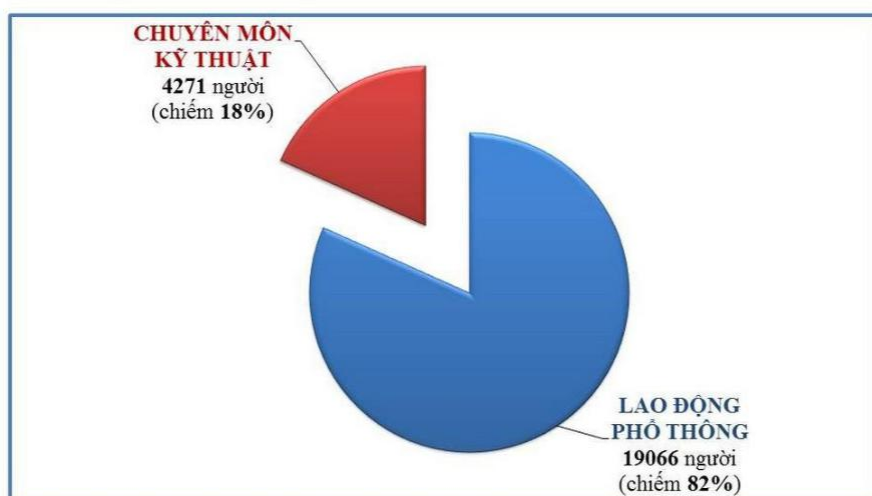
Bảng 2.6: Việc làm hiện tại của nữ công nhân nhập cư

STT	Công việc chính	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Làm nhà máy xí nghiệp	135	67.5
2	Buôn bán trên xe di động	20	10.0
3	Làm thuê/làm công ăn lương	35	17.0
4	Buôn bán nhỏ	4	2.0
5	Giữ trẻ em	6	3.0
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Báo cáo mới nhất của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp cho biết, trong quý II/2021, nhu cầu về lao động phổ thông vẫn chiếm phần lớn trong tổng nhu cầu về nguồn nhân lực với tỷ lệ 81,70%, chủ yếu phục vụ sản xuất trong các ngành chủ lực như: gỗ và các sản phẩm từ gỗ, may mặc, da giày, điện tử, sắt thép và sản phẩm từ sắt thép,...; trong khi nhu cầu về lao động có chuyên môn, kỹ thuật chỉ chiếm 18,30%.

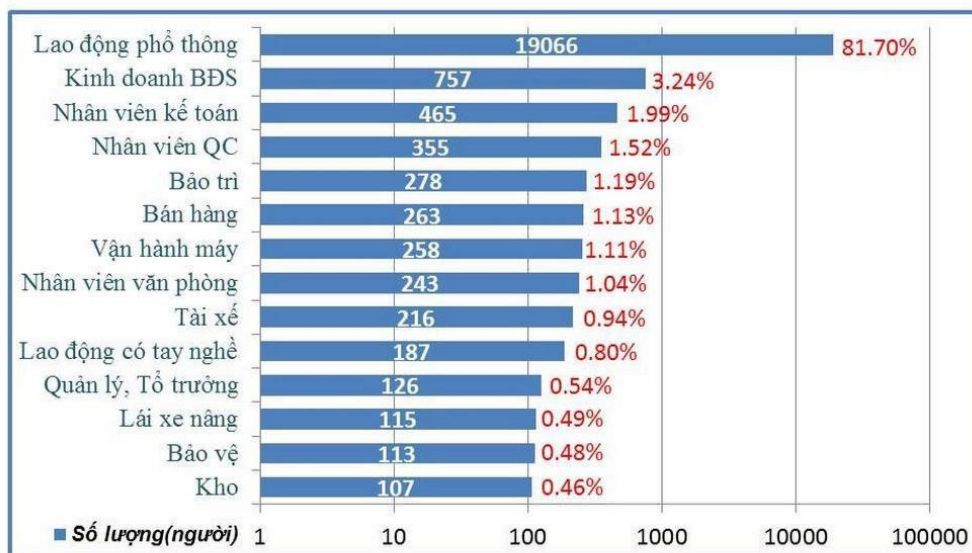
NHU CẦU TUYỂN DỤNG THEO VỊ TRÍ CÔNG VIỆC QUÝ II/2021



Biểu đồ 2: Nhu cầu tuyển dụng chia theo vị trí công việc

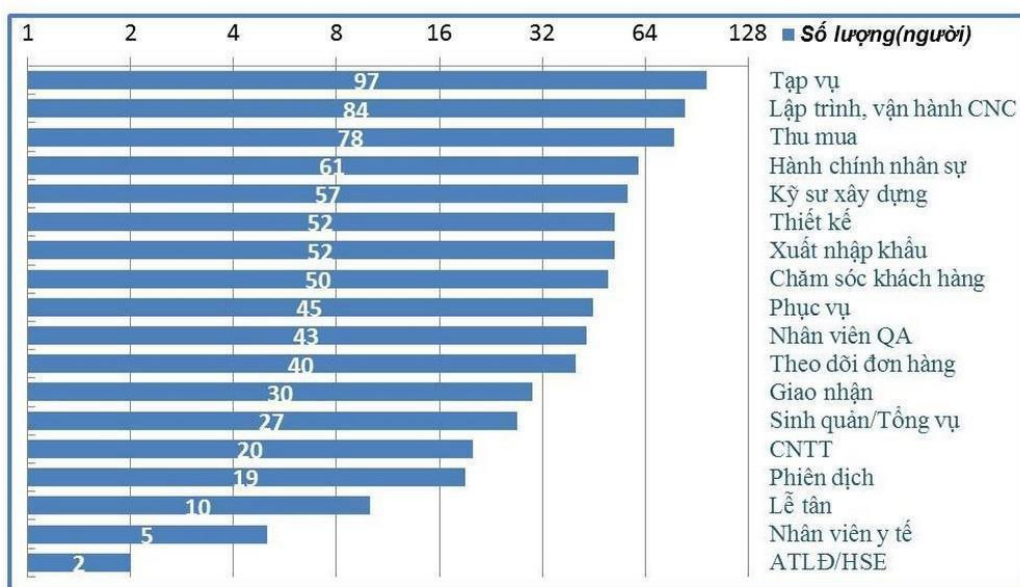
Cũng trong quý II này, những vị trí công việc được các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thường xuyên như: kho, lái xe nâng, bảo vệ, tài xế, nhân viên văn phòng, lao động có tay nghề, vận hành máy, bảo trì, kế toán, kinh doanh bất động sản,... Trong đó lao động phổ thông là vị trí được nhiều doanh nghiệp đăng tuyển và tuyển với số lượng lớn vì đây là nguồn lực chủ yếu của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Những vị trí còn lại trên thực tế thị trường không thiếu nguồn nhân lực nhưng do tính chất công việc, môi trường làm việc và chế độ phúc lợi của từng doanh nghiệp sẽ có tác động đến việc giữ chân người lao động gắn bó lâu dài hay không. Những vị trí công việc mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng thấp, được đánh giá là việc làm bền vững nhưng yêu cầu kỹ năng cao và thái độ nhiệt tình, trách nhiệm; đồng thời không chịu nhiều áp lực về công việc nên thường sẽ kiêm nhiệm một vài công việc khác. Các vị trí có nhu cầu trung bình trong quý II/2021 như: lập trình, vận hành CNC, thu mua, hành chính nhân sự, kỹ sư xây dựng, thiết kế, xuất nhập khẩu vừa đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn vừa yêu cầu kỹ năng và kinh nghiệm.

**VỊ TRÍ CÓ NHU CẦU
TUYỂN DỤNG TRUNG BÌNH CAO
QUÝ II/2021**



Biểu đồ 3: Vị trí công việc có nhu cầu tuyển dụng trung bình cao

**VỊ TRÍ CÓ NHU CẦU
TUYỂN DỤNG TRUNG BÌNH THẤP
QUÝ II/2021**



Biểu đồ 4: Vị trí công việc có nhu cầu tuyển dụng trung bình thấp

Như vậy, có thể thấy, nhu cầu tuyển dụng lao động hiện nay tại tỉnh Bình Dương nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng chiếm tỷ trọng nhiều nhất vẫn là lao động phổ thông. Đó cũng chính là lý do giải thích cho các công việc mà nữ lao động 38

nhập cư hiện đang làm cùng với trình độ học vấn ở mức trung bình thấp của họ. Điều này dẫn tới tình trạng thiếu bền vững đối với đời sống của họ do mức thu nhập thấp cũng như khả năng phát triển trong tương lai. Bên cạnh, một số lượng lớn nữ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức, không ký hợp đồng lao động. Do vậy, các quyền lợi lao động đối với họ đều rất khó được đảm bảo (ví dụ như tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, không có chế độ nghỉ ốm, nghỉ phép, nghỉ sinh,...). Ngoài ra việc thiếu sự tiếp cận, tư vấn thông tin đầy đủ về đào tạo nghề và việc làm cũng như làm các công việc tự phát mang tính bấp bênh theo thời vụ sẽ đưa tới những khó khăn nhất định mà nữ lao động nhập cư phải đối mặt. Những điều này đòi hỏi các cấp chính quyền, ban ngành, tổ chức có liên quan phải đưa ra những giải pháp nhằm đảm bảo an sinh xã hội cần thiết cho nhóm người này.

2.3. Thực trạng về đời sống của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một

Đời sống xã hội là tổng thể các hiện tượng phát sinh do sự tác động lẫn nhau của các chủ thể xã hội và cộng đồng tồn tại trong những không gian và thời gian nhất định, là tổng thể các hoạt động của xã hội nhằm đáp ứng cho nhu cầu của con người. Thông qua các hoạt động của các bộ phận cấu trúc xã hội, mỗi cá nhân bằng nỗ lực của mình tạo dựng cuộc sống cho riêng mình. Đời sống của con người có nhiều mặt, đời sống cá nhân và đời sống xã hội. Nhưng nhìn chung, đời sống của con người, loài người là trên nền tảng đời sống kinh tế. Đời sống xã hội hay chính trị - xã hội là đời sống trung tâm của con người. Đời sống văn hóa tinh thần là đời sống ở đỉnh cao nhất trong đời sống của con người. Đời sống kinh tế là hoạt động kinh tế nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích kinh tế nhất định của những con người ở từng thời kỳ lịch sử, từng xã hội cụ thể. Ta cũng có thể định nghĩa như vậy về đời sống tinh thần hay đời sống chính trị - xã hội là đời sống trung tâm của con người. Đời sống văn hóa tinh thần là đời sống ở đỉnh cao nhất trong đời sống của con người (VUSTA. 2011). Vì vậy, việc đánh giá thực trạng đời sống của nữ lao động nhập cư là yếu tố cần thiết, quan trọng để có thể đưa ra các giải pháp mang tính thực tiễn nhằm hỗ trợ cho nhóm đối tượng này. Thực trạng đời sống của nữ lao động nhập cư sẽ được tìm hiểu trên hai phương diện: đời sống vật chất và đời sống tinh thần dưới tác động của một số yếu tố xã hội nhất định.

2.3.1. Đời sống vật chất

K.Max đã từng nói: *“Con người ta trước hết lo ăn, uống, mặc, ở rồi mới tính đến chuyện làm chính trị và khoa học...”*. Có thể xem câu nói này như là một chân lý, đã được chứng minh trong thực tiễn sinh động của cuộc sống. Lý thuyết gia A.Maslow trong học thuyết về nhu cầu cũng cho rằng nhu cầu cơ bản nhất của con người, ở thang bậc đầu tiên trong 5 thang bậc về nhu cầu là ăn, mặc, ở. Do đó, tìm hiểu về đời sống vật chất của nữ lao động nhập cư để từ đó có những đánh giá về cuộc sống của họ để đưa ra các giải pháp hỗ trợ họ là điều hết sức cần thiết.

Xem xét, phân tích thực trạng đời sống vật chất của nữ lao động nhập cư, chúng tôi dựa trên các tiêu chí sau: thu nhập, nhà ở, các khoản chi tiêu và tài sản, đồ dùng phương tiện sinh hoạt trong gia đình.

2.3.1.1. Thu nhập

Di cư là hiện tượng xảy ra ở mọi quốc gia và là xu thế tất yếu của phân công lao động xã hội trong quá trình phát triển. Di cư thường xảy ra khi có sự khác biệt về cơ hội, các yếu tố xã hội, mạng lưới xã hội kết nối giữa nơi đi và nơi đến. Di cư cũng là yếu tố quan trọng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, nhất là di cư trong nước. Di cư là động lực tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, giúp làm giảm sự khác biệt vốn có giữa các vùng thông qua đáp ứng nhu cầu lao động cho phát triển và qua đó đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế. Các nghiên cứu trong thời gian qua chỉ ra lao động di cư trong nước đã giảm nhưng di cư nữ vẫn chiếm tỷ trọng lớn; xu hướng lao động di cư có việc làm đang giảm và tỷ lệ nữ lao động di cư có việc làm thấp hơn nam di cư. Xét về thu nhập theo nhóm tuổi, mức chênh lệch thu nhập giữa nam và nữ lao động di cư đang có xu hướng tăng dần, càng lớn tuổi mức chênh lệch càng lớn. Mặc dù khoảng cách bất bình đẳng thu nhập của nữ di cư so với nam di cư đã được rút ngắn nhưng vẫn còn khá lớn. Về cơ bản để nữ di cư có thu nhập bằng nam di cư thì họ phải làm việc nhiều hơn. (Trần Yến. 2021).

Trong nghiên cứu về “Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015 – Lao động di cư ở Việt Nam” của UNDP chỉ ra 11,5% người lao động di cư để có “điều kiện làm việc tốt hơn” và 12,6% di cư để “cải thiện đời sống”. Lao động di cư có độ tuổi khá trẻ, chủ yếu có độ tuổi từ 15 đến 34 tuổi, chiếm tỷ trọng 72,9%, cao gấp gần 2 lần tỷ trọng người không di cư trong nhóm tuổi này (39,8%). Tỷ trọng lao động di cư ở độ tuổi từ

15 đến 34 của nữ cao hơn nam (76,8% so với 69,1%). Phát hiện này tương tự như kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 và các cuộc Điều tra lao động việc làm hàng quý, cho thấy lao động di cư ở độ tuổi trẻ và có xu hướng “nữ hóa” trong di cư. Có 32,0% người di cư trong độ tuổi 15-59 đang làm việc chưa từng kết hôn trong khi con số này của người không di cư là 15,9%. Lao động di cư nam có tỷ trọng chưa từng kết hôn cao hơn lao động di cư nữ (34,4% so với 29,6%). Về thu nhập, gần 60% người lao động di cư tự đánh giá thu nhập của họ sau khi di cư cao hơn hoặc cao hơn rất nhiều so với trước. Con số này của nữ di cư là 62% trong khi đó của nam di cư là 55%. Mặc dù vậy, mức thu nhập trung bình của người di cư vẫn thấp hơn so với người không di cư (5,0 triệu đồng/tháng so với 5,4 triệu đồng/tháng). Thu nhập bình quân của nam di cư cao hơn nữ di cư khoảng 1 triệu đồng/tháng và mức chênh lệch này được quan sát thấy ở tất cả các vùng kinh tế - xã hội trong cả nước. Tiền gửi là một phần thu nhập của lao động di cư kiếm được tại nơi đến gửi về nhà (chủ yếu là ở khu vực nông thôn) để cải thiện điều kiện sống của gia đình mình ở quê hương. Vì thế tiền gửi là một trong những tác động trực tiếp, tích cực thúc đẩy di cư và chuyển dịch lao động. Số liệu cho thấy, khoảng 36,6% lao động di cư có gửi tiền về cho gia đình trong 12 tháng trước thời điểm điều tra. Nữ giới có tỷ lệ này cao hơn một chút so với nam giới (38,3% so với 34,6%). Trung bình một lao động di cư gửi về 9,4 triệu đồng/năm. Lao động di cư nam gửi tiền về nhiều hơn nữ (tương ứng là 10,3 triệu/năm và 8,7 triệu đồng/năm). Tiền gửi về nhà đã được sử dụng cho nhiều mục đích, nhưng nhìn chung, theo những người gửi tiền thường xuyên về nhà, các khoản tiền này được dùng để cải thiện các điều kiện sinh hoạt hàng ngày của gia đình (78%) hơn là để đầu tư phát triển sản xuất (6,7%). Chi tiêu cho học hành, khám chữa bệnh chiếm khoảng 25%. Xu hướng này tương tự ở nông thôn và thành thị (UNDP. 2015).

Bảng 2.7: Thu nhập của nữ công nhân nhập cư

STT	Thu nhập chính	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Dưới 3 triệu	9	4.5
2	Từ 3 triệu đến 4 triệu	20	10
3	Trên 4 triệu đến 5 triệu	115	57.0
4	Trên 5 triệu đến 6 triệu	50	25.0
5	Trên 6 triệu	6	3.0
6	Khác	0	0.0
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Kết quả khảo sát của chúng tôi về thu nhập của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một cũng cho thấy mức thu trung bình của họ là từ 4 triệu tới 5 triệu chiếm hơn một nửa (115 người, chiếm 57%) trong tổng số 200 người trả lời. Đây là mức thu nhập trung bình cao hơn so với cả nước nhưng tương đối thấp nếu so với mức thu trung bình của người dân tỉnh Bình Dương (thu nhập bình quân của người Bình Dương khoảng 7,02 triệu đồng/tháng, trong khi cả nước khoảng 4,23 triệu đồng/tháng. Người Bình Dương đang có thu nhập cao hơn người Hà Nội, TP.HCM) (Bá Sơn. 2021). Cùng với đó là các chi phí cho thuê nhà trọ và ăn uống, sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe,... Do đó hầu như các nữ công nhân phải tăng ca để kiếm thêm thu nhập. Chính vì vậy có 50 người (25%) cho biết mỗi tháng cộng tất cả nguồn thu của mình khoảng từ 5 triệu đến 6 triệu. Tuy nhiên, họ cũng chia sẻ rằng số tiền này họ cũng phải cố gắng dè xén, ăn tiêu tiết kiệm lắm mới dành dụm được gửi về cho gia đình ở quê.

“Nếu không tăng ca thì trung bình 1 tháng tiền lương của em khoảng 4 triệu thôi. Mà 4 triệu cũng chỉ đủ cho em thuê phòng trọ chung với bạn, ăn uống chớ nói gì tới mua sắm, đi chơi chỗ này chỗ kia. Hầu như không còn tiền tiết kiệm đâu anh” (H., 22 tuổi, Tiền Giang).

“Em phải “cày” dừ lắm mới có tiền gửi về quê cho cha mẹ nuôi em đi học. Một tháng là em tăng ca liên tục thì thu nhập mới được 6 triệu. Trừ đi tất cả các chi phí thì cũng tiết kiệm được khoảng 1-2 triệu để gửi cho ba mẹ, cho em, để phòng đau ốm” (Ng., 27 tuổi, Tây Ninh).

“Chị buôn bán vậy thì không ổn định em ơi. Có tháng may may thì kiếm được 4-5 triệu. Tháng không may thì được 2-3 triệu. Nói chung là vô chừng lắm” (Ng., 32 tuổi, Bình Dương).

Trong khảo sát của chúng tôi cũng chỉ ra có nhiều nữ lao động nhập cư có mức thu nhập tương đối thấp, dưới 3 triệu (9 người, chiếm 4.5%), từ 3 đến 4 triệu (20 người, chiếm 10%). Đây là những người hiện đang làm ở các khu vực phi chính thức như làm thuê cho các quán ăn, hay buôn bán trên xe di động đường phố, làm giúp việc nhà,... Với diễn biến khó kiểm soát của dịch Covid-19 trong thời gian qua càng làm cho tình hình thu nhập của họ khó khăn hơn. Theo báo cáo của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bình Dương, người lao động làm việc ở khu vực công nghiệp và xây dựng bị ảnh hưởng về thu nhập nhiều nhất với mức thu nhập bình quân tháng đạt 6,7 triệu đồng, giảm 464 nghìn đồng, tương ứng giảm 6,5% so với quý trước; lao động trong khu vực dịch vụ với thu nhập bình quân đạt 7,2 triệu đồng, giảm 291 nghìn đồng, tương ứng giảm 3,9% (UBND tỉnh Bình Dương. 2021). Riêng với khu vực phi chính thức, tình trạng giảm thu nhập, khó khăn trong tìm kiếm việc làm, thất nghiệp là những vấn đề cần sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời của tỉnh Bình Dương nói chung và thành phố Thủ Dầu Một nói riêng.

“Tụi chị ở đây giờ sống khó khăn lắm em ơi. Công việc không có, thu nhập cũng không có. Về quê thì không được. Giờ chỉ trông chờ sự hỗ trợ của chính quyền, của mạnh thường quân thôi em à” (N., 30 tuổi, Thanh Hóa).

“Trước đây em phụ bán quán cà phê, mỗi tháng cũng được anh chủ trả cho 3 triệu. Nhưng từ hồi có dịch tới giờ, quán phải đóng cửa, em thất nghiệp. Bữa đói bữa no, ai cho gì ăn đó. Khổ lắm” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

Số lượng nữ lao động nhập cư có mức thu nhập trên 6 triệu/tháng rất ít (6 người, chiếm 3%). Đây là những người có trình độ học vấn ở mức trung cấp nghề, làm quản lý tại các phân xưởng hoặc hành chính nhân sự. Tuy nhiên với tác động của dịch Covid-19, bản thân họ cũng gặp phải những khó khăn nhất định.

“Trước đây thu nhập của em tương đối ổn định. Tháng tháng còn dành được ít tiền. Nhưng từ khi dịch tới, công ty cắt các lương phụ cấp ngoài giờ, phúc lợi này nọ thì thu nhập chỉ còn chưa tới một nửa. Bao nhiêu tiền tiết kiệm đã lấy ra để trang trải cuộc sống rồi. Coi như giờ không còn gì” (Nh., 25 tuổi, Bình Phước).

2.3.1.2. Nhà ở

Hầu hết nữ lao động nhập cư khi lên thành phố Thủ Dầu Một đều mong muốn có cơ hội thay đổi cuộc sống của mình và gia đình. Tuy nhiên với trình độ học vấn thấp, lao động phổ thông, làm việc trong các công ty xí nghiệp và khu vực kinh tế phi chính thức với thu nhập bấp bênh. Họ tự phải thuê nhà, tự trang trải cuộc sống và không nhận được nhiều sự hỗ trợ tại nơi đăng ký tạm trú. Đặc biệt với tác động của đại dịch Covid-19 khiến cho cuộc sống của họ đã khó khăn càng khó khăn hơn bao giờ hết.

Khảo sát về nhà ở của nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một, chúng tôi ghi nhận như sau: phần lớn họ đang phải thuê nhà trọ theo tháng, ở cùng gia đình, anh em, họ hàng hoặc bạn bè (125 lựa chọn, chiếm 62.5%). Đây cũng là đặc trưng phổ biến của tất cả lao động di cư từ các tỉnh lên thành phố tìm kiếm việc làm.

“Tụi em lên đây làm công nhân, thuê phòng trọ gần chỗ làm để tiện cho đi làm và sinh hoạt. Phòng em hiện có 4 người ở. Tất cả đều là bạn cùng làm chung công ty. Thuê vậy mới tiết kiệm được chi. Tháng tháng thì tính chia đều tiền trọ, tiền điện nước, tiền gas, tiền nấu ăn chung” (H., 20 tuổi, Đồng Tháp).

“Chị thuê phòng trọ ở nguyên gia đình, vợ chồng với 2 đứa con. Cũng muốn có tiền mua cái nhà nhỏ nhỏ để con cái có chỗ ở ổn định nhưng khó lắm em ơi. Chứ nguyên nửa tiền lương của chị là để trả phòng trọ rồi” (N., 30 tuổi, Thanh Hóa).

Chính vì những khó khăn trong thu nhập, trong tìm kiếm công việc ổn định, cũng như ảnh hưởng của đại dịch, một số lượng nữ lao động nhập cư không thể thuê nhà trọ theo tháng, không có chỗ ở cố định mà phải thuê nhà trọ ngủ đêm (5 người, 2.5%). Điều này thật sự bất tiện và thiếu sự an toàn đối với cuộc sống của họ. Ngoài ra có 15 người (7.5%) xin ở lại nơi làm việc (nhà hàng, quán cà phê) để tiết kiệm chi phí nhất có thể. Một số ít đang ở tạm nhà người thân (5 người, 2.5%).

“Em đang phục vụ trong quán cà phê. Em làm từ 5 giờ sáng tới 10 giờ tối. Em xin anh chủ ở lại luôn đây để thuận tiện cho công việc nhưng chủ yếu là tiết kiệm tiền thuê nhà” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

“Biết là bất tiện nhưng cả ngày đi làm, tới 10-11 giờ đêm mới xong. Thôi thì chỉ cần chỗ tắm rửa, ngủ chút cho khỏe rồi 4 giờ sáng dậy đi làm rồi. Nên thuê theo giờ mấy chỗ trọ giá rẻ để khỏi phí tiền thuê nhà trọ” (Nh., 30 tuổi, Thanh Hóa).

Một kết quả đáng mừng trong khảo sát của chúng tôi là có 45 người (22.5%) hiện có nhà riêng. Số ít những người trong nhóm này đã lên Bình Dương từ lâu, mua đất nông nghiệp khi đất còn rẻ, Bình Dương chưa phát triển khu công nghiệp và đô thị mạnh như hiện nay. Còn lại đa số là có hộ khẩu Bình Dương, họ ở các huyện, thị xã lân cận Thủ Dầu Một. Sáng lên công ty, xí nghiệp làm việc và chiều tối về nhà dù khá xa để tiết kiệm chi phí thuê trọ.

“Lúc vợ chồng chị mua đất cách đây hơn 10 năm thì giá còn rẻ lắm. Vợ chồng chị mua là đất nông nghiệp, sau đó mới chuyển đổi. Cũng may mắn là giờ có cái nhà, nhỏ nhỏ nhưng có chỗ sáng đi tối về, con cái được học hành” (H., 35 tuổi, Thanh Hóa).

“Nhà em thì ở tốt bên Lái Thiêu. Sáng em chạy qua đây đi làm. Tối về. Xa, mệt nhưng được ở nhà mình, không phải tốn tiền thuê trọ” (Nh., 25 tuổi, Bình Dương).

Bảng 2.8: Về nhà ở của nữ công nhân nhập cư

STT	Đặc điểm	Phương án trả lời	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Nơi ở hiện nay	Thuê nhà trọ ngủ đêm	5	2.5
		Nhà thuê hàng tháng	125	62.5
		Ở nơi làm việc	15	7.5
		Ở tạm nhà người thân	5	2.5
		Ở nhà riêng	45	22.5
		Khác	5	2.5
		Tổng số	200	100.0
2	Loại hình nhà ở	Nhà kiên cố mái bằng	3	1.5
		Nhà cấp 4	93	46.5
		Nhà tạm (vách, liếp, tôn...)	102	51.0
		Khác	2	1.0
		Tổng số	200	100.0
3	Diện tích nhà ở	Thiếu diện tích sinh hoạt	145	75.0
		Bình thường	35	17.5
		Thoải mái	20	10.0
		Tổng số	200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Do đa số nữ lao động nhập cư là ở trọ, ở tạm với giá cả rẻ nhất có thể nên phần lớn phòng trọ mà họ đang ở là nhà tạm (vách, liếp, tôn,...) với 102 người lựa chọn, chiếm 51%. Tiếp đó là nhà cấp 4 với 93 người trả lời, chiếm 46.5%. Nhà kiên cố mái bằng rất ít (3 người, 1.5%) và khác (nhà bê tông, xây dựng chĩnh chu) (2 người, 1%). Chính vì vậy, đa phần phòng trọ thiếu diện tích sinh hoạt (145 người trả lời, 75%). Chia sẻ điều này, một nữ công nhân cho biết:

“Mình ở quê lên làm công nhân chủ yếu để kiếm tiền gửi về cho nhà, sau đó vài năm có chút vốn thì cũng về quê lấy chồng sinh con để ổn định. Nên giờ làm gì, sống gì cũng phải tiết kiệm nhất có thể. Thuê trọ xoàng xoàng vậy để trả ít tiền. Chứ thuê mấy phòng trọ sang, xịn thì còn đâu tiền nữa. Công nhân ở trọ sao cũng được mà em” (H., 27 tuổi, Tây Ninh).

2.3.1.3. Các khoản chi tiêu

Với câu hỏi được lựa chọn nhiều trả lời về nội dung các khoản chi tiêu của nữ lao động nhập cư, chúng tôi ghi nhận 100% ý kiến cho rằng phần lớn thu nhập là dành cho việc ăn uống, thuê trọ. Giữa một thành phố là trung tâm của tỉnh phát triển, các chi tiêu cho ăn uống cũng như thuê phòng ở chiếm phần lớn trong thu nhập của họ. Bên cạnh cũng 100% cho rằng chi tiêu là dành cho việc học của con cái. Hầu như những nữ lao động nhập cư đã có gia đình, có con đều mong muốn đầu tư cho con cái học hành, để tương lai con sau này có trình độ học vấn, có nghề nghiệp ổn định, đòi hỏi để không khổ như cha mẹ.

“Đời mình đã khổ, phải đi làm công nhân vì không được học hành gì nhiều, nên giờ chị cũng muốn đầu tư cho con để nó học tốt. Học tiếng anh, học tin học này nọ để sau này đời nó đỡ khổ hơn chị. Mà học hành ở thành phố tốn kém lắm, không như ở quê” (H., 35 tuổi, Thanh Hóa).

Cũng tương tự như các kết quả nghiên cứu về lao động di cư trước đây, phần lớn thu nhập của nữ lao động nhập cư trong khảo sát cũng để dành gửi về cho gia đình (156 lựa chọn, chiếm 78%). Bên cạnh, họ cũng để dành chi tiêu cho lễ tết (mua sắm đồ đặc, vật dụng, quà cáp cho gia đình khi về quê ăn tết) với 145 lựa chọn (72.5%). Như vậy, có thể thấy, trách nhiệm gia đình của nữ lao động nhập cư là rất lớn gắn liền với các chuẩn mực văn hóa của xã hội Việt Nam.

“Em nghĩ việc gửi tiền về cho cha mẹ để nuôi em ăn hoặc là chuyện đương nhiên mình phải làm. Đó là trách nhiệm của em. Mình không có điều kiện học tới nơi tới chốn thì mình phải cố gắng giúp các em ăn học đoàng hoàng để sau này các em có điều kiện lo lại cho cha mẹ và làm mở mày mở mặt gia đình” (H., 27 tuổi, Tây Ninh).

“Đi là cảm năm chỉ có tết mới được về quê ăn tết. Mình mang tiếng là đi làm trên thành phố, có tiền thì phải mua sắm tết nhất cho gia đình để cha mẹ vui, mà cũng hãnh diện với họ hàng, làng xóm. Em không tiếc các khoản tiền bỏ ra cgho gia đình mình” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

Bảng 2. 9: Các khoản chi tiêu của nữ công nhân nhập cư

STT	Các khoản chi tiêu	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Cho việc ăn uống	200	100.0
2	Gửi về nhà	156	78.0
3	Cho việc may mặc	69	34.0
4	Cho khám chữa bệnh	59	29.0
5	Cho lễ tết	145	72.5
6	Cho học tập của con cái	200	100.0
7	Cho mua sắm tiện nghi	45	22.5
8	Cho tài sản đất tiền	35	17.5
9	Trả tiền thuê trọ	200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

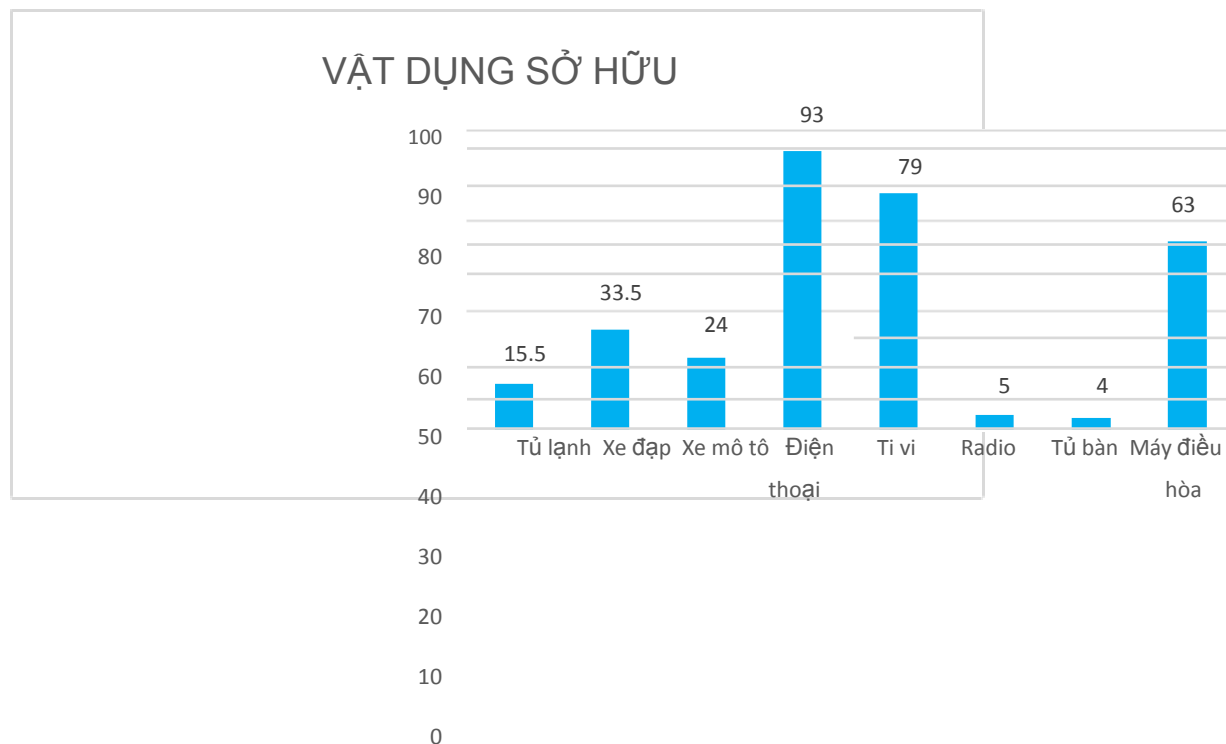
Một điều dễ dàng nhận thấy trong bảng 9 là các chi tiêu dành cho bản thân của nữ lao động nhập cư ít được lựa chọn hơn. Ví dụ chi tiêu cho việc may mặc (69 lựa chọn, 34%), khám chữa bệnh (59 lựa chọn, 29%), mua sắm tiện nghi (45 lựa chọn, 22.5%), mua tài sản đất tiền (xe cộ, nhà cửa,...) (35 lựa chọn, 17.5%). Tất cả các khoản thu nhập họ dành cho nhu cầu sống cơ bản (ăn, ở,...) và chăm lo cho gia đình.

“Bản thân em thì không cần mua sắm gì nhiều vì đi làm cả ngày thì không cần phải mặc đồ đẹp (cười). Ngoài chi tiêu cho ăn uống và trả tiền trọ, tiền còn lại em gửi về cho cha mẹ và để dành đề phòng” (Th., 23 tuổi, Lâm Đồng).

“Mình xuất thân từ vùng quê nghèo nên thương ba thương mẹ lắm. Giờ xuống thành phố đi làm cũng cố gắng tiết kiệm mọi thứ để gửi về lo cho ba mẹ. Chi tiêu cho bản thân không cần nhiều” (H., 25 tuổi, Bình Phước).

2.3.1.4. Về tài sản

Biểu đồ 5: Các vật dụng sở hữu



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Kết quả khảo sát trên 200 nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một cho thấy các vật dụng, đồ dùng trong gia đình và cá nhân mà nữ lao động nhập cư đang sở hữu chủ yếu là những phương tiện cần thiết sử dụng hằng ngày như điện thoại (186 lựa chọn, 93%), tivi (158 lựa chọn, 79%), xe đạp (67 lựa chọn, 33.5%), xe máy (48 lựa chọn, 24%). Ngoài ra do là phụ nữ nên tâm lý chung cũng cần có trang sức để vừa làm đẹp và cũng là cách để tiết kiệm (65 lựa chọn, chiếm 32.5%).

“Nói chung em cũng tiết kiệm không mua sắm gì nhiều đâu anh. Điện thoại thì chỉ cần bình thường, vào mạng được để gọi về cho gia đình và bạn bè qua zalo để đỡ tiền điện thoại. Vào mạng để xem tin, giải trí trên facebook,... Còn lại cũng mua ít trang sức vàng đeo để làm của để dành (cười)” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

“Đồ dùng, phương tiện sinh hoạt trong gia đình thì những cái cần thiết thôi em. Mình ở trọ mua sắm gì nhiều, mà cũng có tiền đâu mua sắm. Do có con cái nên cũng phải sắm sửa tivi này nọ cho con nó xem hoạt hình, xem phim,... Còn lại vợ chồng chị cần có phương tiện đi làm, đưa đón con đi học” (H., 35 tuổi, Thanh Hóa).

Các phương tiện, đồ dùng được xem là xa xỉ với nữ lao động nhập cư không được lựa chọn nhiều – máy điều hòa (6 người, chiếm 3%) hay tủ bàn (8 người, 4%), tủ lạnh (31 người, 15.5%). Đa số những người có các lựa chọn này là đang sống tại nhà của mình, không phải thuê nhà trọ, cuộc sống ổn định hơn.

Qua khảo sát về đời sống vật chất của lao động nữ nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, chúng tôi ghi nhận đa số nữ lao động có mức thu nhập trung bình thấp so với mức thu nhập bình quân đầu người của người dân ở Bình Dương. Do vậy, các khoản chi tiêu của họ cũng hạn hẹp dựa trên mức thu nhập. Đa số nữ lao động nhập cư dành phần lớn thu nhập trang trải cho việc ăn uống, thuê nhà trọ, lo cho con cái học hành và gửi về cho gia đình. Hầu hết nữ lao động nhập cư hiện ở trọ thuê theo tháng với mức giá thấp trong những căn trọ điều kiện thiếu thốn và diện tích nhỏ. Mỗi quan tâm của họ phần lớn dành cho gia đình, thiếu sự chăm sóc và chi trả cho các nhu cầu của cá nhân.

2.3.2. Đời sống sức khỏe tinh thần

Cùng với đời sống vật chất thì đời sống tinh thần là một trong những nhu cầu ở thang bậc nhu cầu cao của mỗi con người. Đời sống tinh thần là một khái niệm khá trừu tượng, nhưng theo cách hiểu đơn giản nhất đó là các hoạt động như giao tiếp, vui chơi, giải trí, các mối quan hệ xã hội,... Đời sống tinh thần có ảnh hưởng lớn tới chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân. Trong phạm vi đề tài này, chúng tôi đo lường đời sống tinh thần của nữ lao động nhập cư trên các tiêu chí: các hoạt động giải trí, sức khỏe bản thân và chăm sóc sức khỏe, đánh giá về mức sống hiện tại và đo lường sự hài lòng với cuộc sống hiện nay.

2.3.2.1. Các hoạt động giải trí

Ngày 9-1-2016, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Chỉ thị số 52- CT/TW “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động ở khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX)”. Bên cạnh đó, Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 12-10-2011 của Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở KCN đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ chức khảo sát tình hình đời sống văn hóa của công nhân lao động ở các khu công nghiệp tại 13 tỉnh, thành phố có đông khu công. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các khu công nghiệp trong cả nước chưa có quy hoạch về xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng xã hội và các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân lao động; điều kiện sinh hoạt văn hóa, thể thao của công nhân lao động hầu như chưa có; mức hưởng thụ về văn hóa của người lao động rất thấp. Tỷ lệ tăng ca thêm giờ

còn vượt quá quy định, chưa có thời gian tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, học tập nâng cao trình độ, tìm hiểu pháp luật, nhất là đối với công nhân lao động độc thân, họ chỉ coi nhà trọ như chỗ ngả lưng qua đêm. Do đó, nhiều công nhân trẻ đang rơi vào tình cảnh “5 không” (không sách báo, không ti-vi, không văn hóa văn nghệ, không thể thao, không tự chủ nhà ở). Thử giải trí duy nhất của công nhân trẻ, độc thân là chiếc điện thoại di động, giúp họ kết nối với thế giới bên ngoài nhà trọ và phân xưởng (Thái Sơn. 2021). Vì vậy, Nhà nước kết hợp với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế đưa ra rất nhiều giải pháp nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho đội ngũ công nhân lao động.

Tại địa bàn khảo sát, chúng tôi ghi nhận không có nhiều loại hình giải trí mà nữ lao động nhập cư thụ hưởng. Sự lựa chọn trong câu hỏi có nhiều trả lời “Chị/bạn/em đang sử dụng các loại hình giải trí nào sau đây?” khá thấp. Đa phần nữ lao động nhập cư chỉ xem ti vi (126 lựa chọn, 63%). Tiếp theo là nghỉ ngơi (35 lựa chọn, 17.5%) hoặc nói chuyện với bạn bè (10 người, 5%). Các hoạt động khác phân bố với tỷ lệ rải rác và hiếm gặp như đọc báo (4 người 2%), đi du lịch xa (5 người, 2.5%), mua sắm quần áo (12 người, 6%).

“Cả ngày làm ở công ty, có hôm tăng ca tới 9, 10 giờ đêm mới về. Thiệt tình chị chỉ muốn nằm nghỉ ngơi, ngủ thôi, ăn cũng không muốn ăn” (Ng., 30 tuổi, Đồng Tháp).

“Làm gì có tiền để đi du lịch hay mua sắm hả anh? Nên em chủ yếu lướt facebook, coi hài, coi game show trên mạng thôi” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

Bảng 2.10: Các loại hình giải trí

STT	Các loại hình giải trí	Chọn	
		Số lượng	Phần trăm
1	Xem ti vi	126	63
2	Đọc báo	4	2.0
3	Nghỉ ngơi	35	17.5
4	Giao tiếp với bạn bè	10	5.0
5	Đi thăm bà con	8	4.0
6	Đi du lịch xa	5	2.5
7	Đi mua sắm quần áo	12	6.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Hầu như lao động nữ di cư lên Thủ Dầu Một không có bà con, họ hàng thân thích nên việc cuối tuần đi thăm bà con họ hàng cũng không nhiều với 8 người lựa chọn (4%) và rơi vào những người sinh sống ngay tại Bình Dương.

“Thường cuối tuần em chỉ ở nhà ngủ, coi phim thôi. Có mấy đứa bạn nhà ở gần đây như Bình Phước hay xung quanh Bình Dương thì về thăm gia đình... Nói chung cũng buồn mà biết làm sao hả anh. Nhưng em cũng không thích ra ngoài vì mệt lắm. Còn mấy ông con trai thì rủ nhau về nhậu nhẹt hết ngày” (Ng., 22 tuổi, Thanh Hóa).

2.3.2.2. Những bệnh thường gặp

Bảng 11: Những bệnh thường gặp

STT	Những bệnh thường gặp	Chọn	
		Số lượng	Phần trăm
1	Da liễu	10	5.0
2	Hô hấp	11	5.5
3	Bệnh phụ khoa	8	4.0
4	Thiếu máu	15	7.5
5	Đau đầu	60	35
6	Mất ngủ	69	34.5
7	Căng thẳng	17	8.5
8	Táo bón	6	3.0
9	Đau mắt	3	1.5
10	Các bệnh khác	1	0.5

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Lao động nữ nhập cư trong khảo sát của chúng tôi đa số đều trong độ tuổi trẻ (20-35), trong đó tập trung đông nhất ở nhóm tuổi 20-25. Do đó, nhìn chung sức khỏe của họ tương đối ổn định. Các bệnh mà họ thường hay gặp là những bệnh thông thường như hô hấp (11 người, 5.5%), da liễu (10 người, 5%), phụ khoa (8 người, 4%), táo bón (6 người, 3%), đau mắt (3 người, 1.5%).

“Thỉnh thoảng em cũng có đau lật vặt, cảm cúm này nọ chứ cũng không có bệnh gì nghiêm trọng. Ra tiệm thuốc tây mua liều thuốc cảm uống vô là hết” (H., 22 tuổi, Bình Dương).

“Do chế độ ăn uống, sinh hoạt nên cũng có bị táo bón, đau bụng này kia” (Nh., 25 tuổi, Tây Ninh).

Tuy nhiên, khi nhìn vào bảng số liệu, chúng ta thấy số lượng lựa chọn nhiều trong các câu trả lời của nữ lao động nhập cư là mất ngủ (69 người, 34.5%), đau đầu (60 người, 35%), căng thẳng (17 người, 8.5%). Đây là những con số cần quan tâm vì

có liên quan đến những dấu hiệu của rối loạn lo âu. Họ cần được chăm sóc về sức khỏe tâm thần.

“Chị vào đây làm công nhân cũng được 10 năm rồi mà nói thật cũng không tiết kiệm được bao nhiêu. Dịch tới các công ty làm ăn cũng khó khăn, thu nhập của chị cũng bị ảnh hưởng nhiều. Giờ lo lắng không biết nên về quê tránh dịch hay ở lại. Lo quá ngủ cũng không được, ăn không ngon” (Ng., 30 tuổi, Đồng Tháp).

“Cả ngày đi làm mệt mà tối về ngủ cũng không ngon anh ơi. Đau đầu, mệt mỏi, căng thẳng,... đủ thứ hết. Mà không biết sao cho nó đỡ. Cứ nghĩ tới tương lai phía trước thì thấy đen hù” (V., 27 tuổi, Lâm Đồng).

Trong “Phân tích thực trạng sức khỏe của người di cư Việt Nam” của Tổ chức di cư quốc tế IOM (2020), IOM cho rằng Việt Nam là quốc gia có nhiều làn sóng di cư ồ ạt và đa chiều. Di cư mở ra các cơ hội và mang lại thu nhập cần thiết và thịnh vượng cho gia đình và cộng đồng, nhưng bản thân người di cư được xác định là nhóm dân số dễ bị tổn thương khi gặp khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế. Mối quan hệ giữa sức khỏe và di cư rất phức tạp và bị ảnh hưởng bởi các nền tảng kinh tế xã hội và văn hóa của người di cư, lịch sử sức khỏe trước đây của họ, cũng như bản chất, chất lượng và khả năng tiếp cận hệ thống các dịch vụ y tế trước khi di cư. Ở cấp độ khu vực và toàn cầu, đảm bảo sức khỏe của người di cư là một nhiệm vụ mang tính nhân quyền và cũng là trách nhiệm chung của tất cả các bên liên quan đối với các tác động liên quan tới sức khỏe cộng đồng, vì điều này đã vượt ra ngoài biên giới quốc gia. Bộ Y tế Việt Nam cam kết thực hiện Nghị quyết 70.15 “Tăng cường sức khỏe của người tị nạn và người di cư” đã được WHA phê duyệt vào tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên, các nỗ lực nâng cao sức khỏe người di cư đã gặp phải khó khăn vì sự khan hiếm dữ liệu về sức khỏe và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế của người di cư cũng như sự hạn chế thông tin về vai trò của các bên liên quan trong việc giải quyết các thách thức liên quan đến sức khỏe người di cư trong nước và ở các nước đến. Đặc biệt, có rất ít thông tin về khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của nhóm người di cư không có giấy tờ (IOM. 2020). Các kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng mặc dù một số chính sách và chiến lược quốc gia đảm bảo việc tiếp cận công bằng trong tăng cường sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và chăm sóc cho tất cả người di cư ở Việt Nam, nhưng nhìn chung luật pháp có xu hướng hạn chế hơn là tăng

cường khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người di cư trong nước. Người di cư ngắn hạn và người di cư trái phép không được đăng ký cư trú là nhóm đặc biệt dễ bị tổn thương. Về mặt giám sát sức khỏe người di cư, không có cơ chế thu thập dữ liệu sức khỏe dành riêng cho người di cư trong các hệ thống giám sát quốc gia. Do người di cư trong nước không đăng ký cư trú tại các địa phương, họ có thể bị loại khỏi các cuộc điều tra quốc gia, điều này dẫn đến việc thiếu thông tin cấp thiết về các nhu cầu, khả năng tiếp cận và các xu hướng chăm sóc sức khỏe của người di cư ở Việt Nam. Xuất hiện sự chênh lệch trong khu vực về tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế giữa những người di cư và không di cư vì những người di cư phải đối mặt với chi phí cao và các thủ tục giấy tờ phức tạp và phiền toái. Những người di cư ngắn hạn và người di cư trái phép không đăng ký cư trú sẽ không được pháp luật bảo vệ đầy đủ và phải chịu các khoản phí cao. Bên cạnh, nguy cơ dễ bị tổn thương cao của phụ nữ và trẻ em gái di cư cũng được chỉ ra trong SDG 5 Bình đẳng giới. Phần lớn lao động nữ di cư ở Việt Nam làm việc trong khu vực phi chính thức không có hợp đồng lao động và bị hạn chế trong việc tiếp cận các dịch vụ bảo trợ xã hội, có thể thấy nhu cầu về chăm sóc sức khỏe sinh sản của người di cư vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ, phải đối mặt với những thách thức khi tiếp cận các dịch vụ y tế cần thiết, thông tin và giáo dục. Rào cản cấu trúc quan trọng đó là các thủ tục hành chính phức tạp khi sử dụng thẻ bảo hiểm tại các cơ sở y tế. Với hệ thống chuyển tuyến hiện tại được xây dựng theo hệ thống đăng ký cư trú, người di cư trong nước phải đối mặt với những khó khăn đáng kể để có bảo hiểm y tế và tiếp cận được các dịch vụ y tế công cộng khi họ phải đăng ký cư trú ở một khu vực mới. Điều này khiến người di cư phải tự chi trả các chi phí chăm sóc sức khỏe để tự điều trị. Nhu cầu về các dịch vụ y tế nhạy cảm về giới cũng được những người trả lời phỏng vấn đề cập đến. Nhiều phụ nữ di cư chia sẻ họ cảm thấy ngần ngại khi tìm kiếm các dịch vụ chăm sóc sức khỏe liên quan đến sinh sản hoặc phụ khoa. Thời gian chờ đợi ở bệnh viện quá lâu cũng được xác định là một trong những rào cản chính, bị mất thu nhập nếu nghỉ làm là điều nhiều người di cư không muốn trừ khi tình trạng sức khỏe trở nên nghiêm trọng. Không có khả năng chi trả phí dịch vụ y tế là rào cản được nhóm người di cư có thu nhập thấp nhấn mạnh, ngay cả khi có bảo hiểm y tế, họ vẫn phải đối mặt với viện phí cao hơn khi không có giấy tờ chuyển tuyến. Những chi phí này kết hợp với khả năng tài chính

hạn chế của người di cư đã đem lại cho họ gánh nặng về kinh tế, khi mà thu nhập của họ không đủ cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Chính vì vậy, tự dùng thuốc là hình thức phổ biến trong nhóm di cư và nhiều người trong số họ tự cho là mình có sức khỏe tốt. Bên cạnh đó, hiểu biết và kiến thức hạn chế về cách tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người di cư, nhiều người trong số họ có trình độ học vấn thấp, đã đặt họ vào những rủi ro cao hơn về sức khỏe do không đủ kiến thức và thông tin sai lệch. Việc kiến thức hạn chế như vậy cũng được phản ánh trong thiếu nhận thức về quyền lợi của BHYT trong đó có quyền chuyển địa điểm đăng ký khám chữa bệnh ban đầu đến nơi ở mới (IOM. 2020).

Các dữ liệu xử lý được chúng tôi thu thập được trên bảng hỏi đối với nữ lao động nhập cư cũng cho các kết quả khá tương đồng với các nghiên cứu trước đó. Đa số nữ lao động nhập cư cho biết mình chỉ đi kiểm tra sức khỏe tại các cơ sở khám chữa bệnh khi bệnh rất nặng, đe dọa tới tính mạng (96 người, chiếm 48%). Trong khi đó có 27 người (13%) không đi bệnh viện dù bệnh rất nặng. 44 người (22%) cho biết mình có đi kiểm tra khi thấy có dấu hiệu bệnh, tuy nhiên thỉnh thoảng mới đi.

“Có gì đâu mà phải đi khám cho mắc công em ơi. Bệnh nhẹ nhẹ thì để tự khỏi hoặc mua thuốc ngoài tiệm thuốc tây về uống. Sống chết có số, lo gì” (Ng., 35 tuổi, Tây Ninh).

“Lâu lâu, có khi 2-3 năm em mới đi bệnh viện 1 lần nếu thấy dấu hiệu bệnh nặng như ung thư này nọ thôi. Còn các bệnh khác tự bệnh tự hết” (H., 22 tuổi, Bến Tre).

Bảng 2.12: Tình trạng tiếp cận y tế của nữ công nhân nhập cư

STT	Nội dung	Phương án trả lời	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Kiểm tra sức khỏe định kỳ	Có đi kiểm tra	44	22.0
		Chỉ đi khi bệnh rất nặng	96	48.0
		Không đi kể cả bệnh rất nặng	27	13.0
		Khác	23	11.5
		Tổng số	200	100,00
2	Lý do không đi kiểm tra sức khỏe kể cả bệnh rất nặng	Không có tiền	10	5.0
		Không biết khám ở đâu	0	0,00
		Không muốn nghỉ làm để đi	12	6.0
		Không có phương tiện đi lại	0	0,00
		Nhân viên y tế không công bằng, tôn trọng	5	2.5
		Khác	0	0,00
		Tổng số	27	100,00

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Lý giải cho nguyên nhân không đi thăm khám sức khỏe mặc dù có dấu hiệu bệnh hoặc bệnh nặng, các nữ lao động nhập cư trong nghiên cứu cho biết họ không có đủ tiền cho việc khám chữa bệnh (10 người, chiếm 5%) khi bản thân không có bảo hiểm y tế hoặc bảo hiểm y tế trái tuyến không sử dụng được, không muốn nghỉ làm để đi (12 người, chiếm 6%) vì nếu đi sẽ ảnh hưởng tới công việc, thu nhập, thậm chí mất việc.

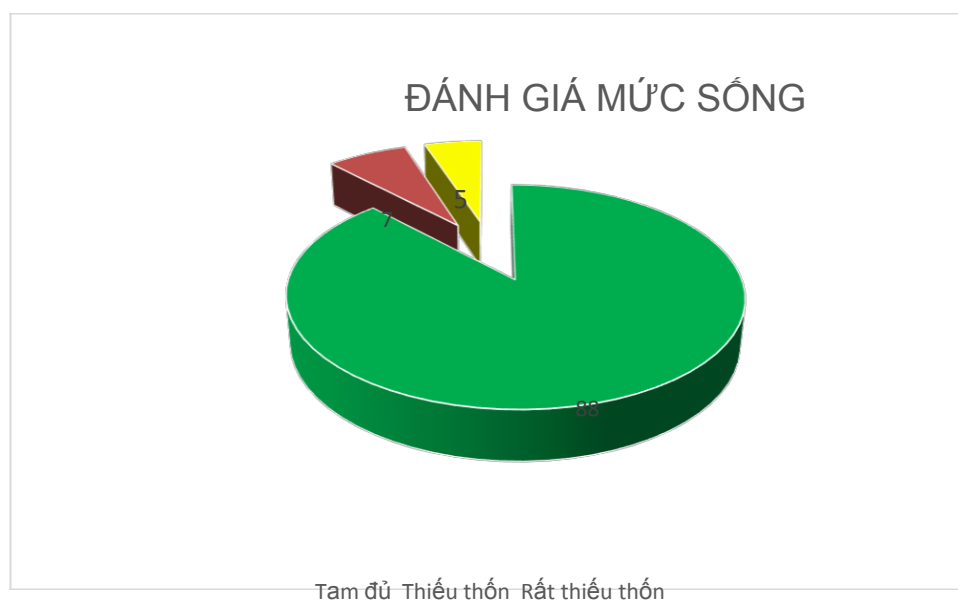
“Tiền bạc đâu mà đi bệnh viện anh ơi. Mà có bệnh gì đâu mà đi. Em thấy bệnh nặng như ung thư thì trước sau gì cũng chết. Cứ về nhà uống thuốc nam là được rồi. Chữa trị làm gì cho tốn kém, khổ cha khổ mẹ, khổ anh em ra” (Nh., 27 tuổi, Bình Phước).

“Đâu phải dễ xin nghỉ để đi khám bệnh đâu anh. Mặc dù trong luật hình như là nói có cho nghỉ để đi khám nhưng không phải vậy. Em nghỉ đi khám thai cũng khó. Nên nếu bệnh thì ra mua thuốc tây là được rồi” (H., 28 tuổi, Bình Dương).

Cũng qua các phỏng vấn sâu, chúng tôi ghi nhận, lý do các nữ công nhân không đi khám bệnh còn xuất phát từ việc ngại ngùng (nếu mắc bệnh phụ khoa), thiếu các thông tin về nơi khám, về sử dụng bảo hiểm y tế, về bảo hiểm y tế do doanh nghiệp cam kết trong hợp đồng lao động,... Tất cả điều này là yếu tố cản trở việc tiếp cận với dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe của nữ lao động nhập cư.

2.3.2.3. Đánh giá mức sống hiện tại so với trước kia

Đánh giá về mức sống hiện tại so với trước khi tới thành phố Thủ Dầu Một nhập cư, đa số nữ lao động đều cho rằng cuộc sống của mình bây giờ là tạm đủ (176 người trả lời, 88%). Vẫn còn 14 người (7%) cho biết cuộc sống của mình thiếu thốn và 10 người (5%) cho biết đang rất thiếu thốn. Dưới ảnh hưởng của dịch Covid-19 thì tình trạng này càng khó khăn hơn bao giờ hết.



Biểu đồ 6: Đánh giá mức sống hiện nay

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Các nữ lao động nhập cư chia sẻ:

“Khi ở quê lên đây em cũng hy vọng sẽ làm có tiền, gửi về quê cho cha mẹ nuôi em ăn học, còn ít thì để làm vốn, sau đó về quê mở tiệm gì đó làm ăn hoặc kinh doanh. Nhưng em lên đây 3 năm rồi cũng không để dành được bao nhiêu. Tiền lương hàng tháng chỉ đủ chi phí ăn uống, thuê nhà trọ, lâu lâu gửi cho cha mẹ ít tiền. Hết luôn” (H., 22 tuổi, Bến Tre).

“Sống giữa thành phố cái gì cũng đắt đỏ thì lấy đâu ra tiền để dành hả em. Nhà chị bây giờ là thiếu thốn lắm. Tiền làm ra của hai vợ chồng chỉ đủ giặt giũ và vai nuôi con. Thiệt tình chị không dám nghĩ tới tương lai luôn. Giờ thêm dịch nữa không biết tồn tại làm sao. Ăn còn không đủ thì nghĩ gì nữa” (Ng., 35 tuổi, Thanh Hóa).

2.3.2.4. Mức độ hài lòng khi nhập cư

Với mức sống được đánh giá chỉ tạm đủ, không ít người ở trong tình trạng thiếu thốn, tuy nhiên khi chúng tôi hỏi về mức độ hài lòng của nữ lao động nhập cư trong thời điểm hiện tại, một kết quả mà chúng tôi khá ngạc nhiên là có tới hơn một nửa số người được khảo sát (138 người, chiếm 69%) cho rằng cuộc sống như vậy đã là tốt hơn so với trước kia và họ khá hài lòng. Chỉ có 18 người (9%) cho rằng tệ hơn và 32 người (16%) đánh giá là như cũ. Lý giải cho con số này, các nữ lao động nhập cư cho biết:

“Khổ, vất vả, thiếu thốn là có thật. Nhưng so với gia đình và mọi người ở quê làm nông, mùa được mùa mất thì cuộc sống như vậy đã là tốt hơn rất nhiều rồi. Em thử nghĩ cái xứ Thanh Hóa của chị, chó ăn đá gà ăn cát, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, thiếu trước hụt sau thì đi làm công nhân, dù tăng ca có mệt, có khổ cũng không khổ bằng” (Ng., 35 tuổi, Thanh Hóa).

“Khổ khổ xiu nhưng có tiền hằng tháng chị ơi. Chứ em ở quê làm guộng (ruộng), phụ mẹ bếp núc thì làm gì ra tiền. Mà nhà em cũng không có guộng nhiều để làm nữa. Khổ cực lắm” (D., 23 tuổi, Đồng Tháp).

Bảng 2.13: Đánh giá mức độ hài lòng của nữ lao động nhập cư

STT	Mức độ hài lòng	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Tốt hơn	138	69.0
2	Như cũ	32	16
3	Tệ hơn	18	9.0
Tổng		200	100.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Như vậy, có thể thấy nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ dầu Một mặc dù có mức sống tương đối, thu nhập vẫn còn thấp, chi tiêu chủ yếu cho những nhu cầu căn bản nhất của cuộc sống, tuy nhiên họ khá hài lòng khi so sánh với cuộc sống trước khi xuất cư. Tuy nhiên, vấn đề cần quan tâm ở nhóm lao động nữ này là sự thiếu hụt các hoạt động giải trí, hỗ trợ tinh thần – trong khi phần lớn trong số họ có những biểu hiện của stress, rối loạn lo âu - cũng như những khó khăn khi tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

2.4. Những khó khăn với nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một

Trước các đánh giá về đời sống (vật chất và tinh thần) của nữ lao động nhập cư qua khảo sát, chúng tôi cũng mong muốn ghi nhận những khó khăn cụ thể của họ để từ đó mới có thể đưa ra các khuyến nghị về giải pháp cho các bên có liên quan để hỗ trợ cho họ một cách thiết thực nhất. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy có rất nhiều khó khăn mà nữ lao động nhập cư đang phải đối mặt, trong đó nhiều nhất là về kết nối các nguồn lực để hỗ trợ an sinh xã hội cho họ, nhất là trong thời điểm khó khăn do dịch covid-19 (185 lựa chọn, 92%).

“Dịch covid-19 tới ai cũng khó khăn, nhưng khó khăn nhất là những người đi làm thuê, làm công như tụi em. Em phụ quán cà phê nhưng dịch tới, quán không bán được, đóng cửa luôn. Em giờ không có tiền để sống mà về quê thì không được. Ngày ngày mong mạnh thường quân tới cho đồ ăn để cầm cự qua ngày thôi” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

“Vợ chồng chị đều là công nhân. Giờ dịch công ty không làm được. Mình may mắn còn sống còn khỏe chứ bao nhiêu người bị nhiễm rồi mất. Chị đang mong có các

gói an sinh như ở Thành phố Hồ Chí Minh để có thể không chết vì đói” (Ng., 35 tuổi, Thanh Hóa).

Khó khăn thứ hai của các nữ lao động nhập cư là điện sinh hoạt (70 lựa chọn, 85%), nhà ở, nơi lưu trú (165 lựa chọn, 82%) cũng như các hỗ trợ vay tiền để làm ăn, ổn định cuộc sống (164 lựa chọn, 82%). Theo họ điện nước và phòng trọ là những khoản chi chiếm phần lớn thu nhập của họ. Nếu được hỗ trợ họ sẽ giảm bớt gánh nặng cho kinh tế.

“Đang mùa dịch, việc làm bữa có bữa không, thời gian ở nhà nhiều nên điện nước cũng tăng. Dù một số chủ nhà trọ cũng hỗ trợ giảm tiền nhà, giảm điện nước trong mùa dịch nhưng cũng khó khăn lắm vì thu nhập không có. Mong nhà nước có cách nào để hỗ trợ cho tụi em qua giai đoạn này” (Nh., 25 tuổi, Đồng Tháp).

Các khó khăn khác cũng được nữ lao động nhập cư liệt kê ra, lần lượt là môi trường sống (115 lựa chọn, 57.5%), nắm bắt thông tin (105 lựa chọn, 52.5%), y tế (79 lựa chọn, 39.5%), giúp đỡ của chính quyền địa phương (78 lựa chọn, 39%), giáo dục (25 lựa chọn, 12.5%) và nước sinh hoạt (15 lựa chọn, 7.5%). Đây đều là những khó khăn rất thực tiễn mà người lao động nhập cư nói chung và nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một trong mẫu khảo sát gặp phải và cần được sự hỗ trợ, giúp đỡ của các cấp chính quyền, ban ngành, tổ chức xã hội, doanh nghiệp có liên quan.

Bảng 2.14: Khó khăn của nữ công nhân nhập cư

STT	Các khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Về nhà ở, lưu trú	165	82.0
2	Về điện sinh hoạt	170	85.0
3	Về nước sinh hoạt	15	7,5
4	Về môi trường sống	115	57.5
5	Về giáo dục	25	12.5
6	Về y tế	79	39.5
7	Về hỗ trợ vay tiền	164	82,0
8	Về kết nối nguồn lực	185	92.0
9	Về giúp đỡ của chính quyền địa phương	78	39.0
10	Về nắm bắt thông tin	105	52.5

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

2.5. Nhu cầu của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một

Các nhu cầu của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một gắn liền với những khó khăn mà họ gặp phải. Mong muốn của họ hướng về một mục đích cuối cùng là có được cuộc sống ổn định và tốt hơn, như những ước vọng họ ôm ấp trước khi xuất cư. Nhìn vào bảng 15, ta thấy mong muốn lớn nhất của họ là cải thiện nhà ở được tốt hơn với tỷ lệ 100%.

“Đa số dân nhập cư lên làm công nhân hoặc làm thuê như tụi em đều ở nhà trọ ọp ẹp lắm anh ơi. Mùa nắng thì nóng mà mùa mưa thì dột, ướt, ngập nước mà an ninh lại không đảm bảo. Nên em mong có nhà lưu trú giá rẻ cho công nhân tụi em hoặc ở trọ nhưng phòng trọ được được xít và giá cả phải chăng” (D., 22 tuổi, Đồng Tháp).

“Tiền thuê trọ của em bây giờ muốn hết một phần ba tháng lương của em, đó là chưa kể đến các chi phí khác. Nên em mong muốn được hỗ trợ tiền trọ thôi” (H., 20 tuổi, Bến Tre).

Một điều đáng chú ý là nhu cầu về các hoạt động giải trí của nữ lao động nhập cư cũng được lựa chọn với tỷ lệ 100%. Như vậy, nữ lao động nhập cư đã nhận biết được những mong muốn của mình nhưng điều kiện thực tế chưa được đáp ứng.

“Em đi làm cả ngày, có hôm tăng ca 9, 10 giờ tối mới về. Ăn được miếng cơm là lăn ra ngủ để sáng mai dậy sớm đi làm lại nên không biết cái gì là giải trí. Cuối tuần thì ở phòng ngủ bù, không đi chơi đâu. Vậy nên vẫn còn “ế” tới giờ nè anh (cười). Nên em chỉ mong công ty có thể hỗ trợ cho thêm thời gian dành cho các hoạt động giải trí để em đỡ mệt mỏi, căng thẳng vì làm nhiều mà không có gì để xả bực dọc, mệt mỏi của mình” (T., 28 tuổi, Bình Phước).

Những mong muốn của nữ lao động nhập cư còn là được hỗ trợ vay tiền chính sách (196 lựa chọn, 98%), được hưởng giá điện sinh hoạt bình thường trong khi giá điện sinh hoạt nhà trọ luôn cao hơn giá nhà nước (195 lựa chọn, 97.5%), được chính quyền địa phương giúp đỡ trong cuộc sống (195 lựa chọn, 97.5%), được tiếp cận các chính sách giáo dục, y tế (190 lựa chọn, 95%), được kết nối các nguồn lực bền vững (135 lựa chọn, 67%) và nắm bắt thông tin của nhà nước cho người dân (70 lựa chọn, 35%). Như vậy chúng ta có thể thấy nhu cầu của nữ lao động nhập cư liên quan đến các vấn đề về chính sách và vai trò của chính quyền địa phương – nơi nhập cư rất nhiều. Bên cạnh, họ cũng mong muốn sẽ có môi trường sống tốt hơn, ít ô nhiễm (150 lựa chọn, 75.9%) cũng như hỗ trợ về nước sinh hoạt (45 lựa chọn, 22.5%).

“Chị chỉ mong muốn nhà nước và chính quyền ở đây có những chính sách để hỗ trợ cho con cái chị được nhập học dễ dàng, có bảo hiểm y tế để chăm lo sức khỏe mỗi khi ốm đau. Nếu được hỗ trợ thêm những thứ khác nữa thì tốt quá. Nhưng trước mắt chị mong muốn được như vậy và cũng mong thông tin của nhà nước được tới từng người làm thuê như chị” (H., 30 tuổi, Lâm Đồng).

“Giá điện nước em ở trọ luôn luôn cao gấp đôi gấp ba so với giá nhà nước. Vì vậy em mong nhà nước có hỗ trợ cho tụi em chứ tiền điện nước hằng tháng trả cũng phê lắm anh ơi” (Nh., 25 tuổi, Tiền Giang).

Bảng 2.15: Nhu cầu của nữ lao động nhập cư

STT	Nhu cầu	Số lượng	Tỉ lệ phần trăm
1	Cải thiện được nhà ở tốt hơn	200	100.0
2	Được hưởng giá điện sinh hoạt bình thường	195	97.5
3	Nước sinh hoạt tốt hơn	45	22.5
4	Môi trường sống không bị ô nhiễm	150	75.9
5	Được tiếp cận các chính sách giáo dục, y tế	190	95.0
6	Được hỗ trợ vay tiền chính sách	196	98.0
7	Được kết nối nguồn lực bền vững	135	67,0
8	Được chính quyền địa phương giúp đỡ trong cuộc sống	195	97.5
9	Có được thời gian giải trí nhiều hơn	200	100.0
10	Nắm bắt thông tin của nhà nước cho người dân	70	35.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Có thể nói, xuất phát từ những khó khăn hoàn toàn thực tế trong cuộc sống của mình, đặc biệt là khó khăn trong tiếp cận với các chính sách an sinh xã hội, hầu hết nữ lao động nhập cư trong khảo sát của đề tài đều mong muốn nhà nước và chính quyền địa phương có những hỗ trợ kịp thời để họ có thể tiếp cận được với hệ thống an sinh xã hội dành cho họ nhằm đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống vốn đã khó khăn, hiện càng khó khăn và bấp bênh hơn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

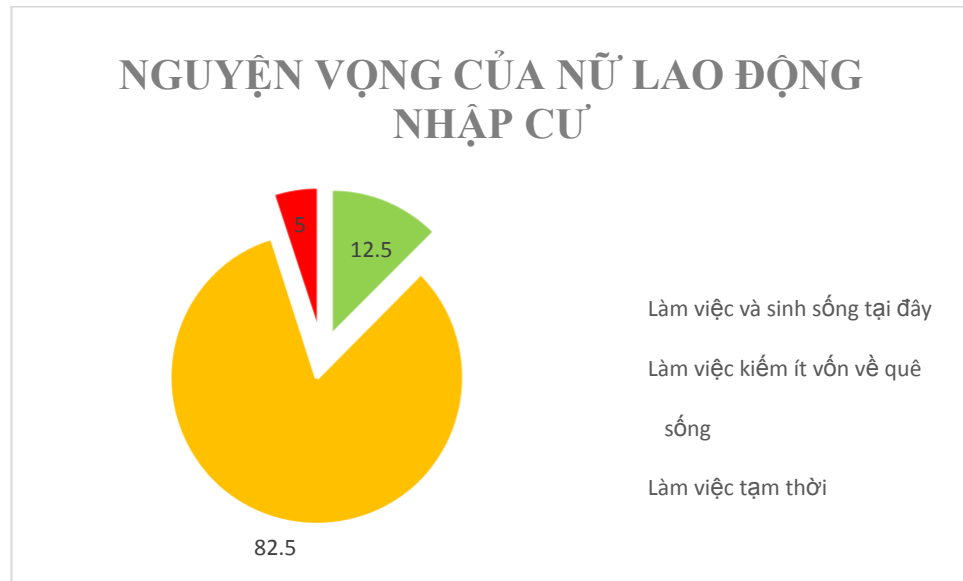
2.6. Nguyên vọng của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một

Với thực trạng đời sống cùng những thuận lợi, khó khăn cũng như thay đổi trong cuộc sống giữa nơi xuất cư và nhập cư của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một, khi chúng tôi đưa ra câu hỏi “Nguyên vọng của chị/bạn/em là gì?” thì hầu hết (165 lựa chọn, 82.5%) họ cho biết mình muốn làm việc kiếm ít vốn về quê sống. Có lẽ đây không phải là nguyên vọng ban đầu của họ nhưng với những khó khăn trên thực tế mà họ đang phải đối mặt, đặc biệt là tác động của dịch Covid-19 với tỷ lệ người lao động nhập cư thất nghiệp, thiếu ăn, làm sống di cư ồ ạt về lại quê hương, mọi ước vọng của họ đã bị sụp đổ và ước vọng duy nhất của họ lúc này là gom góp chút vốn về quê để làm ăn, thay đổi cuộc đời. Một số khác cho biết họ chỉ làm việc tạm thời, sau đó sẽ về quê ngay khi có cơ hội (10 người, 5%).

“Mới đầu nghe anh chị kể ở thành phố có này có kia, hiện đại, đẹp để em cũng ham lắm, cũng háo hức lắm. Mới đầu lên vẫn còn háo hức. Nhưng được khoảng 2 tháng là bắt đầu em chán. Cảnh ở nhà trọ ọp ẹp, hôi hám, điều kiện sống không an toàn. Ăn uống thì mất vệ sinh, làm việc cả ngày, tăng ca cả đêm. Lúc đó em chỉ muốn được về quê thôi. Nghèo nhưng khỏe. Giờ chỉ mong có chút tiền là em về liền” (H., 22 tuổi, Bến Tre).

“Thiệt ra vợ chồng chị cũng đang tính toán về quê. Nhưng mắc con cái đang học ở đây nên ráng cố theo. Nếu có điều kiện chị sẽ về liền” (Ng., 35 tuổi, Thanh Hóa).

Biểu đồ 7: Nguyên vọng của nữ công nhân lao động nhập cư



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài 6/2021

Một số nữ công nhân lao động nhập cư có hộ khẩu tại Bình Dương hoặc có nhà cửa ổn định tại Bình Dương thì quyết định “làm việc và sinh sống tại đây” (25 lựa chọn, 12.5%). Điều này hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh cuộc sống của họ.

“Nhà chị đã ổn định ở đây nên chị lập nghiệp luôn ở đây rồi. Giờ mình có nhà có cửa, con cái đang học hành, công việc tuy thu nhập không cao nhưng cũng có thể sống được. Chị nghĩ vậy là được rồi” (A., 33 tuổi, Tiền Giang).

Các nghiên cứu về lao động di cư trước đây cũng chỉ ra, hầu hết người lao động di cư đều mong muốn làm việc trong thời gian ngắn, gửi tiền về nơi xuất cư cho gia đình để thay đổi đời sống kinh tế cũng như tương lai của gia đình. Sau thời gian làm việc sẽ về quê hương để sinh sống. Nghiên cứu của chúng tôi trên nhóm lao động nữ nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một cũng đưa ra những kết quả tương tự. Những khó khăn về điều kiện làm việc và sinh sống tại quê hương là động lực thúc đẩy họ tới miền đất hứa. Tuy nhiên, những vất vả của thực tế mà họ phải đối mặt cũng như điều kiện sinh sống thiếu thốn là động lực để họ quyết tâm dành dụm tiền để trong tương lai gần có thể quay trở lại quê hương. Thiết nghĩ các nhà hoạch định chính sách cũng cần quan tâm tới vấn đề này để đề xuất đưa ra các chính sách thiết thực, phù hợp với nhóm lao động quan trọng này.

*** Tiểu kết chương 2**

Trong chương này, chúng tôi có kết quả khảo sát được thực trạng bằng những số liệu cụ thể, cũng như phân tích các số liệu một cách khoa học như:

- Thực trạng nhân khẩu của nữ lao động nhập cư tại Thủ Dầu Một
- Đặc điểm việc làm của nữ lao động nhập cư
- Thực trạng về đời sống của nữ lao động nhập cư, trong đó chúng tôi chú trọng về hai mặt là đời sống tinh thần và đời sống vật chất của họ
- Những khó khăn của nữ lao động nhập cư trên địa bàn Thủ Dầu Một
- Nhu cầu của nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một
- Nguyên vọng của nữ lao động nhập cư tại Thủ Dầu Một

Trên cơ sở phân tích số liệu chúng tôi tìm ra được từ những khó khăn đến nhu cầu của nữ lao động nhập cư tại Thủ Dầu Một làm cơ sở cho việc ứng dụng CTXH nhóm để hỗ trợ nhóm người lao động này một cách hiệu quả hơn

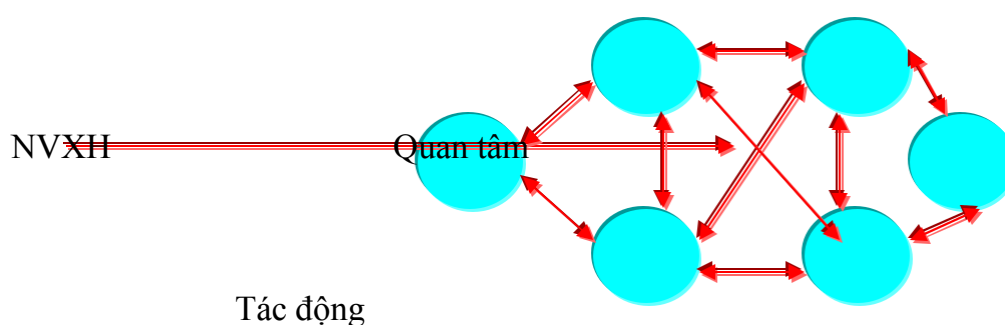
Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đi sâu vào chi tiết, phân loại từng đối tượng nữ công nhân nhập cư tại Thủ Dầu Một để có được các giải pháp hỗ trợ họ một cách hiệu quả nhất.

CHƯƠNG 3. ỨNG DỤNG CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HÒA, THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

3.1. Phương pháp công tác xã hội nhóm

Áp dụng phương pháp nhóm trong công tác xã hội, là một phương pháp trong Công tác xã hội nhằm giúp tăng cường, củng cố chức năng xã hội của mọi cá nhân thông qua các hoạt động nhóm và khả năng ứng phó với vấn đề mình đang gặp phải, có nghĩa là ứng dụng những kiến thức, kỹ năng liên quan đến tâm lý nhóm (hoặc năng động nhóm). Nhóm những thân chủ có cùng vấn đề giống nhau hoặc có liên quan đến vấn đề, chung mục đích hướng đến. Các mục tiêu xã hội được thiết lập bởi nhân viên xã hội trong kế hoạch hỗ trợ thân chủ (cá nhân, nhóm, cộng đồng) thay đổi hành vi, thái độ, niềm tin nhằm giúp thân chủ tăng cường năng lực đối phó, chức năng xã hội thông qua kinh nghiệm của nhóm có mục đích nhằm để giải quyết vấn đề và thỏa mãn nhu cầu.¹

Đối tượng chính của Công tác xã hội nhóm:²



Qua sinh hoạt nhóm sẽ giúp thân chủ có điều kiện phát triển tâm lý xã hội tốt hơn. Mức độ phương pháp hoạt động nhóm có thể can thiệp ở ba mức độ: (1) Chữa trị, hàn gắn, sửa chữa, điều chỉnh...(2) ngăn ngừa và (3) phát triển. Những hoạt động này nhằm mục đích giúp thân chủ hội nhập được vào với cuộc sống. Từ những hoạt

²Th.S Nguyễn Ngọc Lâm (2006),*Giáo Trình Công tác xã hội nhóm*,trang 30.

động xã hội, nhóm sẽ giúp các thành viên phát triển nhân cách, giáo dục, kỹ năng làm việc nhóm, giúp nhau hội nhập vào với cuộc sống.

3.2. Công cụ kỹ thuật sử dụng

Trong tiến trình thực hành công tác xã hội với nhóm, để phù hợp với nhóm có độ tuổi từ 25 – 40 tuổi những công cụ kỹ thuật sẽ hỗ trợ gồm có:

- Vẽ sơ đồ nhóm khi nhóm thảo luận giải quyết vấn đề
- Viết tiến trình nhóm
- Viết báo cáo của buổi sinh hoạt
- Một số công cụ kỹ thuật được nhân viên xã hội sử dụng

✓ Thực hiện các hoạt động vận động thể chất

✓ Vẽ sơ đồ tương tác các thành viên của nhóm với nhau

✓ Động não

✓ Thảo luận nhóm

✓ Liệu pháp thư giãn

✓ Ngôn ngữ viết

3.3. Tiến trình công tác xã hội nhóm

3.3.1. Giai đoạn: lên kế hoạch và thành lập nhóm

3.3.1.1. Tóm tắt, tóm lược những điểm chính về nhóm

Thủ Dầu Một là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội của tỉnh Bình Dương. Thủ Dầu Một đã và đang trở thành điểm sáng về phát triển khu công nghiệp, là thị trường thu hút một lượng lớn lao động từ các nơi với sự đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực việc làm và trình độ chuyên môn. Do đó, số lượng người nhập cư tập trung về đây rất đông để làm việc và sinh sống. Nhu cầu về nguồn lao động đa dạng về tay nghề, trình độ, chuyên môn,... để cung ứng cho các doanh nghiệp.

Vì các lý do khác nhau mà nguồn lao động nhập cư ngày càng lớn đặc biệt là lao động nữ. Tuy nhiên, khi có được việc làm thì phát sinh các vấn đề khó khăn khác như: tiền lương, nhà ở, chi phí sinh hoạt, các chính sách về bảo hiểm,.... .

3.3.1.2. Thành phần nhóm

- Thành phần nhóm chúng tôi hướng đến giúp đỡ:
- + Nhóm các nữ lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một gặp khó khăn trong cuộc sống.

- + Giới tính: nữ
- + Độ tuổi: từ 18 đến 30
- Tiêu chí bị trục xuất khỏi nhóm
- + Không thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn vào nhóm.
- + Không có mong muốn, nhu cầu giải quyết vấn đề chung của nhóm
- + Động cơ không trong sáng, vì mục đích cá nhân, không chung với mục tiêu chung của nhóm đặt ra từ trước.
- + Không tuân thủ đúng theo quy định của nhóm đề ra trước đó như: vắng mặt nhiều trong các buổi sinh hoạt, không chịu chia sẻ, đến với nhóm vì tư lợi cá nhân.
- Quy mô và đặc điểm nhóm
 - + Quy mô: Nhóm gồm 1 nhóm trưởng (thành viên trong nhóm) và 3 thành viên, 1 NVHX quan sát ghi nhận thông tin và hỗ trợ tổ chức sinh hoạt nhóm, điều hòa không khí ở các buổi sinh hoạt khi nhóm trong tình trạng căng thẳng hay trên đà mâu thuẫn và ngoài ra còn hỗ trợ trưởng nhóm trong quá trình quản lý nhóm.
 - + Đặc điểm:
 - Các thành viên trong nhóm giải quyết vấn đề trước mắt, chuẩn bị trước tinh thần khi đối mặt với việc bị có nguy cơ mất việc do dịch bệnh, giá thành tăng cao, lương giảm hay các chính sách xã hội chậm triển khai.
 - Các thành viên đến với nhóm đều có mục đích chung là tìm cách giải quyết vấn đề của cá nhân cũng là vấn đề chung của nhóm.
 - Đây là nhóm khép kín, các thành viên cố định, tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt (nếu vắng thì báo trước cho nhóm trưởng hoặc nhân viên xã hội), đây đang là nhóm có vấn đề xã hội, có đặt ra quy định, cam kết với nhóm rõ ràng và các thành viên tham gia đều có chung mục đích là giải quyết được vấn đề trên.

3.3.1.3. Cam kết

- *Số lượng*: 5 thành viên (1 nhóm trưởng và 4 thành viên), 1 nhân viên xã hội

- *Tần suất*: Nhóm sinh hoạt 1 buổi/tuần, chủ yếu vào chủ nhật hàng tuần
- *Thời lượng*: Mọi buổi sinh hoạt khoảng 1 tiếng 30 phút/buổi/tuần (sinh hoạt vào lúc 19g00')

3.3.2. Giai đoạn: BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG

4.2.1. Giới thiệu các thành viên trong nhóm

Đây là buổi sinh hoạt đầu tiên của nhóm, các thành viên sẽ làm quen với nhau, tự giới thiệu về bản thân mình

Buổi sinh hoạt lần 1: Nhân viên xã hội và các thành viên gặp gỡ làm quen và tìm ra vấn đề chung mà nhóm đang gặp phải



Tên nhóm

Nhóm lao động nữ nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.



Tên NVXH: H.



Ngày sinh hoạt: 18/04/2021



Địa điểm: tại phòng trọ của chị N.T.N



Chủ đề sinh hoạt: Nhân viên xã hội và các thành viên gặp gỡ, làm quen và tìm ra vấn đề chung mà nhóm đang gặp phải.



Mục đích của nhóm

Giúp các thành viên trong nhóm cùng làm quen với nhau cũng như làm quen với nhân viên xã hội. Để từ đó dễ dàng làm việc cũng như để đưa ra một số quy định cam kết cho nhóm cũng như cho nhân viên xã hội.



Mục tiêu của buổi sinh hoạt

- Cùng nhau chia sẻ làm quen với nhau
- Nhóm cùng nhau sinh hoạt theo các chủ đề, các chủ đề được nhóm chọn
- Giúp các nhóm viên biết về các nhóm viên khác để dễ dàng sinh hoạt
- Giúp các nhóm viên đưa ra cam kết quy định cho nhóm và nhân viên xã hội

• **Hoạt động để đạt được mục tiêu**



Hoạt động 1: Khởi động

Nhân viên xã hội cho các thành viên trong nhóm đứng theo vòng tròn cho các thành viên hát và vỗ tay theo bài hát "*Bốn phương trời*". Sau đó cho chơi trò chơi "*trán, cằm, tai*".



Hoạt động 2: *Giới thiệu các thành viên trong nhóm và nhân viên xã*

hội

Cho các thành viên giới thiệu về bản thân (tên, tuổi, nghề nghiệp....) bằng cách lần lượt giới thiệu bản thân xong, các thành viên sẽ tự mời các thành viên khác

giới thiệu. Đồng thời, nhân viên xã hội cũng giới thiệu cho các thành viên biết về mình.

+ Đầu tiên nhân viên xã hội (NVXH) mời chị N.T.N, chị nói: *“Tôi tên N năm nay 24 tuổi, quê ở Thanh Hóa. Nhà em có 4 anh chị em, trờ đưa em út ở quê đang học lớp 10 thì 3 anh em em đều vào Bình Dương làm công nhân. Mới đầu có anh cả và chị hai đi làm. Sau đó em nghỉ học lớp 9, anh chị về đưa em vào đây làm công nhân luôn.*

+ Tiếp theo đó, chị H lại mời chị L.T.H.V, chị chia sẻ: *“Tôi tên V năm nay 26 tuổi, quê ở Bến Tre hiện tại đang là công nhân tại khu công nghiệp Sóng Thần 3. (Cười)*

+ Tiếp đó chị V mời chị T, chị L.T.T nói: *“Tôi tên T.T năm nay 28 tuổi, quê ở Đồng Tháp, hiện đang có con 3 tuổi nhưng gửi về cho ông bà ngoại nuôi giúp. Hằng tháng em gửi tiền về để lo sữa cho con. Còn nói về chồng cũ của em thì... buồn lắm. Em ở miền Tây lên đây làm công nhân, ở trọ thì gặp anh. Anh quê Bình Phước. Mới đầu lấy nhau sống cũng được. Nhưng sau đó thì bắt đầu ham cá độ bóng đá, không bỏ được. Về còn đòi tiền em. Em không đưa thì chửi, đánh em. Em chịu hết nổi nên dù đang có bầu em cũng bỏ luôn.... Mới đầu cũng sợ mọi người bàn tán, nói ra nói vào. Nhưng giờ em thấy chuyện phụ nữ bỏ chồng cũng bình thường mà chị. Mà ba má em cũng ủng hộ chuyện này nên em cũng được an tâm”.*

+Sau chị T.T chị mời chị T.H.H, chị Nh nói: *“Em tên T.H.H năm nay 20 tuổi quê ở Tiền Giang. Em theo chị em lên Thủ Dầu Một làm công nhân. Chị em làm công ty rồi chỉ em nộp hồ sơ vào làm cùng với chị”.*

+ Sau khi chị H nói xong thì mời chị P.V.T, chị nói: Em tên là T năm nay 25 tuổi, quê ở Tây Ninh. Trước đây thì em cũng có làm công nhân may mặc cho một công ty ở chỗ huyện em ở. Nhưng tiền lương thấp quá, tháng nào tiêu hết tháng đó, không để dành được đồng nào. Thế nên em theo chị em xuống đây làm để kiếm ít tiền gửi về quê cho má nuôi em, với cũng giành dụm ít để lấy chồng (cười)”.

+ Sau khi các thành viên trong nhóm đã giới thiệu hết thì nhân viên xã hội cũng đứng lên giới thiệu.

✓ **Hoạt động 3:** *Trao đổi và tìm ra mục đích chung của nhóm*

Chị N là nhóm trưởng trong nhóm khơi gợi vấn đề để các thành viên nói lên suy nghĩ. Chị N cho các thành viên chơi trò truyền cây bút, sau một bài hát ngắn nếu cây bút đến tay người nào thì người đó sẽ chia sẻ về vấn đề này. Chị khuyến khích các thành viên bày tỏ những lo lắng, suy nghĩ của mình. Trò chơi bắt đầu, bài hát đầu tiên kết thúc cây bút đến tay của chị M.

Chị N mời chị T nói lên suy nghĩ của mình. Chị cho biết: *“Thì, thì....(Suy nghĩ) Nhắc đến những người lao động nữ thì cả đồng vấn đề cần chú ý và lo lắng chẳng hạn: sợ thất nghiệp không có tiền, sức khỏe không được đảm bảo tại nơi làm việc, lo tiền cho ba, mẹ với em ở quê, nhà trọ không đảm bảo an ninh...”*.

Chị T.H.H nói tiếp lời: *“Công nhân ở đây ai cũng có những lo lắng về những điều này nhưng cũng chỉ mình tự lo rồi tự tìm cách giải quyết chứ cũng không biết nhờ ai giúp đỡ. Ở quê lên đây kiếm được việc làm là tốt rồi, nhưng lương lại bấp bênh nên phải tiết kiệm tiền không dám chi tiêu nhiều cái nào giảm được thì giảm để gửi tiền về quê phụ giúp ba,mẹ. (Nét mặt buồn)”*

Chị H mời chị V chia sẻ, chị V nói: *“Em ở Thanh Hóa vào đây xa xôi chỉ mong tìm được việc làm có thu nhập cao và ổn định để có tiền gửi về quê cho em đi học để nó không phải làm công nhân như em. Với em cũng muốn có thêm tiền để giành cho bản thân sau này nếu có về lại quê thì có ít vốn để mở quán hay cửa hàng buôn bán nhỏ gì đó”*.

Chị N tiếp lời chị V: *“Chị cũng nghĩ vậy, ở quê làm ăn khó khăn, làm nông cũng không kiếm được nhiều tiền mà gặp năm được mùa thì còn có lời chứ mất mùa thì không đủ tiền ăn chứ chưa nói là tiền cho con đi học. Em chưa có con nhưng thấy hàng xóm rồi mấy người cùng quê lên đây họ cũng gặp những khó khăn như vậy nên mọi người thường giúp đỡ nhau”*.

Chị T.T cũng chia sẻ thêm: *“Tháng nào em có tăng ca thì có thêm lương, nhưng do dịch bệnh nên gần đây thời gian tăng ca không được nhiều, mà trong đó họ rất khó mình làm sai là họ lại dọ trừ lương mình, thời gian nghỉ trưa của mình cũng không được tự do.”*

Chị V nhận xét chung và rút ra kết luận về hoạt động 3 này, vấn đề mà các thành viên trong nhóm lo lắng hàng đầu là thu nhập không ổn định.

✓ **Hoạt động 4:** *Thảo luận, trao đổi đưa ra bản cam kết*

Sau khi các thành viên giới thiệu xong thì nhân viên xã hội cho các thành viên trao đổi thảo luận, đưa ra những quy định khi sinh hoạt, đồng thời đưa ra kế hoạch cho buổi sinh hoạt hôm sau. Cuối buổi, đề cử một thành viên sẽ giữ chức vụ nhóm trưởng.

Hoạt động này nhằm giúp cho các thành viên có nền tảng cho các buổi sinh hoạt khác và có một nề nếp khi sinh hoạt.

Nhân viên xã hội hỏi ý kiến của các thành viên trong nhóm, 5 thành viên trong nhóm và 3 nhân viên xã hội đều đồng ý đề cử chị N.T.N làm nhóm trưởng.

Nhóm thảo luận và lên kế hoạch cho buổi sinh hoạt sau về một số vấn đề như:

- + *Chủ đề*: trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại
- + *Địa điểm*: tại phòng trọ của chị N.T.N
- + *Thời gian*: chủ nhật, ngày 25/12/2014 vào lúc 9g00' – 10g30'

✓ **Hoạt động 5: Nhóm trưởng và nhân viên xã hội nhận xét và tổng kết buổi sinh hoạt nhóm**

Nhóm trưởng bắt cho nhóm hát bài "*Anh em ta về*". Tiếp đó, nhận xét và tổng kết lại buổi sinh hoạt nhóm.

Sau đó, nhân viên xã hội nhận xét và đưa ra một số ý kiến trong buổi sinh hoạt và đồng thời, một lần nữa nhắc lại nội dung và quy định làm việc của nhóm để các thành viên ghi nhớ.

- **NVXH phân tích buổi sinh hoạt**

- Thuận lợi**

- + Có địa điểm, thời gian, dụng cụ chuẩn bị cho buổi sinh hoạt khá đầy đủ và tốt
 - + Số lượng tham gia đầy đủ, hình thức sinh hoạt sinh động
 - + Sự cộng tác nhiệt tình của các thành viên, đặc biệt nhóm trưởng khá linh động trong buổi sinh hoạt, chị N luôn khơi gợi để các thành viên có thể trò chuyện với nhau một cách tự nhiên

Khó khăn

- + Các thành viên còn ngại ngùng, chưa thân thiện với nhau;

+ Bởi đây là buổi sinh hoạt đầu tiên của nhóm nên các thành viên chưa tạo được mối quan hệ gần gũi. Các thành viên nói lên suy nghĩ của mình khá ít, nên làm cho chúng tôi hiểu khá ít về họ;

+ Các thành viên khá thụ động trong việc bắt chuyện với nhau, chưa mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình;

+ Tuy vậy, các thành viên cũng đã cố gắng nói lên suy nghĩ của bản thân. Đây là điều đáng khích lệ và cần phát huy hơn sau các buổi sinh hoạt tiếp theo.

- **Kế hoạch cho buổi sinh hoạt sau**

- Buổi sinh hoạt sau sẽ được tổ chức vào ngày 25/04/2021

- *Thời gian*: vào lúc 9g00' – 10g30'

- *Địa điểm*: Tại phòng trọ chị N.T.N

- *Đề tài*: Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại

- **Điều quan tâm trong buổi sinh hoạt sau**

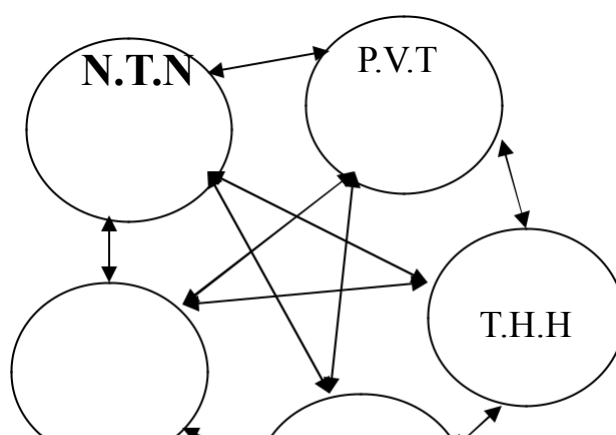
- Cần có kỹ năng làm việc, khơi gợi vấn đề tốt

- Xem trước kế hoạch của buổi sinh hoạt hôm sau để đem lại hiệu quả hơn

- Chuẩn bị tài liệu tốt hơn

- Chú ý và quan sát kỹ hơn mối tương tác nhóm

❖ **Sơ đồ tương tác nhóm**



L.T.H

.V

L.T.T

Qua buổi sinh hoạt này đã tạo được sự hứng thú cho các thành viên. Các thành viên đã dần dần hiểu biết về nhau, cũng có một số thành viên cởi mở hơn. Thành viên trong nhóm chia sẻ rằng: *Trong môi trường này, chúng tôi mới hiểu được sống cần phải biết cách chia sẻ tình cảm với nhau, cùng động viên nhau để làm bản thân mình sống vui hơn, cuộc sống có ý nghĩa hơn rất nhiều.*

Các nhóm viên có mối quan hệ bình thường. Trong khi chia sẻ trao đổi các thành viên trong nhóm biết nhường nhịn nhau. Nhóm xác định vấn đề và đưa ra mục tiêu, cách giải quyết rất nhanh. Sau khi đã thiết lập được mối quan hệ với các thành viên trong nhóm. Nhóm chúng tôi đã lên kế hoạch cho các tuần tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu cũng như từng bước hoàn thành giai đoạn giữa trong công tác xã hội nhóm.

3.3.2.2. Thông tin chi tiết về các thành viên



Thành viên 1

- Họ và tên: L.T.T
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1993
- Nơi sinh: Đồng Tháp
- Hiện đang sinh sống tại: Phường Phú Hòa – TP. Thủ Dầu Một
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Sức khỏe thể chất: bình thường
- Sức khỏe tâm thần: bình thường
- Hôn nhân gia đình: có 1 con 3 tuổi



Thành viên 2

- Họ và tên: T.H.H
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 2001

- Nơi sinh: Tiền Giang
- Hiện đang sinh sống tại: Phường Phú Hòa – TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Sức khỏe thể chất: Bình thường

– Sức khỏe tâm thần: Bình thường

– Hôn nhân gia đình: Độc thân



Thành viên 3

– Họ và tên: L.T.H.V

– Giới tính: Nữ

– Năm sinh: 1995

– Nơi sinh: Bến Tre

– Hiện đang sinh sống tại: Phường Phú Hòa – TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương

– Nghề nghiệp: Công nhân

– Sức khỏe thể chất: Bình thường

– Sức khỏe tâm thần: Bình thường

– Hôn nhân gia đình: Độc thân



Thành viên 4

– Họ và tên: P.V.T

– Giới tính: Nữ

– Năm sinh: 1996

– Nơi sinh: Tây Ninh

– Hiện đang sinh sống tại: Phường Phú Hòa – TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương

– Nghề nghiệp: Tự do

– Sức khỏe thể chất: bình thường.

– Sức khỏe tâm thần: bình thường

– Hôn nhân gia đình: Độc thân



Thành viên 5

- Họ và tên: N.T.N
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 1996
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Hiện đang sinh sống tại: Phường Phú Hòa – TP. Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Nghề nghiệp: Công nhân
- Sức khỏe thể chất: Bình thường

- Sức khỏe tâm thần: Bình thường
- Hôn nhân gia đình: Độc thân

3.3.2.3. Mục đích chung của nhóm hướng đến

Thông qua buổi sinh hoạt vào ngày chủ nhật ngày 18/04/2021 tại nhà trọ của chị N.T.N các thành viên nhóm cùng với 3 nhân viên xã hội đã xác định được **mục đích chung mà nhóm muốn hướng tới**: “Hỗ trợ nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một”.

Biểu hiện qua:

- Các thành viên trong nhóm có sự lo lắng.
- Tìm ra các biện pháp tốt nhất để đối phó với các vấn đề này.
- Cố gắng làm việc, tạo thêm nguồn thu nhập.
- Hình thành các nhóm sinh hoạt tập thể nhằm giúp đỡ lẫn nhau.

3.3.2.4. Mục tiêu của nhóm

- Cùng nhau trao đổi chia sẻ kinh nghiệm với nhau giúp tìm ra biện pháp tốt nhất khi gặp khó khăn.
- Nhóm cùng sinh hoạt theo chủ đề các chủ đề được nhóm chọn.
- Giúp các thành viên có được cho bản thân mình những cách đối phó với từng khó khăn của mỗi cá nhân.
- Các thành viên trong nhóm bộc lộ ý kiến cũng như kinh nghiệm của mình
- Giúp các thành viên hiểu nhau hơn và có thể giúp đỡ lẫn nhau.

3.3.2.5. Phương pháp hoạt động và mô tả công việc của nhóm



Phương pháp hoạt động

- Thành phần trong nhóm: 1 nhóm trưởng (là thành viên trong nhóm), 4 thành viên và 1 nhân viên xã hội

– Hoạt động theo các quy định của các thành viên trong nhóm đề ra, các cam kết chung của các bên khi mới thành lập nhóm (cam kết của trưởng nhóm, của nhân viên xã hội và của nhóm viên).

– Các thành viên thống nhất sinh hoạt nhóm vào chủ nhật hàng tuần, 1 buổi/tuần. Thời gian sinh hoạt trong vòng một tiếng, vào lúc 9g00’. Do các thành viên đa phần là công nhân, nên họ chỉ rảnh vào cuối tuần.

- Địa điểm: tại nhà trọ của chị N.T.N
- Hoạt động dựa trên việc tự tìm kiếm các nguồn lực, nguồn hỗ trợ.
- Thời gian sinh hoạt của nhóm: Trong vòng 5 tuần (từ ngày 18/04/2021 đến ngày 09/05/2021).



Mô tả công việc

Sinh hoạt theo chủ đề nhằm mục đích giúp người nữ lao động nhập cư chuẩn bị trước tinh thần để cùng đối mặt với vấn đề khó khăn đã đang và có thể xảy ra trong thời gian sắp tới. 1

- *Buổi 1:* Nhân viên xã hội và các thành viên gặp gỡ làm quen và tìm ra mục tiêu chung cho nhóm

- *Buổi 2:* Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại của các thành viên trong nhóm

- *Buổi 3:* Tổ chức các buổi trò chuyện chia sẻ giữa các thành viên với nhau về lợi ích khi được hỗ trợ giải quyết khó khăn.

- *Buổi 4:* Lượng giá cuối cùng

NVXH lên kế hoạch trước để chuẩn bị trao đổi với nhóm.

Các thành viên sẽ tích cực tham gia và nếu ai vắng mặt thì phải có lý do cụ thể, phải báo trước cho nhóm trưởng hoặc nhân viên xã hội. Ngoài ra, các thành viên thống nhất chọn N.T.N làm nhóm trưởng (Thành viên nhóm).

3.3.3. Giai đoạn: Giữa

Đây là giai đoạn chính trong Công tác xã hội nhóm, giai đoạn này đưa đến những thay đổi khá quan trọng giữa các thành viên trong nhóm và nhân viên xã hội. Do vậy, lúc này NVXH cần chứng minh khả năng chuyên môn của bản thân mình. NVXH quan tâm đến việc chia sẻ thông tin, cảm xúc và kinh nghiệm giữa các thành viên với nhau. Đặc điểm của giai đoạn này là sự bộc lộ cảm xúc, mong đợi được sự đáp trả lại. Ở giai đoạn này, các thành viên trong nhóm trao đổi chia sẻ các thông tin về cá nhân, về công việc, hiểu về bản thân mọi cá nhân hơn. Nhóm viên cảm thấy

thoải mái, chấp nhận, lắng nghe và đồng cảm với nhau khi vào nhóm luôn cảm thấy mình thuộc về nhóm hơn.

Để đạt được mục tiêu trên, chúng tôi tiến hành các hoạt động liên quan đến mục tiêu chung của nhóm. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng thường xuyên theo dõi, quan

sát và đánh giá sự thay đổi của các nhóm viên trong quá trình tiến hành các buổi sinh hoạt, nhằm xem xét sự thay đổi một cách chi tiết và rõ ràng của từng cá nhân và của nhóm để có thể đưa ra các giải pháp điều chỉnh sinh hoạt, sao cho phù hợp với nhóm.

Buổi sinh hoạt lần 2: Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại của các thành viên trong nhóm

❖ **Tên nhóm**

Nhóm nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một

❖ **Tên NVXH: H.**

❖ **Ngày sinh hoạt:** Ngày 25/04/2021 vào lúc 9g00' – 10g30'

❖ **Địa điểm sinh hoạt:** Nhà trọ chị N.T.N

❖ **Buổi sinh hoạt thứ:** Hai

❖ **Chủ đề sinh hoạt:** Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề khó

khăn hiện tại của các nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một

❖ **Nhóm viên có mặt**

– N.T.N (Trưởng nhóm)

– P.V.T (Thành viên)

– L.T.H.V (Thành viên)

– T.H.H (Thành viên)

– L.T.T (Thành viên)

❖ **Nhân viên xã hội có mặt: H.**

❖ **Mục đích của nhóm**

– Cùng nhau trò chuyện chia sẻ về vấn đề kinh tế, công việc của gia đình.

– Nhóm cùng nhau sinh hoạt theo các chủ đề mà các thành viên trong nhóm lựa chọn, hoặc theo sự gợi ý của nhân viên xã hội.

– Giúp các thành viên trong nhóm hiểu, biết được tình trạng kinh tế của các thành viên trong nhóm.

– Giúp các thành viên phác thảo ra tầm quan trọng của việc sự ổn định của tình trạng kinh tế có tầm quan trọng như thế nào đối với việc phát triển đời sống.



Mục tiêu của buổi sinh hoạt nhóm

Giúp các thành viên chia sẻ trao đổi về vấn đề kinh tế và thu nhập hiện tại của gia đình. Hiểu hơn về công việc của từng thành viên trong nhóm. Từ đó giúp các

thành viên có thể hiểu nhau hơn, dễ dàng chia sẻ, trao đổi với nhau. Cũng có thể từ đây giúp cho các thành viên có nguồn thu nhập từ nền kinh tế ổn định có thể giúp đỡ những thành viên có nguồn thu nhập từ nền kinh tế khó khăn.

• **Hoạt động để đạt được mục tiêu đó**



Hoạt động 1: Khởi động đầu buổi bằng hát bài hát “Vỗ cái tay lên đi”

Ổn định chỗ ngồi: chị N sẽ cho nhóm ngồi thành vòng tròn để dễ dàng thảo luận, trao đổi. Sau đó nhóm sẽ khởi động. Chị N cho các thành viên đứng theo vòng tròn cho các bạn hát và vỗ tay theo bài “Vỗ cái tay lên đi”.



Hoạt động 2: Chia sẻ về vấn đề kinh tế hiện tại của gia đình

Chị N phổ biến cách thức của hoạt động này, để các thành viên trong nhóm lần lượt ai cũng được nói lên suy nghĩ của bản thân mình. Cách thức để các thành viên trả lời như sau: “*Sẽ có quả bóng nhỏ, các thành viên sẽ chuyển tay nhau, khi kết thúc bài hát quả bóng tay ai thì người đó trả lời. Sau đó, một thành viên trong nhóm trả lời xong sẽ mời một thành viên khác trong nhóm trả lời câu hỏi này*”.

Chị N đứng lên gợi ý về vấn đề: ví dụ như kinh tế gia đình hiện tại như thế nào? Và trò chơi truyền bóng bắt đầu, kết thúc bài hát quả bóng nằm trong tay của chị V nên:

– Chị L.T.H.V chia sẻ: *Tôi cùng ông xã đang làm việc tại công ty khu công nghiệp cao thu nhập của 2 vợ chồng cũng gọi là ổn định so với các thành viên khác.*

– Tiếp đó đến chị T.H.H nói: *Hiện tại thu nhập của tôi còn khá thấp, có khi không đủ trang trải cho cuộc sống hằng ngày. (Mặt có vẻ đang buồn)*

– Chị P.V.T chia sẻ: *Hiện tại tôi cũng có nguồn thu nhập nhưng không đảm bảo cho sinh hoạt cuộc sống hiện tại.*

– Chị L.T.T cho biết: *Hiện tại tôi vẫn đi làm và có thu nhập nhưng phải gửi tiền về quê để phụ giúp tiền thuốc cho mẹ nên tiền sinh hoạt hàng tháng cũng không có được đầy đủ. (vẻ mặt lo lắng)*

– Cuối cùng, chị N là nhóm trưởng chia sẻ về bản thân: *Tôi cũng đang làm công nhân, tiền lương cũng không cao hàng tháng ngoài tiền sinh hoạt cá nhân thì cũng phải gửi tiền về quê phụ giúp gia đình.*

Tóm lại:

Kết thúc trò chơi, các thành viên đã lần lượt bày tỏ được suy nghĩ, lo lắng hiện tại. Hiện nay, kinh tế của các thành viên gặp nhiều khó khăn. Tiền lương không đáp ứng đủ chi phí sinh hoạt và những việc phát sinh trong gia đình.

✓ **Hoạt động 3:** *Sử dụng công cụ thảo luận nhóm bằng cách đưa ra các*

vấn đề liên quan tới kinh tế như thuận lợi, khó khăn của kinh tế gia đình. Thu nhập của gia đình để cho các thành viên thảo luận với nhau

Ở hoạt động này các thành viên trong nhóm thảo luận với nhau rất tích cực. Tuy nhiên cũng có những quan điểm trái ngược nhau giữa chị P.V.T với chị L.T.H.V. Sau khi được giải thích thì ý kiến của chú và chị đã hòa được với nhau.

Thuận lợi và khó khăn của kinh tế gia đình hiện tại:

– *Thuận lợi*

- + Có được nguồn thu nhập, hầu như ai cũng có việc làm.
 - + Một số thành viên trong nhóm có thêm một số công việc làm thêm.
- *Khó khăn*
- + Có con cái học hành, gia đình có người bệnh.
 - + Chi phí sinh hoạt hàng ngày tăng.
 - + Một số thành viên trong nhóm chỉ dựa vào một nguồn thu nhập.

✓ **Hoạt động 4:** *Tổ chức một trò chơi "Con thỏ"*

Trò chơi này sẽ do một thành viên trong nhóm đứng ra làm quản trò. *Chị V* giờ tay xung phong tổ chức trò chơi này.

Chị V cho các thành viên chơi và nhân viên xã hội cũng tham gia vào chơi. Chị V phổ biến luật chơi như sau: Các thành viên trong nhóm và nhân viên xã

hội sẽ làm theo lời nói của người quản trò chứ không làm theo hành động. “*Con thỏ ăn cỏ, uống nước, chui vô hang*”. Trò chơi này giúp các thành viên bớt đi căng thẳng, đem lại tiếng cười cho sau 2 hoạt động ở trên.

✓ **Hoạt động 5:** *Lượng giá buổi sinh hoạt*

Kết thúc trò chơi nhân viên xã hội sẽ lượng giá buổi sinh hoạt hôm nay.

Nhận xét chung về nhóm: Nhóm đã cùng nhau chia sẻ vấn đề của mình. Các thành viên trong nhóm tham gia nhiệt tình. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có một số ý kiến trái ngược nhau trong khi thảo luận nhưng các thành viên đã dung hòa được với nhau.

Nhận xét về từng thành viên:

+ Chị N là nhóm trưởng tham gia rất nhiệt tình và cũng giúp đỡ các thành viên khác trong nhóm.

+ Chị P.V.T cũng có nhiều đóng góp nhiều ý kiến nhưng chị hơi nóng. Lần sau chị nên rút kinh nghiệm trong các buổi sinh hoạt nhóm khác.

+ Chị V cũng cho nhóm nhiều ý kiến hay. Nhưng chị còn bảo thủ trong những ý kiến mình đưa ra. Chị nên rút kinh nghiệm cho những lần sinh hoạt sau.

+ Chị L.T.T còn ngại ngùng chưa có đóng góp cũng như ý kiến.

+ Chị H cũng tham gia đóng góp cho nhóm rất nhiệt tình.

• **NVXH phân tích buổi sinh hoạt**

Thuận lợi

+ Phòng ốc thuận tiện cho buổi trò chuyện, chia sẻ để có thể làm các thành viên hiểu nhau hơn

+ Các thành viên trong nhóm tham gia chơi trò chơi cũng như tham gia trao đổi chia sẻ về vấn đề kinh tế của gia đình

+ Nhóm trưởng nhiệt tình trong việc giúp đỡ các thành viên thảo luận tìm ra các vấn đề liên quan tới kinh tế của gia đình

+ Liên quan tới vấn đề kinh tế thu nhập của gia đình nên các thành viên trong nhóm rất nhiệt tình chia sẻ

Khó khăn

+ Các thành viên còn có một số tranh cãi trong khi thảo luận nhóm

+ Vấn đề liên quan tới kinh tế do vậy các thành viên vẫn còn ngần ngại, chưa chịu trả lời thật lòng mình

• **Ghi nhận sự tiến bộ của từng cá nhân trong nhóm**

+ Mọi tương tác giữa các thành viên với nhau tốt hơn nhiều, các thành viên có sự quan tâm với nhau.

- + Các thành viên nhiệt tình chia sẻ về vấn đề này.
- + Nhóm trưởng rất nhiệt tình, năng động trong việc giúp các thành viên trao đổi về vấn đề.
- + Sự tương tác giữa nhóm trưởng và các thành viên trong nhóm rất tốt.

+ Kế hoạch chuẩn bị cho buổi sinh hoạt hôm nay chủ đạo hơn buổi sinh hoạt tuần trước rất nhiều.

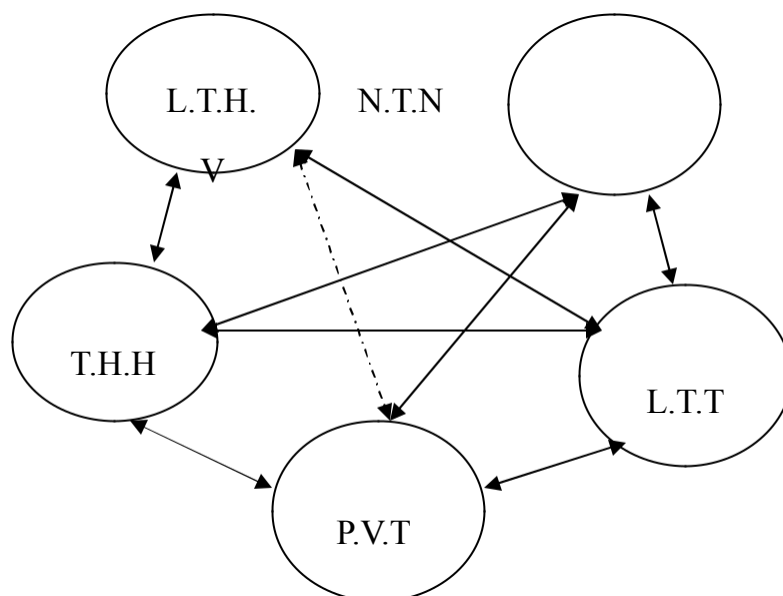
- **Kế hoạch cho buổi sinh hoạt sau**

- Buổi sinh hoạt sau sẽ được tổ chức vào ngày 02/05/2021 lúc 9g00' – 10g30'
- Địa điểm: Tại phòng trọ của nhóm trưởng.
- Chủ đề: Tổ chức buổi trò chuyện chia sẻ về cách hỗ trợ giữa các nữ lao động nhập cư.

- **Những điều quan tâm trong buổi sinh hoạt sau**

- Cần có kỹ năng giao tiếp tốt hơn
- Chú ý và quan sát kỹ hơn môi tương tác giữa các thành viên trong nhóm
- Cần cho các thành viên tự trình bày ý kiến của mình về vấn đề
- Có cách giải quyết tốt khi xảy ra mâu thuẫn trong lúc sinh hoạt nhóm

❖ **Sơ đồ tương tác nhóm**



Qua buổi sinh hoạt này đã giúp các thành viên trong nhóm mạnh dạn chia sẻ vấn đề của mình với nhau hơn. Tuy có một mâu thuẫn nhỏ nhưng các thành viên

trong nhóm đã biết dung hòa với nhau. Từ đây, các thành viên đã hiểu hơn về nhau, đã tạo được sự gắn kết từ các thành viên trong nhóm với nhau.

Buổi sinh hoạt lần 3: Tổ chức buổi trò chuyện chia sẻ về cách hỗ trợ giữa các nữ lao động nhập cư.



Tên nhóm

Nhóm nữ lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một



Tên NVXH: H.



Ngày sinh hoạt: Ngày 02/05/2021 vào lúc 9g00' – 10g30'



Địa điểm sinh hoạt: Nhà trọ chị N.T.N



Buổi sinh hoạt thứ: Ba



Chủ đề sinh hoạt: Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề khó

khăn của các nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một



Nhóm viên có mặt

- N.T.N (Trưởng nhóm)
- P.V.T (Thành viên)
- L.T.H.V (Thành viên)
- T.H.H (Thành viên)
- L.T.T (Thành viên)



Nhân viên xã hội có mặt: H.



Mục đích của nhóm

- Cùng nhau trò chuyện chia sẻ về vấn đề kinh tế, công việc của gia đình.
- Nhóm cùng nhau sinh hoạt theo các chủ đề mà các thành viên trong nhóm lựa chọn, hoặc theo sự gợi ý của nhân viên xã hội.
- Giúp các thành viên trong nhóm hiểu, biết được tình trạng kinh tế của các thành viên trong nhóm.
- Giúp các thành viên phác thảo ra tầm quan trọng của việc sự ổn định của tình trạng kinh tế có tầm quan trọng như thế nào đối với việc phát triển đời sống.



Mục tiêu của buổi sinh hoạt nhóm

Giúp các thành viên chia sẻ trao đổi về vấn đề kinh tế và thu nhập hiện tại của gia đình. Hiểu hơn về công việc của từng thành viên trong nhóm. Từ đó giúp các thành viên có thể hiểu nhau hơn, dễ dàng chia sẻ, trao đổi với nhau. Cũng có thể từ đây giúp cho các thành viên có nguồn thu nhập từ nền kinh tế ổn định có thể giúp đỡ những thành viên có nguồn thu nhập từ nền kinh tế khó khăn.

- **Hoạt động để đạt được mục tiêu:**



- **Hoạt động 1: Khởi động**

Nhóm sinh hoạt vòng tròn tạo sự linh động, tạo mối quan hệ gần gũi giữa các thành viên với nhau. Nhóm trưởng bắt một bài hát tập thể: “*Nối vòng tay lớn*” để tạo không khí thoải mái trước khi bước vào buổi sinh hoạt



Hoạt động 2: Nhóm trưởng phổ biến nội dung sinh hoạt

Nhóm trưởng phổ biến nội dung sinh hoạt hôm nay cho các thành viên nắm rõ hơn. Nội dung sinh hoạt: “*trò chuyện, chia sẻ giữa các thành viên với nhau về những mặt khó khăn của nữ lao động nhập cư*”. Mọi người sẽ nói lên quan điểm, suy nghĩ về vấn đề này.



Thông qua hoạt động này nhằm giúp các thành viên hiểu rõ chủ đề sinh hoạt của buổi hôm nay, giúp các thành viên trong nhóm định hướng trước cần phải làm gì.



Hoạt động 3: Sử dụng công cụ động não bằng cách đưa ra câu hỏi “Việc được hỗ trợ về kinh tế và an sinh xã hội đem lại những lợi ích gì đối với mọi người?”.

Nhân viên xã hội đã thảo luận cách thức, phương thức trả lời câu hỏi với nhóm trưởng trước đó để tất cả các thành viên đều được nói lên cảm nghĩ của mình về chủ đề hôm nay.

Chị N đưa ra chủ đề của buổi sinh hoạt hôm nay, sau đó đặt câu hỏi cho các thành viên lần lượt trả lời. Các thành viên sẽ suy nghĩ và đưa ra câu trả lời cho câu hỏi sau: “*Việc được hỗ trợ về kinh tế và an sinh xã hội đem lại những lợi ích gì đối với mọi người?*”. Mọi người có khoảng 10 phút để bày tỏ suy nghĩ của bản thân.

Nhóm trưởng điều hành nhóm, nói rõ cách thức trả lời câu hỏi. Các thành viên lần lượt trả lời câu hỏi này.

Chị N mời Chị H chia sẻ về vấn đề này. Chị nói: “*Ở công ty cũng có những chương trình thi đua có thưởng nhưng những cái này làm cho vui thôi chứ nó không giúp đỡ được bao nhiêu.*”

Còn đối với chị L.T.T thì chị chia sẻ: “*Tôi cũng thấy vậy ngoài tiền lương thì tôi không có thêm như nhập nào, nếu tăng ca thì cuối tháng có thêm tiền mua ít đồ*

và gửi về cho gia đình. Ngoài tiền lương thì công ty không có thêm khoản phụ cấp nào cho người lao động”.

Tiếp đó, chị V cho biết: *(Cười, trầm ngâm suy nghĩ)* “Đối với bản thân tôi thì

phải lo thêm cho con nên gánh nặng chi phí cao hơn. Chi phí sinh hoạt ở đây thì ngày càng tăng mà tiền lương thì không tăng, con ngày càng lớn thì tiền cho nó cũng phải nhiều hơn. Công ty không có hỗ trợ cho người làm mà các chính sách cũng không được thực hiện nên đời sống của người rất khó khăn nhất là người từ nơi xa đến nữa. Ngoài tiền bảo hiểm thì hầu như không có thêm một khoản hỗ trợ nào ”.

Chị P.V.T tiếp lời của chị V: *“Thường ngày hay nghe tin tức thì thấy có bao nhiêu là chính sách hỗ trợ cho công nhân nhưng lên đây làm được mấy năm có thấy được hưởng chính sách nào đâu. Có chị bạn làm chung nghỉ để thì có được tiền bảo hiểm xã hội chứ công ty cũng không có hỗ trợ gì”.*

Chị N nói: *“Tôi cũng thấy vậy, ”.*

Tóm lại hoạt động này:

Chị N nhận xét và tổng kết lại hoạt động này:

+ Các thành viên đều không nhận được các chính sách hay bất kỳ nguồn hỗ trợ nào.

+ Sức khỏe ai cũng tốt tuy nhiên, việc chăm sóc sức khỏe cần được chú ý và quan tâm nhiều hơn.

+ Tinh thần chưa thực sự thoải mái, đời sống tinh thần không được quan tâm.

+ Luôn lo lắng về phí sinh hoạt và các khoản chi tiêu hàng tháng.



Hoạt động này giúp các thành viên trong nhóm hiểu về nhau hơn, biết được những suy nghĩ của các thành viên về những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua đó ta thấy được những khó khăn cả về vật chất và tinh thần của nữ lao động nhập cư. Sử dụng công cụ động não trong hoạt động này, giúp các thành viên có thể trả lời một cách nhanh nhất đi đúng trọng tâm của câu hỏi, và có thể định hình, phân tích vấn đề đang được hỏi.



Hoạt động 4: Tổ chức trò chơi “Tôi bảo”

Nhân viên xã hội sẽ là người quản trò, tổ chức trò chơi này, nhân viên xã hội sẽ đưa ra luật chơi như sau: Khi người quản trò nói có từ tôi bảo đứng đằng trước thì các thành viên mới làm theo, không có từ “Tôi bảo” thì không được là theo, ai làm người

đó sẽ bị phạt. Ví dụ 1: Tôi bảo mọi người giơ tay lên thì các thành viên phải giơ tay lên.
Ví dụ 2: Mọi người đứng lên, nếu các thành viên đứng lên đồng nghĩa là bị phạt. Người quản trò hỏi các thành viên đã hiểu và sẵn sàng chơi chưa ạ? Các thành

viên gật đầu và nói đã sẵn sàng. Nhân viên xã hội tổ chức trò chơi, các thành viên hứng thú, tham gia tích cực.

Hoạt động giải trí này nhằm giúp các thành viên bớt đi căng thẳng trong hoạt động 3 ở trên, nhằm đem lại cảm giác thoải mái sau buổi sinh hoạt.



Hoạt động 5: Lượng giá buổi sinh hoạt

+ Nhân viên xã hội và các thành viên trong nhóm lượng giá cuối cùng sau buổi sinh hoạt này.

+ Buổi sinh hoạt diễn ra khá thành công, các thành viên nói lên được suy nghĩ của bản thân về những khó khăn mà mình đang gặp phải.

+ Tinh thần của các thành viên thoải mái hơn khi được chia sẻ và có người hiểu về những khó khăn của mình cũng như đồng cảm với những điều đó.

• NVXH phân tích buổi sinh hoạt

Thuận lợi

- Phòng ốc thuận tiện cho buổi trò chuyện, chia sẻ để có thể làm các thành viên hiểu nhau hơn.

- Các thành viên đến khá đúng giờ, không vắng mặt bất cứ ai cả.

- Không ai vi phạm các quy định trong bản cam kết.

- Nhóm trưởng năng động, nhiệt tình trong quá trình điều hành và tổ chức trò chơi cho nhóm.

- Các thành viên trong nhóm ngày càng hiểu về nhau, gắn kết và có mối quan hệ tốt. Đặc biệt là chị L.T.T có sự tiến bộ rõ rệt, chị nhiệt tình chia sẻ, tham gia các hoạt động khá tích cực.

- Chị N thì ngày càng khẳng định mình, năng động trong vai trò là người trưởng nhóm, là người điều hành và tổ chức các hoạt động trong nhóm.

- Một số thành viên còn ngại ngùng, chưa chịu chia sẻ về vấn đề này hay chỉ nói qua loa và đi vào trọng tâm của chủ đề.

- Khó khăn trong việc tổ chức trò chơi thư giãn, vì các thành viên trong nhóm đều đã lớn tuổi.

- Trong buổi sinh hoạt, Chị H khá trầm, tuy đã khá hơn các buổi sinh hoạt trước nhưng vẫn khiêm tốn trong việc chia sẻ, nói lên suy nghĩ của bản thân.

- Tuy các thành viên đã gây dựng được mối quan hệ với nhau nhưng trong buổi sinh hoạt đôi lúc các thành viên trầm lắng xuống, trưởng nhóm phải linh hoạt để điều hòa lại không khí.

- **Ghi nhận sự tiến bộ của từng cá nhân trong nhóm**

- Mối tương tác giữa các thành viên với nhau tốt hơn nhiều, nói chuyện với nhau một cách khá thân thiết và gần gũi.

- Các thành viên nhiệt tình chia sẻ, đóng góp ý kiến về vấn đề này.

- Các thành viên tích cực bày tỏ suy nghĩ của mình trong các hoạt động.

- Năng động, tham gia nhiệt tình trong các trò chơi mà bản kế hoạch đã đề ra.

- Tiến bộ thấy rõ nét nhất là chị L.T.T, chị nhiệt tình chia sẻ, nói lên quan điểm của mình, một cách khá chi tiết, bộc lộ cảm xúc của mình trong những từ ngữ mà chị nói ra.

- Các thành viên đến sinh hoạt khá đúng giờ theo quy định.

- Trong buổi sinh hoạt không ai vi phạm các quy định trong bản cam kết.

- **Kế hoạch cho buổi sinh hoạt sau**

- *Thời gian*: Được tổ chức vào 9g00', chủ nhật ngày 09/05/2021

- *Địa điểm*: Tại phòng trọ của chị N.T.N

- *Chủ đề*: Xây dựng một số biện pháp để nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nữ lao động nhập cư.

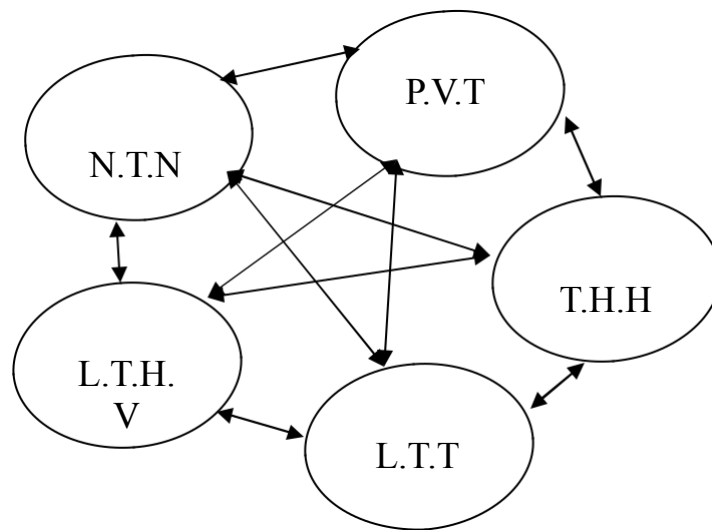
- **Những điều quan tâm trong buổi sinh hoạt sau**

- Cần sự hợp tác của tất cả các thành viên

- Chú ý và quan sát kỹ hơn mối tương tác giữa các thành viên trong nhóm

- Các thành viên chuẩn bị cho việc đánh giá tiến trình sinh hoạt cũng như cách làm việc của các thành viên trong nhóm.

❖ Sơ đồ tương tác



Thông qua buổi sinh hoạt này, các thành viên trong nhóm ngày càng xích lại gần nhau, mối quan hệ dần được cải thiện và họ biết cách quan tâm lẫn nhau. Các thành viên đã chịu chia sẻ và nói về suy nghĩ của mình. Sau quá trình quan sát buổi sinh hoạt, nhân viên xã hội đã thấy được rõ được vấn đề và tầm quan trọng của việc xây dựng các chính sách và của các tổ chức xã hội. Sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần của họ đang bị “bỏ rơi” và thiếu đi sự quan tâm tận tình từ những bộ phận có trách nhiệm.

3.3.4. Giai đoạn: LƯỢNG GIÁ

3.3.4.1. Lượng giá

❖ Tên nhóm

Nhóm nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một.

❖ Tên NVXH: H.

❖ Ngày sinh hoạt: 09/05/2021

❖ Địa điểm sinh hoạt: Tại phòng trọ chị N.T.N

❖ Buổi sinh hoạt thứ: Tư

❖ **Chủ đề sinh hoạt:** Lượng giá kết thúc đợt sinh hoạt nhóm

❖ **Nhóm viên có mặt**

- N.T.N (Trưởng nhóm)
- P.V.T (Thành viên)
- L.T.H.V (Thành viên)

– T.H.H (Thành viên)

– L.T.T (Thành viên)

 **Nhân viên xã hội có mặt: H.**

 **Mục đích của nhóm**

- Giúp đánh giá nhóm trong quá trình sinh hoạt vừa qua.
- Đánh giá các thành viên nhóm bằng cách cho các thành viên trong nhóm chấm chéo nhau.
- Nhận xét và đánh giá quá trình làm việc của nhân viên xã hội trong thời gian qua.
- Tổng kết lại quá trình sinh hoạt nhóm.
- Kết luận nhóm có hoạt động nữa hay không khi nhân viên xã hội không làm việc với nhóm.

 **Mục tiêu của buổi sinh hoạt nhóm**

Buổi sinh hoạt với nhân viên xã hội cuối cùng của nhóm. Qua buổi sinh hoạt này giúp cho thành viên trong nhóm tự nhận xét bản thân và nhận xét thành viên bên cạnh. Đồng thời nhân viên xã hội nhận xét các thành viên trong nhóm. Đặc biệt đây là buổi giúp cho nhóm có hoạt động nữa hay không.

• **Các hoạt động để đạt được mục tiêu đó**



Hoạt động 1: Khởi động

Như đã phân công hôm nay chị H sẽ cho nhóm khởi động để tăng sự năng động của chị hơn.



Hoạt động 2: Hướng dẫn cho các thành viên trong nhóm làm bảng nhận xét cá nhân và bảng nhận xét từng thành viên trong nhóm

Mục đích để cho các thành viên trong nhóm tự nhận xét lẫn nhau tự đánh giá lẫn nhau. Hoạt động này để xem trong suốt quá trình hoạt động các thành viên trong

nhóm có quan tâm lẫn nhau hay không. từ đó nhân viên xã hội mới có cái nhìn khách quan về các thành viên.

✓ **Hoạt động 3:** *Nhân viên xã hội nhận xét, tổng kết quá trình làm việc với nhóm*

Nhân viên xã hội phỏng vấn từng thành viên, cho từng thành viên làm bảng chấm chéo và căn cứ vào biên bản cũng như ghi chép từ những buổi sinh hoạt trước để nhận xét nhóm và từng thành viên.

Nhân viên xã hội nhận xét về nhóm:

Trong suốt thời gian hoạt động thì nhận thấy nhóm hoạt động rất nhiệt tình từ nhóm trưởng cho tới các thành viên. Tuy có một số lần mâu thuẫn nhưng sau đó các thành viên đã biết dung hòa với nhau.

Nhân viên xã hội nhận xét về từng thành viên:

 Đối với chị N.T.N

– Ưu điểm

- + Nhiệt tình, năng động tham gia vào các hoạt động trong nhóm
- + Biết cách điều phối một cách linh hoạt và giải quyết mâu thuẫn trong nhóm
- + Sáng tạo trong việc lãnh đạo nhóm
- + Trong các buổi sinh hoạt, chị N làm khá tốt vai trò trưởng nhóm của mình

– Nhược điểm

- + Đôi lúc cũng khá lúng túng khi giải quyết các vấn đề căng thẳng trong nhóm
- + Đôi lúc chị làm việc còn nghiêng về tình cảm

Đối với chị P.V.T

– Ưu điểm

- + Nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của nhóm
- + Tạo được thiện cảm và biết cách dung hòa với các thành viên trong nhóm

– Nhược điểm

- + Đôi lúc còn bảo thủ
- + Nóng tính trong lúc nhóm đang sinh hoạt

 Đối với chị L.T.H.V

– Ưu điểm

- + Năng động tham gia các hoạt động
- + Nhiệt tình đóng góp ý kiến và chia sẻ vấn đề của mình đang gặp phải
- + Thân thiện, tạo được mối quan hệ tốt với các thành viên trong nhóm và nhân viên xã hội

– Nhược điểm

- + Đôi lúc cũng còn bảo thủ, bảo vệ cái tôi của mình +
Quản trò chưa được tốt, cần cố gắng nhiều hơn nữa

 Đối với chị T.H.H

– Ưu điểm

- + Biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến, hay chia sẻ của các thành viên trong nhóm + Tham gia tích cực vào các hoạt động trong các buổi sinh hoạt
- + Qua các buổi sinh hoạt, chị có sự tiến bộ khá rõ rệt, chia sẻ về bản thân mình nhiều hơn

– Nhược điểm

- + Đôi lúc còn thụ động trong việc chia sẻ về gia đình của mình + Ít nói, trầm tĩnh

 Đối với chị L.T.T

– Ưu điểm

- + Nhiệt tình đóng góp ý kiến, và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân mình có được
- + Hỗ trợ nhóm trưởng khá nhiều trong các buổi sinh hoạt
- + Năng động, chia sẻ suy nghĩ của mình nhiều hơn thông qua từng buổi sinh hoạt

– Nhược điểm

- + Là người khá nóng tính
- + Đôi lúc còn trầm

Nhân viên xã hội tổng kết:

Mục đích của hoạt động này là nhân viên xã hội tổng kết lại tất cả các ý kiến của thành viên trong nhóm và ý kiến của nhân viên xã hội. Đồng thời nhân viên xã hội cùng với các thành viên trong nhóm thảo luận xem nhóm có hoạt động tiếp nữa hay ngừng lại.

Giai đoạn giữa còn được tiếp tục khi các thành viên có nhu cầu, nhưng nhóm sẽ tự hoạt động không có nhân viên xã hội. Các buổi sinh hoạt tiếp theo vẫn được thực hiện theo các chủ đề do nhóm tự quyết định. Cho đến nay thì nhóm cũng đã đạt

được nhiều kết quả khả quan, tinh thần các thành viên đã ổn định lên khá nhiều. Họ hiểu được tầm quan trọng việc chăm sóc đời sống của người lao động nhập cư đặc biệt là lao động nữ. Đồng thời có thêm kinh nghiệm để hỗ trợ những người cùng hoàn cảnh.

Bên cạnh đó, còn giúp các thành viên xích lại gần hơn, hiểu về nhau và đồng cảm với hoàn cảnh từng thành viên, quan tâm nhau và mối quan hệ giữa các thành viên cải thiện một cách khá rõ rệt. Họ thân thiện, cười nói vui vẻ với nhau, nhìn giống như một gia đình nhỏ. Vấn đề của các thành viên được giải quyết, họ được hỗ trợ nhiều về mặt tinh thần, lạc quan, giảm bớt sự lo lắng và được chuẩn bị tinh thần để đối mặt với vấn đề.



Hoạt động 4: Nhân viên xã hội cảm ơn và kết thúc đợt làm việc với nhóm

Nhân viên xã hội cho hát bài "*Bốn phương trời*", sau đó nói lời cảm ơn các thành viên trong nhóm và kết thúc hoạt động nhóm tại đây. Nếu có dịp sẽ gặp lại mọi người, mọi người hãy giữ liên lạc với nhau, ai có thắc mắc hay muốn hỏi riêng về vấn đề gì thì cứ liên lạc trực tiếp qua điện thoại. Chúc mọi người có được nhiều thành công trong cuộc sống, suy nghĩ lạc quan và luôn có một sức khỏe thật tốt.

• NVXH phân tích buổi sinh hoạt

Thuận lợi

- + Phòng ốc thuận tiện cho việc truyền tải nội dung.
- + Các thành viên đến đúng thời gian quy định.
- + Không ai vi phạm các quy định đã đề ra trong bản cam kết.
- + Thời gian sinh hoạt vừa đủ, truyền đạt hết nội dung như trong bản kế hoạch đề ra trước đó.
- + Các thành viên thân thiện và gần gũi, tham gia rất nhiệt tình trong các hoạt động.
- + Chị H tổ chức trò chơi khá tốt, chị tích cực và tiến bộ nhiều biểu hiện rất rõ qua các buổi sinh hoạt.
- + Các thành viên được hỗ trợ khá nhiều về mặt tinh thần.

Khó khăn

- + Đôi lúc các thành viên chưa nhiệt tình khi tham gia trò chơi.

- + Vì các thành viên ở xa nên khó khăn trong vấn đề đi lại.

+ Trong khi nhận xét lẫn nhau, các thành viên còn ngại ngùng, chưa dám nói.

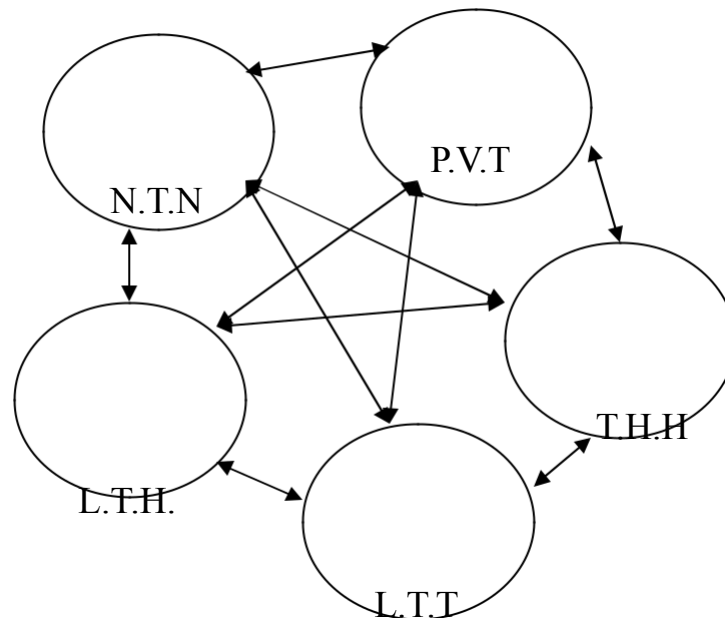
- **Ghi nhận sự tiến bộ của từng cá nhân trong nhóm**

- Các thành viên đã cảm thấy thoải mái hơn, giảm bớt sợ lo lắng và căng thẳng khi đối mặt trước nguy cơ bị cắt giảm công việc do dịch bệnh.

- Các thành viên xích lại gần nhau, hiểu và học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Các thành viên trong nhóm học hỏi được cách quan tâm người khác, có được một số kỹ năng, phương pháp trong việc giải quyết các mâu thuẫn hay xung đột trong cuộc sống.

 Sơ đồ tương tác nhóm



3.3.4.2. Kết luận

Qua một thời gian tiến hành công tác xã hội với nhóm, các thành viên trong nhóm về cơ bản đã tìm ra được những cách giải quyết tốt khi bị cắt giảm nguồn tài trợ. Các buổi sinh hoạt dưới hình thức chia sẻ, đưa ra các ý kiến để nhằm giải quyết vấn đề trước mắt. Các thành viên nhiệt tình chia sẻ kinh nghiệm có được để các thành viên khác học hỏi. Các buổi sinh hoạt thu hút được sự tham gia tích cực, chủ động của từng thành viên. Mỗi tương tác nhóm tương đối tốt hơn so với trước khá nhiều, mỗi tương tác này được nhân viên xã hội đánh giá đã đến giai đoạn trưởng thành, bền

vững mang tính chất năng động nhóm, vai trò được biểu hiện rõ ràng đưa đến kết quả sinh hoạt tốt nhất.

Qua các chủ đề khác nhau trong các buổi sinh hoạt, cũng như các hoạt động giải trí khác của nhóm. NVHX nhận thấy những thành viên trong nhóm đã mạnh dạn chia sẻ trao đổi với nhau, không còn mâu thuẫn trong những buổi sinh hoạt. Các thành viên trong nhóm dần hiểu nhau, cụ thể chú P.V.T và chị V đã dần dần dung hòa được với nhau. Các thành viên trong nhóm có được mối quan hệ rất tốt với nhau. Việc tìm ra một số giải pháp để chuẩn bị trước cho việc cắt giảm nguồn tài trợ và có khả năng không được điều trị miễn phí thuốc ARV là một việc không dễ dàng thực hiện. Từng cá nhân phải tự chuẩn bị tinh thần cho mình trước, phải tự trang bị cho mình một công việc ổn định cũng như một nguồn thu nhập để sau này khi không còn sự hỗ trợ thì còn có cái để dựa dẫm vào. Từ đây để các thành viên trong nhóm có được biện pháp dự phòng để đến khi đối mặt với khó khăn không phải rơi vào tình trạng khó khăn và khủng hoảng.

Áp dụng hiệu quả *thuyết nhận thức*, một lần nữa khẳng định muốn thay đổi các suy nghĩ cũng như tìm ra các biện pháp hữu hiệu giúp cho thân chủ tự nhìn nhận những suy nghĩ không hợp lý của mình, cho thân chủ thấy được hậu quả và có kế hoạch kiểm soát thay đổi, khắc phục những hậu quả sẽ và đang xảy ra. Suy nghĩ theo hướng tích cực sẽ tạo ra cảm xúc tích cực và hành vi tích cực, hợp lý. Từ đó các thành viên sẽ tự tin trong việc giải quyết các vấn đề của mình sắp phải đối mặt. *Áp dụng thuyết hệ thống* để thấy rằng các thành viên có sự tương tác với nhau. Các thành viên trong nhóm đã tương tác với nhau qua 4 nhiệm vụ cơ bản là hòa nhập thích nghi duy trì và đạt mục tiêu. Để từ đó các cá nhân cùng hiểu nhau và trao đổi thảo luận tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt.

Qua tiến trình thực hiện Công tác xã hội với nhóm, các công cụ, phương pháp được sử dụng một cách hiệu quả. Sử dụng các công cụ kỹ thuật trong các buổi sinh hoạt đã đem lại nhiều hiệu quả cho nhóm khi trao đổi thảo luận vấn đề.

4.4.3. Bài học rút ra khi làm công tác xã hội nhóm

- Về các buổi sinh hoạt cho nhóm

+ Cần chuẩn bị một cách chu đáo về phần nội dung, càng chi tiết càng rõ ràng thì buổi sinh hoạt diễn ra càng thành công tốt đẹp

+ Các dụng cụ, kỹ thuật cần chuẩn bị một cách kỹ càng để hoạt động diễn ra một cách nhanh nhất và đem lại hiệu quả cao

+ Cần điều chỉnh linh hoạt sao cho phù hợp, xen kẽ giữa hình thức và hoạt động để tạo được không khí sôi nổi cuốn hút các thành viên tham gia.

+ Khi tham gia vào các buổi sinh hoạt cần phải tạo được mối tương quan giữa nhân viên xã hội và các thành viên trong nhóm

+ Đừng cứng nhắc đi theo mục tiêu của mình mà mình phải dựa trên nhu cầu của chính các thành viên để đưa ra mục tiêu nhóm

+ Khi vào nhóm, NVXH cần phải sống hòa đồng, cởi mở, chân thành và nhiệt tình cùng làm việc, cố gắng hết mình để giúp đỡ giải quyết vấn đề cho các thành viên

– *Khi chia sẻ, trò chuyện cùng với các thành viên, nhân viên xã hội cần lưu ý:*

+ Cần phải gần gũi, thân thiện, chân thành và tạo được sự tin tưởng đến nhau

+ Có sự quan tâm chung cho tất cả các thành viên trong nhóm, không thiên vị với bất kỳ thành viên nào cả

+ Luôn có sự nối kết, cộng tác với trưởng nhóm để hỗ trợ làm việc tốt hơn.

+ Cần quan sát sự thay đổi của các thành viên trong nhóm qua các buổi sinh hoạt

PHỤ LỤC 1
CÁC BIÊN BẢN CỦA BUỔI SINH HOẠT

1. Biên bản buổi sinh hoạt lần 1 (18/04/2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BUỔI SINH HOẠT

❖ **Thời gian:** Bắt đầu vào lúc 9g00' và kết thúc vào lúc 10g30'

❖ **Ngày sinh hoạt nhóm:** 18/04/2021

❖ **Địa điểm:** Tại phòng trọ chị N.T.N

❖ **Nội dung:** Nhân viên xã hội và các thành viên gặp gỡ làm quen và tìm ra vấn đề chung mà nhóm đang gặp phải

❖ **Thành phần tham gia:**

+ N.T.N (Trưởng nhóm)

+ P.V.T (Thành viên)

+ L.T.H.V (Thành viên)

+ T.H.H (Thành viên)

+ L.T.T (Thành viên)

❖ **Những hoạt động diễn ra trong buổi sinh hoạt**

+ Hoạt động 1: Khởi động. Nhân viên xã hội cho các thành viên trong nhóm

đứng theo vòng tròn cho các thành viên hát và vỗ tay theo bài hát "*Bốn phương trời*".

Sau đó cho chơi trò chơi "*Trán, cằm, tai*".

+ Hoạt động 2: Các thành viên và nhân viên xã hội giới thiệu làm quen với nhau.

+ Hoạt động 3: Thảo luận đưa ra những quy định của của nhóm và của nhân viên xã hội. Bầu ra trưởng nhóm.

+ Hoạt động 4: Cho hát bài "*Anh em ta về*" và tổng kết buổi sinh hoạt



Người thực hiện:

- + N.T.N (Trưởng nhóm)

❖ **Nội dung buổi sinh hoạt:** Nhân viên xã hội và các thành viên gặp gỡ làm quen và tìm ra vấn đề chung mà nhóm đang gặp phải

- + Lý do tổ chức buổi sinh hoạt
- + Mục đích của buổi sinh hoạt
- + Những hoạt động và công việc trong buổi sinh hoạt
- + Lượng giá buổi sinh hoạt

❖ **Ý kiến đóng góp của các thành viên trong nhóm**

- *Tên thành viên đóng góp:*

+ N.T.N có một số đóng góp cho bản cam kết của nhóm sau: *Tham dự mọi buổi sinh hoạt của nhóm. Đến sinh hoạt nhóm đúng giờ (9g00'), nếu có việc bận đột xuất chúng tôi sẽ báo và xin phép với nhóm trưởng hoặc nhân viên xã hội trước.*

+ Chị L.T.T cũng đóng góp một số quy định: *Mọi người cần kiểm chế, không thuật lại những gì đã nghe được cho người ngoài.*

Sau khi thảo luận tất cả các thành viên trong nhóm đều tán thành việc chị N giữ chức vụ nhóm trưởng.

❖ **Kết quả của buổi sinh hoạt:**

- + Các thành viên đã làm quen và biết hết được tên tuổi của nhau.
- + Các thành viên đã thảo luận và đưa ra được thời gian, địa điểm, các quy định và bầu ra được nhóm trưởng cho các buổi sinh hoạt sau.
- + Các thành viên đã đồng ý 3 nhân viên xã hội sẽ làm việc với nhóm trong các buổi sinh hoạt tới.
- + Thời gian tổ chức buổi sinh hoạt diễn ra đúng giờ, thành viên tham gia đầy

đủ.



Nhận xét của nhân viên xã hội đối với từng thành viên trong buổi sinh hoạt:

+ *Đối với Chị N.T.N:* Trong buổi sinh hoạt đầu tiên này nhận thấy chị là người rất nhiệt tình trong việc tập hợp các thành viên lại. Chị cũng là người có trách nhiệm và vui tính, hòa đồng rất thích hợp cho việc làm nhóm trưởng như các thành viên đã bầu chọn. Tuy nhiên, một điều khó cho nhân viên xã hội là chị đã là trưởng

nhóm của một nhóm nên khi nhân viên xã hội làm việc thì không biết làm sao để phù hợp với những kiến thức mà chị đang có.

+ *Chị P.V.T*: Nhận thấy chú cũng tham gia nhóm rất nhiệt tình nhưng bên cạnh đó chú còn hơi ngại đối với nhóm, có một sự lo lắng ở chú đối với 3 nhân viên xã hội. Bên cạnh đó chú cũng là người ít nói, nóng tính.

+ *Chị L.T.H.V*: Chị là người nhiệt tình, năng động và có nhiều đóng góp cho nhóm trong buổi sinh hoạt này. Chị cũng có một điều lo lắng ở nhóm là chị sợ nhóm sẽ tiết lộ thông tin của chị. Nhân viên xã hội đánh giá chị là một người nóng tính.

+ *Chị T.H.H*: Nhân viên xã hội đánh giá chị là một người còn ít nói, ngại tiếp xúc. Do buổi đầu làm quen với nhóm và nhân viên xã hội nên chị còn rụt rè hy vọng trong thời gian sinh hoạt chị sẽ mạnh dạn hơn.

+ *Chị L.T.T*: Trong buổi sinh hoạt này nhận thấy chú là người ít nói và nét mặt cũng như lời nói của chú thì không muốn tham gia nhóm. Nên trong buổi sinh hoạt này chú đặt rất nhiều câu hỏi cho nhóm cũng như cho nhân viên xã hội.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Nhân viên xã hội

Chủ trì

2. Biên bản buổi sinh hoạt lần 2 (25/24/2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BUỔI SINH HOẠT

❖ **Thời gian:** Bắt đầu vào lúc
9g00' Kết thúc vào lúc 10g30'

❖ **Ngày sinh hoạt nhóm:** 25/24/2021

❖ **Địa điểm:** phòng trọ chị N.T.N

❖ **Nội dung:** Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại của các thành viên trong nhóm

❖ **Thành phần tham gia:**

+ N.T.N (Trưởng nhóm)

+ P.V.T (Thành viên)

+ L.T.H.V (Thành viên)

+ T.H.H (Thành viên)

+ L.T.T (Thành viên)

❖ **Những hoạt động diễn ra trong buổi sinh hoạt:**

- + *Hoạt động 1*: Cho các thành viên ngồi vòng tròn để dễ thảo luận, cho khởi động bằng hát bài hát “ vỗ cái tay lên đi”
- + *Hoạt động 2*: Hướng dẫn các thành viên cùng chia sẻ về vấn đề kinh tế của gia đình mình hiện tại
- + *Hoạt động 3*: Sử dụng công cụ thảo luận nhóm bằng cách đưa ra các vấn đề liên quan tới kinh tế như thuận lợi, khó khăn của kinh tế gia đình. Thu nhập của gia đình để cho các thành viên thảo luận với nhau
- + *Hoạt động 4*: Tổ chức một trò chơi "*Làm theo lời nói chứ không làm theo hành động*" để các thành viên bớt đi căng thẳng trong hoạt động ở trên

+ *Hoạt động 5*: Lượng giá buổi sinh hoạt



Người thực hiện:

+ N.T.N (Trưởng nhóm)



Nội dung buổi sinh hoạt: Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề kinh tế gia đình hiện tại của các thành viên trong nhóm

+ Lý do tổ chức buổi sinh hoạt

+ Mục đích của buổi sinh hoạt

+ Những hoạt động và công việc trong buổi sinh hoạt

+ Lượng giá buổi sinh hoạt



Kết quả của buổi sinh hoạt:

- Các thành viên trong nhóm tham gia thảo luận đóng góp ý kiến rất nhiệt tình.
- Các thành viên đã biết được vấn đề kinh tế hiện nay của nhau.
- Nhận được sự thông cảm từ các thành viên với nhau khi nói đến vấn đề kinh tế.
- Thời gian báo cáo hợp lý.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Nhân viên xã hội

Chủ trì

3. Biên bản buổi sinh hoạt lần 3 (02/05/2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BUỔI SINH HOẠT

❖ **Thời gian:** Bắt đầu vào lúc 9g00' và kết thúc vào lúc 10g30'

❖ **Ngày sinh hoạt nhóm:** 02/05/2021

❖ **Địa điểm:** Tại phòng trọ chị N.T.N

❖ **Nội dung:** Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề khó khăn hiện tại của các nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một

❖ **Thành phần tham gia:**

+ N.T.N (Trưởng nhóm)

+ P.V.T (Thành viên)

+ L.T.H.V (Thành viên)

+ T.H.H (Thành viên)

+ L.T.T (Thành viên)

❖ **Những hoạt động diễn ra trong buổi sinh hoạt:**

+ *Hoạt động 1:* Khởi động

+ *Hoạt động 2:* Nhóm trưởng phổ biến nội dung sinh hoạt

+ *Hoạt động 3:* Sử dụng công cụ động não bằng cách đưa ra câu hỏi “Việc được hỗ trợ về kinh tế và an sinh xã hội đem lại những lợi ích gì đối với mọi người?”.

+ *Hoạt động 4:* Tổ chức trò chơi “Tôi bảo”

+ *Hoạt động 5:* Lượng giá buổi sinh hoạt



Người thực hiện:

+ N.T.N (Trưởng nhóm)



Nội dung buổi sinh hoạt: Tổ chức buổi trò chuyện và trao đổi về vấn đề khó khăn hiện tại của các nữ lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một

- Lý do tổ chức buổi sinh hoạt
- Mục đích của buổi sinh hoạt
- Những hoạt động và công việc trong buổi sinh hoạt
- Lượng giá buổi sinh hoạt



Kết quả của buổi sinh hoạt:

- Các thành viên đã làm xong bảng nhận xét của cá nhân, bảng nhận xét chéo từng thành viên và bảng nhận xét của nhóm.
- Tổng kết được kết quả của qua trình sinh hoạt nhóm.
- Nhân viên xã hội nhận được sự đánh giá của các thành viên trong nhóm.
- Kết luận được nhóm vẫn sẽ hoạt động tiếp khi không có nhân viên xã hội.



Nhận xét của nhân viên xã hội đối với từng thành viên trong buổi sinh hoạt:

- *Chị N.T.N:* Chị N qua các buổi sinh hoạt luôn khẳng định vai trò là một người trưởng nhóm, khá nhiệt tình trong quá trình tổ chức các hoạt động. Chị luôn linh động, sáng tạo trong giải quyết các tình huống ngoài ý muốn xảy ra.
- *Chị P.V.T:* Chị T là người luôn có nhiều câu hỏi hay câu trả lời khá hay trong buổi sinh hoạt. Chú luôn làm cho buổi sinh hoạt trở nên thu hút, có cảm giác hứng thú hơn, nhưng đôi lúc chú cũng hơi nóng tính.
- *Chị L.T.H.V:* Chị V luôn đem nhiều tiếng cười đến cho nhóm, chị khá cởi mở và vui tính, nhưng đôi lúc cũng trầm tính.
- *Chị T.H.H:* Chị luôn lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp của người khác, cũng có nói lên được suy nghĩ của mình nhưng khá ít, còn ngại ngùng.
- *Chú L.T.T:* Qua buổi sinh hoạt này, nhận thấy chú T có sự tiến bộ khá rõ rệt. Chú khá nhiệt tình, tích cực trong các hoạt động, đôi khi còn hỗ trợ trưởng nhóm trong quá trình tổ chức buổi sinh hoạt.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Nhân viên xã hội

Chủ trì

4. Biên bản buổi sinh hoạt lần 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BUỔI SINH HOẠT



Thời gian: Bắt đầu vào
lúc 9g00' Kết thúc vào
lúc 10g30'



Ngày sinh hoạt nhóm: 09/05/2021



Địa điểm: Tại phòng trọ chị N.T.N



Nội dung: Lượng giá và tổng kết cuối đợt sinh hoạt



Thành phần tham gia:

+ N.T.N (Trưởng nhóm)

+ P.V.T (Thành viên)

+ L.T.H.V (Thành viên)

+ T.H.H (Thành viên)

+ L.T.T (Thành viên)



Những hoạt động diễn ra trong buổi sinh hoạt:

– *Hoạt động 1:* Khởi động

– *Hoạt động 2*: Bảng nhận xét cá nhân, bảng nhận xét chéo các thành viên với nhau.

– *Hoạt động 3*: Nhân viên xã hội nhận xét và tổng kết lại



Người thực hiện:

+ N.T.N (Trưởng nhóm)



Nội dung buổi sinh hoạt: Lượng giá và tổng cuối đợt sinh hoạt

- Lý do tổ chức buổi sinh hoạt
- Mục đích của buổi sinh hoạt
- Những hoạt động và công việc trong buổi sinh hoạt
- Lượng giá buổi sinh hoạt



Kết quả của buổi sinh hoạt:

- Các thành viên đã làm xong bảng nhận xét của cá nhân, bảng nhận xét chéo từng thành viên và bảng nhận xét của nhóm
- Tổng kết được kết quả của quá trình sinh hoạt nhóm
- Nhân viên xã hội nhận được sự đánh giá của các thành viên trong nhóm
- Kết luận được nhóm vẫn sẽ hoạt động tiếp khi không có nhân viên xã hội



Nhận xét của nhân viên xã hội đối với từng thành viên trong buổi sinh hoạt:

- *Chị N.T.N:* Với chị từ đầu buổi sinh hoạt nhóm tới cuối khi kết thúc thì nhân viên xã hội đánh giá rất cao tính trách nhiệm, nhiệt tình của chị. Chị đã biết cách giải quyết mâu thuẫn cũng như chị đã có sự dung hòa kiến thức của mình khi nói chuyện với nhân viên công tác xã hội.
- *Chị P.V.T:* Trong buổi sinh hoạt này chú là người nói nhiều nhất. Để thấy chú đã có sự tiến bộ rất tốt. Tuy nhiên sự nóng tính của chú vẫn chưa được thay đổi.
- *Chị L.T.H.V:* Buổi đầu tiên của chị đối với nhân viên xã hội là nghi ngờ nhưng giờ chị đã có một lòng tin đối với nhóm. Trong buổi họp lượng giá này chị là người đã tham gia rất nhiệt tình và nhân viên xã hội thấy chị rất buồn khi mà nhân viên xã hội không hoạt động với nhóm trong thời gian tiếp theo. Một điều thấy rõ ở chị là trong khi xảy ra tranh cãi chị là người im lặng sau khi không khí đã im lặng chị mới nói.
- *Chị T.H.H:* Nhân viên xã hội đánh giá chị ở điểm từ một người ít nói trong buổi sinh hoạt này chị là người đã hòa đồng và tham gia vào nhóm rất nhiệt tình.
- *Chị L.T.T:* Nhân viên xã hội chỉ mới nhìn nhận được sự thay đổi một phần của chú trong buổi sinh hoạt này chú cũng tham gia nhưng rất ít. Nhân viên xã hội nhận thấy chú vẫn chưa thay đổi tính cách của mình.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Nhân viên xã hội

Chủ trì

PHỤ LỤC 2

CÁC BẢN CAM KẾT

❖ BẢN CAM KẾT CỦA NHÓM VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Chúng tôi bao gồm:

- + N.T.N (Trưởng nhóm)
- + P.V.T (Thành viên)
- + L.T.H.V (Thành viên)
- + T.H.H (Thành viên)
- + L.T.T (Thành viên)

Trong quá trình sinh hoạt nhóm, chúng tôi xin cam kết sẽ thực hiện đúng và nghiêm túc theo những quy định sau:

Điều 1: Tham dự mọi buổi sinh hoạt của nhóm.

Điều 2: Đến sinh hoạt nhóm đúng giờ (9g00'), nếu có việc bận đột xuất chúng tôi sẽ báo và xin phép với nhóm trưởng hoặc nhân viên xã hội trước.

Điều 3: Kiểm chế, không thuật lại những gì đã nghe được cho người ngoài.

Điều 4: Tham gia các bài tập sắm vai, minh họa mô phỏng trong các buổi sinh hoạt.

Điều 5: Không đem chất kích thích và gây nổ vào nơi sinh hoạt. Các thành viên cần tích cực chia sẻ, đóng góp ý kiến cho các buổi sinh hoạt.

Điều 6: Không hút thuốc để chế độ điện thoại im lặng khi sinh hoạt.

Trên đây là những quy định mà tất cả nhóm viên đã cam kết. Nếu như vi phạm một trong các điều trên thì sẽ bị loại trừ ra khỏi nhóm và chịu trách nhiệm hành vi của mình theo luật pháp Việt Nam quy định.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Các thành viên

Chủ trì



BẢN CAM KẾT CỦA TRƯỞNG NHÓM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Tôi tên là: N.T.N

Năm sinh: 1997

Là trưởng nhóm trong nhóm nữ lao động nhập cư đang có nhu cầu giải quyết vấn đề, tôi xin cam kết sẽ thực hiện nghiêm túc theo những nội dung sau đây:

Điều 1: Chuẩn bị cho các buổi sinh hoạt nhóm.

Điều 2: Khai mạc và kết thúc các buổi sinh hoạt nhóm đúng giờ.

Điều 3: Cung cấp đồ giải lao và tài liệu cần thiết cho mỗi buổi sinh hoạt.

Điều 4: Luôn bảo mật thông tin của các thành viên trong nhóm, không được nói cho người ngoài biết.

Điều 5: Đánh giá, lượng giá sau mỗi buổi sinh hoạt để đảm bảo nhóm đang hỗ trợ các nhóm viên trong việc giải quyết vấn đề.

Điều 6: Cung cấp cho nhóm viên những cơ quan và những tài nguyên cộng đồng phù hợp để giúp họ giải quyết vấn đề.

Điều 7: Luôn lắng nghe tiếp thu ý kiến của các thành viên trong nhóm.

Điều 8: Không vụ lợi cho bản thân mà luôn hướng đến lợi ích của nhóm

Điều 9: Luôn có thái độ công bằng trong quá trình làm việc nhóm.

Điều 10: Tích cực, nhiệt tình và làm việc có trách nhiệm với nhóm.

Trên đây là nội dung mà tôi xin cam kết chấp hành đúng trong thời gian sinh hoạt với nhóm. Nếu như tôi vi phạm một trong các điều trên thì sẽ bị xử phạt thích đáng.

Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 04 năm 2021

Chữ ký của Nhân viên xã hội

Chủ trì

*** Tiểu kết chương 3**

Trong chương 3, chúng tôi đã đưa ra được cụ thể về lý thuyết CTXH nhóm cũng như cách ứng dụng CTXH nhóm theo tiến trình quy định, bên cạnh đó chúng tôi cũng chỉ ra được công cụ, kỹ thuật sử dụng CTXH nhóm. Từ đó chúng tôi đã triển khai thành lập nhóm, sinh hoạt nhóm, duy trì nhóm để cho các nhóm nữ công nhân hoạt động với nhau nhằm hỗ trợ họ về đời sống vật chất gặp khó khăn, tạo sân chơi tinh thần lành mạnh thúc đẩy đời sống văn hóa cho nữ công nhân nhập cư ngày càng phong phú thêm

Từ hoạt động theo mô hình CTXH nhóm chúng tôi thấy đội ngũ công nhân nữ nhập cư ngày càng có nhiều bước phát triển về đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần, các khó khăn ngày càng được khắc phục. Chính vì vậy sau khi hoạt động nhóm theo mô hình CTXH nhóm được nữ công nhân lao động nhập cư duy trì và mở rộng hơn trên địa bàn lao động của thành phố Thủ Dầu Một. Chứng tỏ chúng tôi ứng dụng mô hình CTXH nhóm có hiệu quả nhất định tại thành phố Thủ Dầu Một.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

A. KẾT LUẬN

Chúng tôi đã thực hiện đề tài nghiên cứu và đạt được các kết quả như sau:

Thứ nhất, chúng tôi đã xác định được mục đích nghiên cứu từ đó đề ra nhiệm vụ cụ thể cũng như nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu một cách logic với nhau để triển khai đề tài một cách tường minh.

Thứ hai, chúng tôi đã xây dựng được khung lý thuyết nghiên cứu trên cơ sở tổng quan các vấn đề nghiên cứu có liên quan trong nước và trên thế giới để làm cơ sở lý luận lý giải cho thực trạng nghiên cứu các vấn đề sau này. Bên cạnh đó chúng tôi cũng hệ thống hóa các lý luận nghiên cứu, đặc biệt là các lý thuyết có liên quan đến nội dung nghiên cứu, chỉ ra được các khái niệm liên quan, từ đó xác định được khái niệm công cụ làm nền tảng cho việc nghiên cứu chắc chắn.

Thứ ba, chúng tôi đã khảo sát thực trạng đời sống nữ công nhân nhập cư với những số liệu thực tế, đó cũng là những cứ liệu khoa học để minh chứng cho thực trạng nữ công nhân nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một.

Thứ tư, chúng tôi cũng đã ứng dụng thành công hạt động nhóm theo hướng CTXH nhóm, giúp cho nữ công nhân nhập cư nhận thức được sự thay đổi về nhận thức và cả về đời sống vật chất và tinh thần của họ để duy trì công việc ngày càng phát triển hơn.

B. KIẾN NGHỊ

Đối với các cơ quan nhà nước

Tổ chức nghiên cứu chuyên sâu các đề tài về thực trạng Giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là bộ phận công nhân nhập cư làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp liên doanh với nước ngoài: về điều kiện sống, thu nhập, đạo đức nhân phẩm,

Cần điều chỉnh, bổ sung luật lao động để có những quy chế rõ ràng trong việc tuyển dụng, đào tạo lao động một cách chặt chẽ, phải có những cam kết đảm bảo về thu nhập, mức sống, giờ làm việc của người lao động, đáp ứng các nhu cầu căn bản và tôn trọng phẩm giá của người lao động, có biện pháp giám sát chặt chẽ việc thực hiện chế độ chính sách đối với nữ công nhân nhập cư

Nhanh chóng triển khai dự án xây nhà ở cho công nhân có thu nhập thấp mua trả góp hoặc thuê dài hạn, cải thiện cuộc sống ăn ở, sinh hoạt để họ có một chỗ ở đàng hoàng, sạch sẽ, thoáng mát nhanh chóng phục hồi sức khỏe tái sản xuất sức lao động. Ngoài ra nhà ở cũng là vấn đề nhằm giải quyết ổn định ăn ở để họ an cư lạc nghiệp yên tâm làm việc, lao động kiếm sống đối với nữ công nhân nhập cư

Tạo sân chơi phong phú để công nhân có điều kiện vui chơi giải trí trong giờ nghỉ, ngày nghỉ để họ cảm thấy bớt phần nhàm chán, căng thẳng sau những giờ lao động mệt nhọc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân nhập cư.

Đối với công ty nơi các nữ công nhân nhập cư làm việc

Cải thiện điều kiện, môi trường làm việc cho công nhân, chăm lo quyền lợi vật chất tinh thần, chú trọng đến cuộc sống sinh hoạt hàng ngày mà cụ thể là mức

thu nhập phải đủ sống và có tích lũy để họ yên tâm phần khởi sản xuất gắn bó lâu dài với nhà máy xí nghiệp.

Giảm số giờ tăng ca trong tháng, tạo ra các ngày nghỉ cuối tuần nhiều hơn cho công nhân để họ có điều kiện du lịch, thăm người thân, giao lưu bạn bè đảm bảo cập nhật thông tin mới mẻ, nhanh chóng hồi phục sức khỏe, tinh thần để có thể tham gia lao động đạt năng suất cao.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, theo dõi việc điều trị và khám chữa bệnh, đặc biệt là các nữ công nhân.

Tổ chức các chương trình tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản

Tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, thể thao để họ có cơ hội giao lưu, giải trí, thể hiện bản thân mình nhằm nâng cao chất lượng đời sống.

Thực hiện nhà nước và nhà máy phối hợp cùng làm, xây dựng các khu cư xá, tập thể cho công nhân thuê với giá rẻ, nhằm thể hiện sự quan tâm đến cuộc sống sinh hoạt lâu dài của công nhân.

Đối với các tổ chức xã hội

Thành lập các phòng tư vấn miễn phí cho công nhân.

Thực hiện các dự án liên quan tới việc hỗ trợ đời sống cho công nhân. Đào tạo một đội ngũ nhân viên xã hội chuyên nghiệp hơn để có thể giúp

đỡ cho công nhân tốt hơn khi họ gặp vấn đề cần hỗ trợ

Đối với nhân viên xã hội

Nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn các vấn đề liên quan đến lao động nhập cư để vận động và biện hộ cho quyền lợi của họ

Cộng tác với tổ chức nhà nước, và tổ chức xã hội trong việc chăm lo đời sống lao động nhập cư

Xây dựng chương trình Công tác xã hội trong các khu công nghiệp để kịp thời hỗ trợ công nhân khi có vấn đề cần thiết

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Baobinhduong.vn (2018). Tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình: *Góp phần thay đổi nhận thức về công tác phòng, chống bạo lực gia đình.*

[2]. Baochinhphu.vn (2020). *Đẩy mạnh phòng, chống bạo lực gia đình.*

[3]. Baoquocte.vn. TGVN (2020). *Công bố Báo cáo điều tra quốc gia về bạo lực với phụ nữ. Góc nhìn nhân quyền.*

[4]. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020). *Báo cáo Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với Phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi.*

[5]. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2014). *Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày*

16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình.

[6]. Bùi Thị Xuân Mai (2014). *Giáo trình Nhập môn công tác xã hội*, NXB. Lao động-xã hội.

[7]. Chi cục Thống kê huyện Phú Giáo. Báo cáo năm 2020.

[8]. Chính phủ (2008). *Nghị định số 70/2008/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bình đẳng giới*

[9]. Chính phủ (2009). *Nghị định Số 08/2009/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.*

[10]. Chính phủ (2009). *Nghị định số 48/2009/NĐ-CP Quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới.*

[11]. Chính phủ (2013). *Nghị định số 02/2013/NĐ-CP Quy định về công tác gia đình*

[12]. Chính phủ (2013). *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã*.

[13]. Công tác phòng chống bạo lực gia đình (2011). Tái bản lần 2, NXB Hà Nội.

[14]. Cổng thông tin điện tử Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[15]. dangcongsan.vn (2001). *WHO cảnh báo về nạn bạo lực phụ nữ*.

[16]. Đặng Thị Hoa. *Bạo lực gia đình ở Việt Nam - Thực trạng và các yếu tố tác động*, Viện nghiên cứu Gia đình và Giới.

[17]. Đồng Văn Toàn. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong công tác xã hội*, Bài thuyết trình tóm tắt. Đại học Thủ Dầu Một.

[18]. Grage Mathew (1999). *Nhập môn Công tác xã hội cá nhân*. Lê Chí An dịch, Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí Minh.

[19]. Hoàng Bá Thịnh (2016). *Giáo trình Gia đình học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[20]. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Giáo (2019). Báo cáo năm 2019.

[21]. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Giáo (2020). Báo cáo năm 2020.

[22]. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (2001). *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: Kết quả nghiên cứu tại Thái Bình, Lạng Sơn và Tiền Giang*.

[23]. Huỳnh Minh Hiền (2013). *Lý thuyết và thực hành công tác xã hội*, NXB Thống Kê.

[24]. Laodong.vn (2013). GS.TS Lê Thị Quý: “*Chống bạo lực gia đình chỉ là một nội dung...*”

[25]. la34.com.vn (2020). *WHO cảnh báo tình trạng bạo lực gia đình tăng vọt tại châu Âu*

[26]. Lê Đình Minh Phụng (2020). *Công tác xã hội với nạn nhân bạo lực gia đình trên địa bàn thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương*, Luận văn thạc sĩ.

[27]. Lê Hải Thanh (2011). *Công tác xã hội đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

[28]. Lê Thị Quý (1999). *Bạo lực gia đình và ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách trẻ em*, Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4.

- [29]. Lê Thị Quý (1999). *Nỗi đau thời đại*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [30]. Lê Thị Quý (2000). *Bạo lực gia đình bất bình đẳng trong quan hệ giới*, Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4.
- [31]. Lê Thị Quý, Đặng Vũ Cảnh Linh (2007). *Bạo lực gia đình một sự sai lệch hệ giá trị*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [32]. Lê Thị Quý (2009). *Giáo trình xã hội học - giới*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [33]. Liên hiệp quốc (2006). *Nghiên cứu sâu về bạo hành với phụ nữ* - Báo cáo của Tổng thư ký Liên hiệp quốc.
- [34]. Lê Văn Phú (2004). *Công tác xã hội*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [35]. Luật Bình đẳng giới (2006).
- [36]. Luật Hôn nhân và Gia đình (2014), NXB Lao động.
- [37]. Luật Phòng, chống bạo lực trong gia đình (2008), NXB Lao động.
- [38]. Ngân hàng thế giới (2012). *Tổng quan Bình đẳng giới và phát triển, Báo cáo phát triển thế giới*.
- [39]. Nguyễn An Lịch (2013). *Giáo trình nhập môn công tác xã hội*, NXB Lao động.
- [40]. Nguyễn Thị Oanh (1998). *Công tác xã hội đại cương*, NXB Giáo dục.
- [41] Nguyễn Thị Thái Lan. *Giáo trình Công tác xã hội nhóm*, NXB Lao động Xã hội.
- [42]. Phòng Văn hóa Thông tin và Truyền thanh huyện Phú Giáo (2019). Báo cáo năm 2019.
- [43]. Phòng Văn hóa Thông tin và Truyền thanh huyện Phú Giáo (2020). Báo cáo năm 2020
- [44]. thanhnien.com.vn (2013). *WHO: 30% phụ nữ trên thế giới bị bạo hành gia đình*

[45]. Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 2351/QĐ-TTg Quyết định phê duyệt chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.*

[46]. Thủ tướng Chính phủ (2015). *Quyết định số 1696/QĐ-TTg Quyết định phê duyệt chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020.*

[47]. Tổng Cục Thống kê (2010). *Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam*.

[48]. Trần Đình Tuấn (2018). *Tham vấn tâm lý cá nhân và gia đình*, NXB Đại học Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

[49]. Trang Thông tin điện tử huyện Phú Giáo (2019). *Phú Giáo: Phát động tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới và tổ chức chiến dịch truyền thông năm 2019*.

[50]. Trần Thị Kim Thu (2011). *Giáo trình điều tra xã hội học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[51]. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Phú Giáo lần thứ V – Nhiệm kỳ 2020-2025 (2020).

[52]. Văn kiện Đại hội Đại biểu Phụ nữ huyện Phú Giáo lần thứ V – Nhiệm kỳ 2021-2026 (2021).

[53]. Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2014). *Nghiệm thu đề tài khoa học “Nghiên cứu các giải pháp phòng, chống bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay”*, Tạp chí Số 3.

[54]. Vietnam.unfpa (2014). *Từ Bạo lực gia đình đến Bạo lực giới tại Việt Nam: Mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực*, Tài liệu thảo luận của Liên hợp quốc.

Website:

[55]. <https://quangnam.gov.vn/CMSPages/BaiViet/Default.aspx?IDBaiViet=18020>

[56]. <https://fblaw.vn/nguyen-nhan-va-thuc-trang-cua-nan-bao-luc-gia-dinh/>

[57]. <https://text.123doc.net/document/188369-bao-luc-gia-dinh-o-phu-nu.htm>

PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN

Quý anh/chị thân mến!

Chúng tôi đang thực hiện cuộc thăm dò nhằm nghiên cứu thực trạng: “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hòa - thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương” từ đó để có phương hướng hỗ trợ nữ công nhân lao động nhập cư có công ăn việc làm ổn định hơn. Chúng tôi mong đợi nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình của quý anh/chị bằng cách trả lời các câu hỏi trong bảng khảo sát dưới đây.

Xin chân thành biết ơn sự hỗ trợ của quý anh/chị.

I. PHẦN THÔNG TIN BẢN THÂN:

Xin quý anh/chị vui lòng cho biết một số thông tin về bản thân:

1. Họ và tên:
2. Năm sinh:
3. Giới tính:

II. PHẦN NỘI DUNG CÂU HỎI

A. THỰC TRẠNG NHÂN KHẨU CỦA NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NHẬP CƯ

☐

(đánh dấu X vào mà anh/chị thấy phù hợp)

Câu 1: Anh/chị đã từng nghe qua cụm từ “Công nhân nhập cư” hay chưa?

☐

Có

☐

Không

Câu 2: Anh/chị có quan tâm đến việc làm của nữ công nhân nhập cư không?

Rất quan tâm



Quan tâm ☐

Bình thường. ☐

Không quan tâm. ☐

Câu 3: Cộng đồng nơi anh/chị sinh sống có nhiều nữ công nhân lao động nhập cư không?

Có rất nhiều ☐

Có nhiều ☐

Có ít. ☐

Có rất ít ☐

Không có ☐

Câu 4: Theo anh/chị được biết thì trình độ học vấn của nữ công nhân nhập cư như thế nào?

- Tiểu học ☐

- Trung học cơ sở ☐

- Trung học phổ thông ☐

- Trung cấp nghề ☐

- Trình độ khác ☐

Câu 5: Theo anh/chị được biết thì độ tuổi của nữ công nhân nhập cư như thế nào?

- Từ 18 đến 20 ☐

- Từ 20 đến 25 ☐

- Từ 25 đến 30 ☐

- Từ 30 đến 35 ☐

- Từ 35 đến 40 ☐

- Trên 40 ☐

Câu 6: Theo anh/chị được biết thì tình trạng đời sống hôn nhân của nữ công nhân nhập cư như thế nào?

- Đã lập gia đình ☐

- Đã lập gia đình và có con ☐

- Sống độc thân ☐

- Đã ly hôn ☐

Câu 7: Theo anh/chị được biết thì quê quán của nữ công nhân trước khi nhập cư từ địa phương nào đến?

.....

B. ĐẶC ĐIỂM VIỆC LÀM CỦA NỮ LAO ĐỘNG

Câu 1: Theo anh/chị, nghề nghiệp của nữ lao động trước khi nhập cư thường là nghề nào sau đây?

(đánh dấu X vào phương án trả lời mà anh/chị cho là phù hợp)

1. Hoàn toàn không đúng

2. Không đúng

3. Đúng một phần

4. Đúng

5. Hoàn toàn đúng

STT	Nghề nghiệp trước khi nhập cư	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5

1 Chưa có việc làm

2 Nghề bán hàng

3 Làm công nhân

STT	Nghề nghiệp trước khi nhập cư	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
4	Hướng dẫn viên du lịch					
5	Nghề kế toán					
6	Quản lý khách sạn- du lịch					
7	Làm nhân viên công ty					
8	Làm nghề nông nghiệp					
9	Nhân viên phục vụ					
10	Nghề thợ may					

Câu 2: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư hiện tại làm những nghề nào sau đây?

(đánh dấu X vào phương án trả lời mà anh/chị cho là phù hợp)

5. Hoàn toàn không đúng

6. Không đúng

7. Đúng một phần

8. Đúng

5. Hoàn toàn đúng

STT	Các nghề hiện tại	Phương án trả lời				
		1	2	3	4	5
1	Làm nhà máy xí nghiệp					
2	Buôn bán trên xe di động					
4	Làm thuê/làm công ăn lương					

5 Buôn bán nhỏ

6 Giữ trẻ em

**C. THỰC TRẠNG VỀ ĐỜI SỐNG CỦA NỮ LAO ĐỘNG NHẬP CƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

(đánh dấu X vào phương án trả lời mà anh/chị cho là phù hợp cho các câu hỏi dưới đây)

Câu 1: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư hiện tại thu nhập ở mức nào sau đây:

- a. Dưới 3 triệu ☐
- b. Từ 3 đến 4 triệu ☐
- c. Từ 4 đến 5 triệu ☐
- d. Từ 5 đến 6 triệu ☐
- e. Trên 6 triệu ☐
- f. Khác ☐

Câu 2: Theo anh/chị, tình trạng nhà ở của nữ công nhân lao động nhập cư hiện tại như thế nào sau đây:

STT	Đặc điểm	Các phương án	Đúng	sai
1	Nơi ở hiện nay	Thuê nhà trọ ngủ đêm		
		Nhà thuê hàng tháng		
		Ở nơi làm việc		
		Ở tạm nhà người thân		
		Ở nhà riêng		
		Khác		
2	Loại hình nhà ở	Nhà kiên cố mái bằng		
		Nhà cấp 4		
		Nhà tạm (vách, lợp, tôn...)		
		Khác		
3	Diện tích nhà ở	Thiếu diện tích sinh hoạt		
		Bình thường		
		Thoải mái		

Câu 3: Theo anh/chị, của nữ công nhân lao động nhập cư phải chi tiêu các khoản nào sau đây:

- a. Cho việc ăn uống ☐
- b. Gửi về nhà ☐
- c. Cho việc may mặc ☐
- d. Cho khám chữa bệnh ☐
- e. Cho lễ tết ☐

f. Cho học tập con cái ☐

g. Cho mua sắm tiện nghi ☐

h. Cho tài sản đất tiền ☐

j. Trả tiền thuê trọ



Câu 4: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có được các loại tài sản nào sau đây:

STT	Loại tài sản	Phương án trả lời	
		Có	Không
1	Tủ lạnh		
2	Xe đạp		
3	Xe mô tô		
4	Điện thoại		
5	Ti vi		
6	Radio		
7	Tủ bàn		
8	Máy điều hòa		
9	Nữ trang		

Câu 5: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư chọn loại hình giải trí nào sau đây:

STT	Các loại hình giải trí	Phương án trả lời	
		Chọn	Không chọn
1	Xem ti vi		
2	Đọc báo		
3	Nghỉ ngơi		
4	Giao tiếp với bạn bè		
5	Đi thăm bà con		
6	Đi du lịch xa		
7	Đi mua sắm quần áo		

Câu 6: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư thường bị các bệnh nào sau đây:

STT	Những bệnh thường gặp	Phương án trả lời	
		Có	Không
1	Da liễu		
2	Hô hấp		
3	Bệnh phụ khoa		
4	Thiếu máu		
5	Đau đầu		
6	Mất ngủ		
7	Căng thẳng		
8	Táo bón		
9	Đau mắt		
10	Các bệnh khác		

Câu 6: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư thường tiếp cận y tế như thế nào?

STT	Nội dung	Phương án trả lời	Có	Không có
1	Kiểm tra sức khỏe định kỳ	Có đi kiểm tra		
		Chỉ đi khi bệnh rất nặng		
		Không đi kể cả bệnh rất nặng		
		Khác		
2	Lý do không đi kiểm tra sức khỏe kể cả bệnh rất nặng	Không có tiền		
		Không biết khám ở đâu		
		Không muốn nghỉ làm để đi		
		Không có phương tiện đi lại		
		Nhân viên y tế không công bằng, không tôn trọng		
		Khác		

Câu 7: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có mức sống hiện tại như thế nào?

- a. Đầy đủ, tạm thời ☐
- b. Thiếu thốn ☐
- c. Rất thiếu thốn ☐

Câu 8: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có mức độ hài lòng khi nhập cư như thế nào?

- a. Tốt hơn ☐
- b. Như cũ ☐

c. Tệ hơn



**D. NHU CẦU CỦA NỮ LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** *(đánh dấu X vào phương án trả lời mà anh/chị
cho là phù hợp cho các câu hỏi dưới đây)*

Câu 1: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có những khó khăn nào sau đây:

STT	Các Khó khăn	Có	Không có
1	Về nhà ở, lưu trú		
2	Về điện sinh hoạt		
3	Về nước sinh hoạt		
4	Về môi trường sống		
5	Về giáo dục		
6	Về y tế		
7	Về hỗ trợ vay tiền		
8	Về kết nối nguồn lực		
9	Về giúp đỡ của chính quyền địa phương		
10	Về nắm bắt thông tin		

Câu 2: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có những nhu cầu nào sau đây:

(đánh dấu X vào mức độ phù hợp với suy nghĩ của bản thân)

1. Rất không cần thiết
2. Không cần thiết
3. Ít cần thiết
4. Cần thiết
5. Rất cần thiết

STT	Nhu cầu	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Cải thiện được nhà ở tốt hơn					
2	Được hưởng giá điện sinh hoạt bình thường					
3	Nước sinh hoạt tốt hơn					
4	Môi trường sống không bị ô nhiễm					
5	Được tiếp cận các chính sách giáo dục, y tế					
6	Được hỗ trợ vay tiền chính sách					
7	Được kết nối nguồn lực bền vững					
8	Được chính quyền địa phương giúp đỡ trong cuộc sống					
9	Có được thời gian giải trí nhiều hơn					
10	Nắm bắt thông tin của nhà nước cho người dân					

Câu 2: Theo anh/chị, nữ công nhân lao động nhập cư có những nguyện vọng nào sau đây: (đánh dấu X vào mức độ phù hợp với suy nghĩ của bản thân)

6. *Rất không cần thiết*

7. *Không cần thiết*

8. *Ít cần thiết*

9. *Cần thiết*

10. *Rất cần thiết*

STT	Nguyện vọng	Mức độ cần thiết				
		1	2	3	4	5
1	Làm việc và sinh sống tại đây					
2	Làm việc kiếm ít vốn về quê sống					
3	Làm việc tạm thời					

Chân thành cảm ơn quý anh/chị đã hỗ trợ.

Trân trọng

Bình Dương, ngày 16 tháng 2 năm 2022

BIÊN BẢN CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Của học viên: **Phạm Thị Hương Lan**

Với đề tài: **Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư ở TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương** Tại Trường Đại học Thủ Dầu Một, ngày: *16/02/2022*

Hội đồng đánh giá luận văn được thành lập theo Quyết định số 2106 *QĐ-ĐHTDM*, ngày cấp *31/12/2021* của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một đã nghe học viên: **Phạm Thị Hương Lan** trình bày tóm tắt nội dung luận văn thạc sĩ.

Nhận xét, đặt câu hỏi của thành viên Hội đồng đánh giá luận văn:

1/ Trương Hoàng Trương – PV 1 (Văn bản đính kèm)

- + Độ dày tương đối theo yêu cầu luận văn thạc sĩ, font chữ chưa thống nhất
- + Chú thích bảng đi cùng thông tin
- + Hai chú thích trùng nhau trên biểu đồ
- + Chương mới nên sang trang, chú thích nguồn
- + Tổng quan không có nguồn, cần có thêm nhận định của tác giả cho phần tổng quan
- + Lý do chọn đề tài cần bổ sung khó khăn của công nhân

Câu hỏi:

1/ Nữ công nhân nữ nhập cư họ gặp vấn đề gì => kết nối với địa phương hay với những người nữ với nhau? Nhận diện những trở ngại của người nữ công nhân cần hỗ trợ => để đưa ra mô hình xã nhóm.

Chương 2 và chương 3 rời rạc nhau

2/ TS. Đồng Văn Toàn, PV 2 (Văn bản đính kèm)

- + Viết lại mục tiêu
- + Đặc trưng công nhân nữ ở thành phố TDM để hỗ trợ CTXH
- + Bảng số liệu cần có bảng tổng chung

3/ TS. Trần Minh Đức, Ủy viên (Văn bản đính kèm)

4/ TS. Trần Hạnh Minh Phương (Văn bản đính kèm)

5/ PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga (Văn bản đính kèm)

- Thiếu mục lục
- Kiến nghị
- Các khái niệm liên quan không tập trung vào đề tài

- Mục tiêu nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu và tên đề tài khác nhau

Học viên trả lời câu hỏi

- Sẽ chỉnh sửa theo góp ý của hội đồng

Sau khi nghe tác giả trả lời và người hướng dẫn khoa học nhận xét luận văn. Hội đồng họp riêng và thông qua kết luận. Khi thông qua kết luận, Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm:

- 1) PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga Trưởng ban
- 2) TS. Trương Hoàng Trương Ủy viên
- 3) TS. Trần Hạnh Minh Phương Ủy viên

Căn cứ vào kết quả bỏ phiếu của Hội đồng đánh giá luận văn là:

- Số thành viên Hội đồng tham gia bỏ phiếu: 05
- Tổng số điểm đánh giá luận văn của Hội đồng: 29.2
- Điểm bình quân: 5.84

Hội đồng kết luận:

- 1) Bản luận văn của học viên Phạm Thị Hương Lan đáp ứng yêu cầu của luận văn

Thạc sĩ . Cụ thể là:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2) Các nội dung đề nghị chỉnh sửa (nếu có)

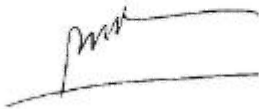
1. Rất nghi ngờ độ tin cậy của luận văn, sao chép của người khác
2. Hình thức, cấu trúc
3. Mục lục, tiểu kết, kết luận, nhiệm vụ, biện pháp giải quyết

4. Tổng quan, trích dẫn
5. Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể
6. Bổ sung các khái niệm công cụ
7. Bổ sung nội dung

Phải thông qua hai phần biện và chủ tịch hội đồng

- 3) Đề nghị công nhận học vị Thạc sĩ cho học viên Phạm Thị Hương Lan

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



TS. Trần Hạnh Minh Phương

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Đỗ Hạnh Nga

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Tên đề tài: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Họ và tên học viên: Phạm Thị Hương Lan

Người viết nhận xét: TS. Trương Hoàng Trương, Phân biện 1

Cơ quan công tác: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Đề tài có tính khoa học và thực tiễn khi mà người lao động nhập cư từ các tỉnh đến làm việc ở các thành phố công nghiệp ngày càng tăng trong đó có Bình Dương.

Nghiên cứu có ý nghĩa trong việc nêu lên tình hình đời sống công nhân hiện tại ở phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Dưới góc độ vai trò của công tác xã hội và việc can thiệp hỗ trợ cho đời sống công nhân có ý nghĩa xã hội.

2. Sự phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo

Tên đề tài phù hợp với chuyên ngành học viên được đào tạo.

3. Về phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

Phương pháp sử dụng trong nghiên cứu là phù hợp

4. Về cấu trúc, hình thức của luận văn

Cấu trúc luận văn gồm 3 chương là phù hợp với luận văn thạc sĩ, song các chương chưa có sự gắn kết với nhau (nêu ở phần yêu cầu sửa chữa).

Hình thức thiếu các nội dung bảng quy ước viết tắt, danh mục hình ảnh biểu đồ, bảng số liệu

5. Về kết quả nghiên cứu, những đóng góp của luận văn

- 1) Luận văn xác định được mục tiêu nghiên cứu
- 2) Nêu lên được tình hình đời sống công nhân nhập cư trên 1 địa bàn cụ thể
- 3) Đưa ra mô hình công tác xã hội can thiệp, hỗ trợ cho đời sống công nhân

6. Góp ý các thiếu sót cần chỉnh sửa, bổ sung

1) Cách thức trích dẫn và tài liệu tham khảo chưa đúng quy cách theo quy định trích dẫn, nhiều chỗ còn chú thích cuối trang

2) Bổ sung các bảng danh mục bảng biểu, bảng số liệu, biểu đồ, danh mục quy ước các từ viết tắt

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2021

Người nhận xét
(ký tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Trương', with a horizontal line underneath it.

Trương Hoàng Trương

3) Nhiều lỗi chính tả, lỗi đánh máy, lỗi trình bày, không nên viết tắt Thủ Dầu Một thành TD1

4) Các chú thích bằng biểu không thể nằm ở cuối trang mà phải chuyển sang cùng 1 trang, tên chương phải nằm ở đầu trang mới; biểu đồ không thể có 2 chú thích cùng lúc.

5) Các công trình trong tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước đều ghi đầy đủ lý lịch của công trình (dạng đề tài, sách tham khảo, bài báo, tên tạp chí, năm xuất bản...).

6) Vận dụng lý thuyết trong luận văn này quá nhiều đến 04 lý thuyết đề nghị học viên chọn lọc.

7) Một số khái niệm như công nhân (tr22) không thấy đề cập có đề mục nhưng bỏ trống. Khái niệm ở mục 1.1.2.4 Khái niệm di dân và mục 1.1.2.5 Khái niệm dân di cư nên gộp lại.

8) Phần tổng quan tác giả cần khái quát, đánh giá tài liệu tổng quan được.

9) Tác giả cần miêu tả rõ hơn việc chọn mẫu cho 200 phiếu khảo sát, cũng như phương pháp chuyên gia được sử dụng trong nghiên cứu này. Tác giả có đề cập nhưng hầu như không thấy bóng dáng chuyên gia. Nếu không có đề nghị tác giả bỏ không đề cập đến phương pháp này.

10) Chương 2 và chương 3 chưa có tính nối kết, chương 2 tác giả cần nhận diện những vấn đề cần hỗ trợ trong đời sống của công nhân nhập cư, từ đó mới có thể xây dựng hướng tiếp cận, các hoạt động công tác xã hội nhóm. Trường hợp này tác giả chú ý đến các nhóm công nhân nhập cư là đồng hương... việc này sẽ tăng hiệu quả trong các mô hình can thiệp của CTXH. Chương 3 các hoạt động hầu như không gắn kết (bắt đầu từ đầu các hoạt động) thay vì những phát hiện từ chương 2. Chương 2 tác giả quá chi tiết ở một số vấn đề như thu nhập, chi tiêu, điều kiện kinh tế... mà không tìm ra (nhận diện) những vấn đề mà công nhân nhập cư cần hỗ trợ. Các hoạt động can thiệp cũng không đánh giá được kết quả.

11) Đề tài không có tiêu kết ở các chương, không có kết luận hay khuyến nghị.

7. Kết luận chung.

Học viên đã giải quyết cơ bản những vấn đề đặt ra song còn nhiều hạn chế như góp ý trên. Đề nghị học viên nghiêm túc sửa chữa, bổ sung để hoàn chỉnh theo yêu cầu góp ý của Hội đồng. Đề nghị Hội đồng thông qua.

Câu hỏi:

1) Học viên làm rõ cách thức chọn mẫu và cách thức thực hiện phiếu khảo sát trong trường hợp nghiên cứu này?

Bình Dương, ngày 15 tháng năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

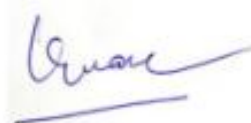
Hội đồng chấm luận văn trực tuyến được thành lập theo Quyết định số và ngày cấp: 2106/QĐ-ĐHTD.M, ngày 31/12/2021 đã họp tại Hội đồng ngày 15/02/2022 để đánh giá luận văn thạc sĩ của học viên: Phạm Thị Hương Lan với đề tài: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hoà, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Cho điểm vào ô trống, thang điểm 10/10)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu	1.0	1.0
2	Tổng quan nghiên cứu	2.0	0.8
3	Phương pháp nghiên cứu	1.0	0.5
4	Kết quả nghiên cứu	3.5	2.5
5	Đạo đức nghiên cứu	0.25	0.25
6	Hình thức nghiên cứu	0.25	0.25
7	Bảo vệ luận văn	1.0	0.5
8	Bài báo khoa học (nếu có)	1.0	0.0
Điểm tổng cộng		10.0	5.8

Ký tên



Họ và tên : Trương Hoàng Trương

Ghi chú:

1) Điểm cộng 0.5: cho mỗi bài viết được đăng trên các Kỷ yếu khoa học, Thông tin khoa học và đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc các Tạp chí khoa học của các Trường chưa được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước cho điểm.

2) Điểm cộng 1: cho mỗi bài báo khoa học được đăng trên Tạp chí khoa học của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc của các Tạp chí khoa học chuyên ngành có tên trong danh mục có điểm được quy định bởi Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Tên đề tài: **CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG
NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HOÀ THÀNH PHỐ THỦ DẦU
MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Chuyên ngành: **CÔNG TÁC XÃ HỘI** Mã số: **8 76 01 01**

Họ và tên học viên: **PHẠM THỊ HƯƠNG LAN**

Người viết nhận xét: **TS-GVC. ĐỒNG VĂN TOÀN**

Cơ quan công tác: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Đề tài có tính cấp thiết, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần hỗ trợ cho công nhân nói chung và nữ công nhân nhập cư trên địa bàn phường Phú Hoà, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Sự phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo

Đề tài luận văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo ngành CTXH

3. Về phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

Học viên đã phối hợp sử dụng nhiều phương pháp trong nghiên cứu cụ thể gồm: Phương pháp nghiên cứu tài liệu; Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi; Phương pháp thảo luận nhóm; phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp thống kê toán học.

4. Về cấu trúc, hình thức của luận văn

Luận văn gồm 03 phần cơ bản: Luận văn có dung lượng 111 trang

- Phần mở đầu (14 trang)

- Phần nội dung

+ Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu (9 trang)

- + Chương 2: Thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại ở thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương (40 trang)
- + Chương 3: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương (29 trang)
- Tài liệu tham khảo sử dụng 59 nguồn tài liệu

5. Về kết quả nghiên cứu, những đóng góp của luận văn

Luận văn đã hệ thống hóa, xây dựng những vấn đề lý luận cơ bản về nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một; dưới góc độ CTXH nhóm. Kết quả nghiên cứu này sẽ bổ sung những vấn đề lý luận mới về CTXH - những vấn đề lý luận về nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một; sẽ làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo có liên quan đến nữ lao động nhập cư.

Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng góp phần khẳng định thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một; phương hướng vận dụng CTXH nhóm nhằm nâng cao đời sống của nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một; tỉnh Bình Dương

Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho địa phương cũng như các cán bộ làm công tác xã hội có những giải pháp hoàn thiện hơn, các mô hình phù hợp hơn, giúp cho cơ quan quản lý hoạch định những chính sách hiệu quả có thể giải quyết vấn đề cho lực lượng này trên địa bàn phường Phú Hòa nói riêng thành phố Thủ Dầu Một nói chung.

6. Góp ý các thiếu sót cần chỉnh sửa, bổ sung

- Rà soát và cô đọng các lý thuyết nghiên cứu, chỉ đưa vào những lý thuyết ứng dụng đến đề tài nghiên cứu;
- Xem và điều chỉnh lại thể thức trình bày luận văn;
- Bổ sung mục lục; danh mục các biểu bảng, đồ thị
- Bổ sung tiểu kết các chương, kết luận và kiến nghị
- Rà soát và sửa lại cấu trúc luận văn theo góp ý của hội đồng;
- Bổ sung, gia công thêm cơ sở lý luận của luận văn
- Làm rõ quy trình các giai đoạn hỗ trợ của CTXH nhóm;

- Tuân thủ trích dẫn theo quy định;
- Bổ sung các yếu tố ảnh hưởng đến nữ công nhân nhập cư;
- Các biểu bảng số liệu bổ sung thêm ĐTB chung;
- Rà soát, chỉnh sửa lỗi diễn đạt, văn phong và chính tả trong luận văn.
- Không viết tắt tùy tiện cần tuân thủ theo nguyên tắc.

7. Kết luận chung

Tuy luận văn còn nhiều thiếu sót nhưng về cơ bản cũng đã đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sĩ chuyên ngành CTXH. Kính đề nghị Hội đồng chấm luận văn thông qua và công nhận học vị thạc sĩ cho học viên Phạm Thị Hương Lan sau khi học nghiêm túc sửa chữa theo góp ý của hội đồng.

8. Câu hỏi

.....

CƠ QUAN XÁC NHẬN

Bình Dương, ngày 16 tháng 2 năm 2022

NGƯỜI NHẬN XÉT



TS-GVC. Đồng Văn Toàn

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hội đồng đánh giá luận văn được thành lập theo Quyết định số: 2106/QĐ-ĐHTDM ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một đã họp tại Trường Đại học Thủ Dầu Một ngày 16/2/2022 để đánh giá luận văn thạc sĩ của học viên: Phạm Thị Hương Lan với đề tài: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Cho điểm vào ô trống, thang điểm 10/10)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa ¹	Điểm đánh giá
1	Xác định đề tài nghiên cứu	1.0	0,5
2	Tổng quan nghiên cứu	2.0	1,2
3	Phương pháp nghiên cứu	1.0	0,5
4	Kết quả nghiên cứu	3.5	2,1
5	Đạo đức nghiên cứu	0.25	0,25
6	Hình thức nghiên cứu	0.25	0,25
7	Bảo vệ luận văn	1.0	1,0
8	Bài báo khoa học	1.0	0,0
	Điểm tổng cộng	10	5.8

Bình Dương, ngày 16 tháng 2 năm 2022

KÝ TÊN



Đồng Văn Toàn

¹ Ghi chú

- Chấm tối đa 0.5 điểm: Cho các bài viết được đăng trên các Kỷ yếu khoa học, Thông tin khoa học và đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc các Tạp chí khoa học của các Trường chưa được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước cho điểm.

- Chấm tối đa 1 điểm: Cho các bài báo khoa học được đăng trên Tạp chí khoa học của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc của các Tạp chí khoa học chuyên ngành có tên trong danh mục có điểm được quy định bởi Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Tên đề tài: **CÔNG TÁC XÃ HỘI NHÓM VỚI NỮ CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚ HÒA THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Họ và tên học viên: Phạm Thị Hương Lan

Người viết nhận xét: TS. Trần Minh Đức

Cơ quan công tác: Khoa Công nghiệp Văn hoá, Trường Đại học Thủ Dầu Một

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Tính cấp thiết, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

Bình Dương là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế vào loại nhanh nhất Việt Nam, nơi hình thành nhiều khu công nghiệp và thu hút được lượng lớn lao động từ khắp mọi miền đất nước. Thủ Dầu Một cũng là một trong những địa phương trong tỉnh đón một lượng lớn dân nhập cư đến sinh sống và làm việc hàng năm. Tuy vậy trong quá trình mưu sinh ở Thủ Dầu Một, thành phần lao động nhập cư này, đặc biệt là nữ giới, nhiều người phải đối mặt với khó khăn. Đề tài “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương” được triển khai có tính cấp thiết.

2. Sự phù hợp của đề tài với chuyên ngành đào tạo

Đề tài “Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương” triển khai nhằm tìm hiểu về cuộc sống hiện tại của những người lao động nữ nhập cư đang sinh sống trên địa bàn. Từ đó, có thể ứng dụng các phương pháp CTXH tạo thành những nhóm có thể giúp các lao động nữ cùng vui chơi, giải trí, hỗ trợ nhau khi đau yếu, khó khăn phù hợp với chuyên ngành CTXH.

3. Về phương pháp nghiên cứu đã sử dụng

Mục tiêu luận văn là khảo sát thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại Phường Phú An Hòa thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, từ đó chỉ ra nguyên nhân, hậu quả, các yếu tố ảnh hưởng đến đời sống của họ và thông qua thực hành CTXH nhóm sẽ đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao đời sống cho nhóm đối tượng này. Luận văn sử dụng một số phương pháp như: Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi, Phương pháp phỏng vấn sâu, Phương pháp thảo luận nhóm, Phương pháp chuyên gia, Phương pháp thống kê toán học, cho thấy đảm bảo xử lý được các dữ liệu khảo sát và xấp nhập thực tế. Đây là những phương pháp phù hợp.

4. Về cấu trúc, hình thức của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 3 chương: Chương 1: Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên cứu; Chương 2: Thực trạng đời sống nữ công nhân lao động nhập cư tại ở thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình dương; Chương 3: Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư tại thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương đảm bảo tính cân đối và hợp lý.

5. Về kết quả nghiên cứu, những đóng góp của luận văn

Luận văn có dung lượng 90 trang nội dung, cơ bản đảm bảo được mục tiêu đề tài đặt ra

6. Góp ý các thiếu sót cần chỉnh sửa, bổ sung

- Cần rà soát lỗi kỹ thuật.

+ Kiểu chữ, cỡ chữ, màu sắc,....

+ Mục tiêu nghiên cứu/ Mục tiêu chung có dòng Trên cơ sở lý luận, đề tài khảo sát thực trạng và học sinh bị bạo lực học đường đề từ đó đề từ đó ứng dụng phương pháp công tác xã hội nhóm đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao đời sống cho nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn Phường Phú An Hòa, thành phố Thủ Dầu một tỉnh Bình Dương

+ Thiệu thông nhất các cụm từ viết tắt (TD1, TPTD1 tỉnh Bình Dương)

7. Kết luận chung

Luận văn cơ bản đáp ứng được yêu cầu của một luận văn thạc sĩ;

Học viên cần nhắc chỉnh sửa bổ sung các góp ý của hội đồng.

Câu hỏi:

1.

2.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thứ Sáu Một, ngày 16 tháng 2 năm 2022

Người nhận xét

(ký tên)



Trần Minh Đức

Bình Dương, ngày 16 tháng 2 năm 2022

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Hội đồng chấm luận văn trực tuyến được thành lập theo Quyết định số và ngày cấp:/QĐ-ĐHTDM, ngày ... đã họp tại Hội đồng ngày ... để đánh giá luận văn thạc sĩ của học viên: **Phạm Thị Hương Lan** với đề tài: **Công tác xã hội nhóm với nữ công nhân lao động nhập cư trên địa bàn phường Phú Hòa thành phố Thủ Dầu Một tỉnh Bình Dương.**

Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ

(Cho điểm vào ô trống, thang điểm 10/10)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu	1.0	0,6
2	Tổng quan nghiên cứu	2.0	1,5
3	Phương pháp nghiên cứu	1.0	0,6
4	Kết quả nghiên cứu	3.5	2,0
5	Đạo đức nghiên cứu	0.25	0,25
6	Hình thức nghiên cứu	0.25	0,25
7	Bảo vệ luận văn	1.0	0,8
8	Bài báo khoa học (nếu có)	1.0	
	Điểm tổng cộng	10.0	6,0

Ký tên



Họ và tên : Trần Minh Đức

Ghi chú:

1) Điểm cộng 0.5: cho mỗi bài viết được đăng trên các Kỷ yếu khoa học, Thông tin khoa học và đào tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc các Tạp chí khoa học của các Trường chưa được Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước cho điểm.

2) Điểm cộng 1: cho mỗi bài báo khoa học được đăng trên Tạp chí khoa học của Trường Đại học Thủ Dầu Một; hoặc của các Tạp chí khoa học chuyên ngành có tên trong danh mục có điểm được quy định bởi Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước.

